
LUẬN BẢO VƯƠNG TAM MUỘI NIỆM PHẬT TRỰC CHỈ

*Sa-Môn Diệu-Hiệp soạn bằng Hán văn
Minh Chánh Việt dịch*

Lời Giới Thiệu của HT. Thích Đức Niệm

Phật giáo đến Việt-Nam và chan hòa với dân tộc như nước với sữa. Trải dài suốt hơn 2000 năm lịch sử, tư tưởng Phật giáo đã thấm sâu vào tâm huyết cốt tủy của người dân Việt, từ suy tư cho đến ngôn ngữ, nếp sống phong tục v.v... khía cạnh nào cũng bằng bạc mang chất liệu Phật giáo. Do đó có thể nói Phật giáo nằm trong lòng dân tộc, ướp thấm sâu đậm tâm hồn người Việt và đã trở thành truyền thống văn hóa tín ngưỡng dân tộc.

Lịch sử Việt-Nam đã chứng minh dân tộc Việt và Phật giáo, trải qua bao cuộc thăng trầm, lúc nào cũng gắn bó chung vai cùng nhau đánh đuổi ngoại xâm, bảo vệ non sông xây dựng đất nước, luôn luôn trong mọi hoàn cảnh hiện diện bên nhau, chia vui xẻ buồn. Nguồn sống của đạo Phật vô tận, đã chứng tỏ sức sống mãnh liệt bền dai, tô đắp đất nước Việt-Nam, tạo nên những bậc anh hùng yêu nước thương nòi như: Trưng Trắc, Trưng Nhị, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Đại Hành, Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông, Lê Lợi, Nguyễn Trãi v.v... đồng thời không ngừng cung ứng cho dân tộc Việt các tinh hoa Phật chất để xây nền văn hóa và niềm tin vững bền. Cho dù đất nước trải qua mấy độ ngoại xâm nội loạn và thiếu số người vong bản bỏ khối dân tộc tin theo đạo Tây, quay lưng với đại khối dân tộc, từ chối niềm tin truyền thống ngàn đời của tổ tiên. Họ vứt bỏ kỷ cương của tổ quốc, từ chối tinh thần yêu nước thương nòi, khinh chê phụng thờ tổ tiên, hiếu kính cha mẹ. Họ cũng chẳng cần đến tinh thần đoàn kết dân tộc, phụng sự tổ quốc, nghĩa đồng bào. Họ đã từng hô hào “Thà mất nước, không thà mất Chúa”.

Tuy nghiệp dân vận nước liên hồi bất hạnh, đạo đức phong hóa suy vi, nhưng người hiền trong thiên hạ có tâm chí ưu thời mẫn thế nhìn về tương lai dân tộc tìm phương bảo vệ đất nước, phục hưng văn hóa đạo đức thì thời nào cũng có. Do đó kinh sách Phật giáo là một bộ phận trong đại thể văn hóa dân tộc vẫn được dịch thuật thành Việt văn, tuy chỉ bằng vào khả năng phương tiện hữu hạn với sức cố gắng cá nhân, chẳng khác như sao trời trong đêm trăng. Đành cam phận trong tình trạng này, lý do chính là các vị lãnh đạo quốc gia có lẽ không ý thức được tầm quan trọng của tạng kinh Việt ngữ đối với sự hướng dẫn quần chúng trong tinh thần Bi Trí Dũng của Phật giáo và cũng không ý thức nổi giáo lý đạo Phật có giàu khả năng bổ sung tô đắp cho nền văn hóa nước nhà phong phú tốt đẹp hơn lên nên họ không để tâm giúp đỡ công tác dịch thuật kinh Phật.

Nhìn lại với các dân tộc láng giềng, thì dân tộc ta gặp quá nhiều bất hạnh đắng cay. Các dân tộc láng giềng được các nhà vua giúp đỡ phương tiện tổ chức dịch thuật, nên nước nào cũng có tạng kinh của nước đó. Còn Việt-Nam ta vốn xưng là 4000 năm văn hiến, và Phật giáo dính liền với sự dựng nước và giữ nước, làm phong phú văn hóa tư tưởng nước nhà đã sống trong lòng dân tộc trải đến hơn 2000 năm lịch sử. Vậy mà mãi đến ngày nay vẫn chưa có tạng kinh bằng Việt ngữ. Dầu rằng ngày nay kinh sách Việt ngữ được dịch thuật khá nhiều, nhưng vẫn còn trong tình trạng phôi thai trong tiến trình hình thành Việt tạng, nếu so

với tạng kinh Hán văn thì chẳng thấm vào đâu! Nghĩ rằng không ít người thao thức về việc hình thành đại tạng kinh Việt ngữ này.

Hiển trọn tâm lòng nhiệt tình với đạo pháp, bằng khả năng thâm nhập giáo lý Phật đà của mình, nay cư sĩ Minh Chánh chuyên ngữ Hán văn thành Việt văn Luận Bảo Vương Tam Muội Niệm Phật Trục Chi để kết duyên Bồ Đề cùng bạn đạo bốn phương. Tỳ kheo Quê Mùa tôi có mấy lời mộc mạc tán dương công đức dịch thuật, đồng thời giới thiệu đến thiện hữu gần xa.

Hoa Kỳ, Vu Lan Tân Ty, 2001
Tỳ Kheo Quê Mùa Thích Đức Niệm

KHUYÊN TU:

Tây phương quê cũ sớm quay về
Hơi thở mạng người chớ trễ mê !
Kiếp tạm có chừng nên quý tiếc
Đừng cho lỡ bước lạc sơn Khê.

Nhất Nguyên Đại Sư

MỤC LỤC

1. Lời Giới Thiệu của Đại Sư Ngẫu Ích
2. Lời Tựa
3. Y, Chánh côi Cực Lạc
4. Phá vọng hiển chơn
5. Trách cứ nhận thức sai lầm
6. Phân tích tâm Phật quán huệ
7. Tôn tượng Phật tại đạo tràng
8. Phá thuyết chấp không
9. Khai thị Thiên Tịnh không hai
10. Giải thích tâm chán Ta Bà vui về Cực Lạc
11. Khuyên tu
12. Khuyên giữ giới sát
13. Khuyên giữ các giới
14. Khuyên nỗ lực tinh tấn
15. Chánh hạnh
16. Biện minh phương cách tu Tam muội
17. Nghi thức tu Tam muội
18. Tán thán đức hóa độ của Phật
19. Mười điều chướng ngại
20. Nghĩa nhứt hạnh Tam muội
21. Hiện thị một nguyện đủ bốn nghĩa
22. Giải thích niệm Phật tiêu tội
23. Lược thuật chư Tổ vãng sanh

- 24. Hồi hương khuyên cầu vãng sanh
- 25. Phụ lục 1 - Niệm Phật phá vọng
- 26. Phụ lục 2 - Kế Tứ liệu giản
- 27. Phụ lục 3 – Văn khuyên phát tâm Bồ đề
- 28. Chú thích

Bảo Vương Tam Muội - Niệm Phật Trục Chỉ

(Tứ Minh Ngân Giang Sa-môn Diệu-Hiệp soạn)

1. Lời giới thiệu của Đại sư Ngẫu Ích

Niệm Phật Tam Muội là phương tiện dễ dàng nhứt, nhiếp cả phàm Thánh, lợi độn gồm thâu, đệ nhứt liễu nghĩa, chí viên chí đốn, khi được nhứt niệm là thẳng vào Phật hải.

Người đời chấp danh không hiểu lý, nghe những kẻ ngu nghịch nhiều tội chỉ cần mười niệm cũng được vãng sanh nên cho là chuyên nhiếp những kẻ phàm liệt độn căn, đó là mê lầm diệu chỉ của Phật, hủy báng thâm kinh vậy.

Tôi nhơn thấy hành nhơn đời mạt pháp nhiều nghi, nhiều chướng khó ngộ khó khai với pháp môn thâm diệu, nếu không trước sự bỏ lý thì cũng chấp lý bỏ sự; đả sự còn có cơ sanh vào hạ phẩm chấp lý thì sẽ lạc vào ác thú không kiến, nếu đã rơi vào đó rồi thì thẳng đến hố sâu thăm thẳm khó có đường ra. Nếu không nhờ pháp này thì khó thoát vòng u tối. Nay đạo sư Diệu-Hiệp thừa tiếp tông chỉ thành lập Liên-Xã, y theo Vĩnh-Minh Giác-Hổ xiển dương Tam Muội Bảo Vương, cảnh quán sáng tỏ, mối nghi dứt sạch, nhập lý duy tâm, y chánh uyển nhiên, thấu rõ bản nguyên tự tánh, cảm ứng không sai, khiến người thấu hiểu nơi lý còn có sự, sự cũng không ngoài lý, người hạ căn nhơn sự ngộ được lý, mà sự giúp sức cho lý, nên dứt hết ý tưởng sai lầm từ trước.

Trên hai trăm năm trở lại kinh điển ít oi gần như phế bỏ, phần giao thông lại trở ngại. Liên-Trì đại sư muốn tìm xem mà không thể được, nguyện lực ray rứt hoài, Hàn cư sĩ đến chỗ ngài Vạn-Dung thiền sư tìm thấy, liền vội mượn đọc, như gặp được đề hồ, buồn cho kiếp trước hưng phát, mừng thay đã tìm được bến bờ, nên vội tìm cách phổ biến, khắp nguyện những ai được nghe thấy đều tùy hỷ gieo nhân lành về cõi An-Lạc. Nếu đọc tụng tư duy rõ được pháp ấn Bảo vương, khi liễu ngộ liền thoát khỏi nỗi khổ trầm luân. Thoảng không được gì cũng hy vọng có chút duyên lành vậy.

Trí Húc đạo nhơn tự Ngẫu-Ích cẩn bút (Liên Tông Cứu tổ)

2. Lời tựa

Niệm Phật Tam Muội gọi là Bảo Vương, là tối thượng tam-muội trong tất cả tam-muội. Lúc đầu chỉ đề xướng ở Lô-Sơn sau mới lan truyền khắp nơi. Qua nhiều đời những người tu tập được vãng sanh không phải ít, sử sách ghi lại sự chứng nghiệm rất nhiều. Xưa nay Thiên, Giáo không ai không tôn sùng, phàm thánh đều kính ngưỡng, chỉ những kẻ hạ liệt

đòi mạt pháp không cầu sanh về Tây phương Tịnh-độ mà rong ruổi theo ảo tưởng mê lung, cố thủ sở kiến chấp chắc trong lòng, thật luống công vô ích, dù có tu tập đi nữa cũng khó được hiệu quả. Do đó mới chọn lựa những kinh, sớ, sao của các tông nói về Tịnh-độ lưu bố khắp nơi. Không dám giữ trong lòng, mong được cảnh tỉnh mọi người nghe thấy, vì vậy mới lấy tên là Niệm Phật Trục Chỉ Bảo Vương Tam Muội.

3. Y, Chánh cội Cực-Lạc

Đấng đại tượng phu Chánh-biến-tri thành đấng chánh giác, thánh chúa Thế-Tôn từ cung trời Đâu-suất ứng cơ giảng thần ở thế gian này, bốn mươi chín năm thuyết giáo hơn ba trăm hội, muốn chúng sanh đồng chứng đạo chơn thường, cuối hội Linh-sơn mới nói kinh Pháp-Hoa để khai thị chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật, theo hoài vọng xuất thế của đấng Từ-Tôn. Sự xuất thế độ sanh không phải chỉ có đức Thích-Ca mà chư Như-Lai ba đời cũng đều như vậy.

Trong sự giáo hóa một đời của đức Thích-Ca theo cơ nghi tương cảm sanh khởi Phật duyên, nên pháp hết sức giản dị mà đạt nhiều kết quả thì không pháp môn nào hơn pháp môn cầu sanh Tịnh-độ.

Pháp môn niệm Phật đầu tiên hơn tỳ-kheo Pháp-Tạng trong vô lượng kiếp về trước làm đại Quốc-vương hơn nghe đức Phật Thế-Tự-Tại-Vương thuyết pháp liền từ bỏ ngôi vua xuất gia thành Tỳ-kheo. Đức Phật ấy lại rộng nói các cảnh thiện ác, tốt xấu những cội hơn thiên và sự trang nghiêm của hai trăm mười ức cội nước Phật. Tỳ-kheo Pháp-Tạng nghe rồi liền đối trước đức Phật phát bốn mươi tám đại nguyện: Nguyện khi con thành Phật, trong nước con không có các chương nạn như ba đường dữ, ba độc, tám nạn, tám khổ, chín não, mười phiền v.v... Những người sanh vào nước con đều an trụ trong chánh định, đắc nhẫn, tâm giải thoát được thắng trí, mười niệm là được vãng sanh, nếu không được vậy thì không thành Chánh-giác.

Bấy giờ đại địa chấn động, trời mưa diệu hoa, âm nhạc tự trời, được Phật thọ ký, chứng quả Phật đến nay đã mười đại kiếp. Hơn trước phát nguyện thù thắng nên công đức thần thông quang minh hơn cả mười phương không ai sánh bằng, danh hiệu là Phật A-Di-Đà.

Cõi nước của đức Phật A-Di-Đà từ thế giới Ta-bà này thẳng đến phương Tây trải qua mười vạn ức cội Phật gọi là Cực-Lạc, hay An-Lạc. Do đại nguyện và sức thần thông, Ngài hằng thuyết pháp nhiếp thủ những chúng sanh niệm Phật khắp mười phương thế giới. Chúng sanh sanh về cõi đó đều được bất thối chuyển. Sát na còn không tính được hưởng là nhiều kiếp độ thoát, nên chúng sanh sanh về đó vô hạn lượng, số nhiều như vi trần không thể ví dụ được.

Quốc độ của đức Phật trang nghiêm thắng diệu hơn cả mười phương. Có các ao báu lớn nhỏ tùy ý, do bảy báu hiệp thành, hoặc có ao rất lớn ở chính giữa, đáy trải cát vàng, thềm đường bao quanh, trên ao có những lầu các cung điện cao ngàn vạn tầng rộng lớn huy hoàng, sáng lạng chiếu diệu không thể tả xiết. Nước trong ao tràn đầy, đủ tám công đức thơm ngọt trong sạch ấm áp, lại có mười bốn vòi nước phun lên rất đẹp, trong ao phát ra những âm thanh diễn nói vô lượng pháp môn. Trong nước vi diệu ấy lại có sáu mươi ức hoa sen bảy

báu tròn đầy bằng phẳng. Nước chảy trên lá có bốn màu và bốn ánh sáng, ba bậc chín phẩm như lớp tầng hàng, hương thơm vi diệu tỏa khắp cả nước. Đất báu bằng phẳng, bảy lớp lan can, bảy hàng cây báu, tràng phan bảo cái bủa giăng cùng khắp, tất cả rất thù thắng vi diệu, ấy do nguyện lực của Ngài tạo thành để trang nghiêm quốc độ.

Giữa hư không lại còn có các y phục, hương hoa thơm ngát, âm nhạc các cõi trời vô số kể vang rền cùng khắp không trung. Những thứ trang nghiêm ấy đều bằng vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ-phách, các trân bảo v.v... hiệp thành không thể nghĩ bàn. Các trân bảo ấy phát ra vô lượng trăm ngàn vạn ức ánh sáng xen nhau rực rỡ chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, khắp cõi hư không không cùng tận. Trên hư không còn có nhạc trời, hương hoa trân cầm linh võng trôi lên những âm thanh hòa điệu réo rắc du dương khắp nơi liên tục không gián đoạn, vang rền những pháp khở, không, vô ngã ba-la-mật, ca ngợi đạo bồ-đề, tán thán Phật Pháp Tăng, hoặc nói tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo, các bồ-tát hạnh, tứ đế, thập nhị nhơn duyên, tứ hoằng thệ nguyện, lục độ, thập lực, tứ vô sở úy, mười tám pháp bất cộng, đại từ đại bi đại hỷ đại xả, vô lượng pháp môn không thể nghĩ bàn. Những lời pháp ấy ba đời mười phương y chánh sắc thân dung thông không ngại, và khuyến tinh tấn như Phật nói không khác. Chúng sanh cõi ấy nghe rồi mỗi mỗi niệm sanh tâm vui mừng, mau ngộ nhập tam thừa thắng hạnh tất cả đạo phẩm, được vô lượng giải thoát, như trực tiếp nghe đức Phật giảng. Dù là phàm phu khi nghe những pháp âm này tự nhiên tinh tấn không còn ý niệm mỗi một nữa thì làm sao thối chuyển được?

Lại nữa, cõi nước ấy toàn là nam nhân không có nữ nhân, hóa sanh từ trong hoa sen không từ bào thai ra, không có sự nóng lạnh, ngày đêm, không sanh già bệnh chết, không đất đá gò núi, không tam đồ ác đạo, đi lại trên hư không, kinh hành hay ngồi dưới gốc cây thiên quán. Muốn làm Phật sự tâm khởi liền thị hiện thần thông; thọ mạng không cùng tận, sung sướng không kể xiết nên gọi là Cực-Lạc.

Công đức quang minh oai thần, tám vạn bốn ngàn tướng hảo của đức A-Di-Đà Thế-Tôn to lớn không thể nói hết được. Đức Phật ngự tọa trên tòa sư tử liên hoa lớn như núi vàng, trang nghiêm rạng rỡ hơn cả hư không, rộng hơn biển cả. Công đức tướng bạch hào ở chặn mày thù thắng hơn cả ánh sáng mặt trời tỏa chiếu khắp nơi. Trong hào quang ấy có vô số hóa Phật, Bồ-tát, Thanh-văn và quang minh chiếu khắp các cõi để nhiếp thọ chúng sanh niệm Phật. Hai vị đại sĩ ở cõi ấy cũng lại như vậy. Đại trí Văn-Thù và đại hạnh Phổ-Hiền Bồ-tát cùng chư vị đại Bồ-tát đều ở tại cõi đó. Bạc nhưt sanh bồ xứ số nhiều vô lượng, các bậc thượng thiện nhơn tụ hội một nơi đều là bạn lành. Nương Phật làm thầy, gần gũi đáng Từ Tôn nghe giảng đệ nhưt nghĩa, đốn ngộ ba cõi liền chứng vô sanh, thập địa cao siêu, viên mãn nhị giác (1) huông là trong mỗi mỗi niệm cúng dường mười phương Tam Bảo, thành tựu tất cả pháp môn. Dùng thần thông đi khắp cõi nước Phật, vào ba đường sáu nẻo phóng quang phá ám cứu khổ chúng sanh, hoặc phân thân các cõi tùy cơ hóa độ, tùy bệnh cho thuốc, rộng mở từ tâm như Phật. Mỗi niệm mỗi niệm viên mãn hạnh nguyện Phổ-Hiền, đầy đủ thắng trí, có đại thế lực như Quán-Thế-Âm, đồng chứng bồ-đề an trụ cõi Phật. Những chúng sanh tánh tuy hôn ám khi nghe những điều này ai lại không hoan hỷ sanh tâm vui mừng tin tưởng. Những sự trang nghiêm vi diệu ở cõi ấy tuy đủ ngã tâm nếu không phải do

đức A-Di-Đà Như-Lai ở đời quá khứ vì độ chúng sanh hành vô số hạnh Bồ-tát mà thành tựu được. Phải hiểu rằng đức Phật ấy có hạnh nguyện vô biên, Như-Lai ở quốc độ đó do đại nguyện viên mãn nên thành tựu bảo độ. Chánh báo viên mãn trang nghiêm nên có cảnh giới trang nghiêm như vậy. Giả sử hằng sa vi trần Bồ-tát, Thanh-văn khắp mười phương cõi dùng sức biện tài như thật xưng tán tận đời vị lai cũng không hết được. Nên những thiện nam tử, thiện nữ nơn nghe như vậy rồi phải hết lòng tin cầu sanh về cõi ấy, y lời Phật dạy, phát ba tâm (2), chuyên trì cấm giới, không phạm oai nghi, sau đó chí tâm quán tưởng cõi đó đầy đủ y chánh trang nghiêm, cảnh giới thanh tịnh vi diệu thù thắng. Thân tướng đức Như-Lai cõi ấy có tám vạn bốn ngàn tướng hảo, công đức trang nghiêm thanh tịnh. Hoặc chọn lấy một cảnh tượng và hào quang sáng ngời tại giữa hai chơn mày của đức Phật mà quán tưởng. Bất dứt vọng tưởng, chí tâm niệm từ một đến mười niệm hay từ một đến bảy ngày, trong khoảnh khắc như lục sĩ co duỗi tay liền được vãng sanh. Nếu ai hết lòng tin tưởng cõi đó và nguyện lực oai thần của đức Như-Lai ấy không chút nghi hoặc, xưng niệm danh hiệu đến nhưt tâm bất loạn, không chút dừng nghỉ chắc chắn được vãng sanh, tại sao phải đợi đến khi báo thân chấm dứt để được vãng sanh.

Nên nhớ rằng đức Phật A-Di-Đà hằng độ thoát chúng sanh xa lìa bể khổ. Lòng từ của Ngài trong những kiếp tu nhân và đã phát nguyện lớn, nên không khổ nào không nhận, không hạnh nào không theo, không nguyện nào không lập, không pháp nào không nói. Vì cứu độ chúng sanh nên lập trăm ngàn phương tiện, hằng đưa tay rồi mắt đợi chờ chúng ta đã mười đại kiếp. Niệm niệm không rời, cương quyết vào trong sanh tử, dạo khắp ba đường, cả đến địa ngục hầm lửa cũng không từ khổ nhọc. Chúng ta nếu biết hồi tâm hướng Phật như con nhớ mẹ mong mỗi từng giây, ngay trong niệm đầu liền được vãng sanh, há phải đủ mười niệm mới được vãng sanh sao?

4. Phá vọng hiển chơn

Hành nơn muốn sanh về Cực-Lạc, xa lìa sanh tử, trước tiên phải nhận thức kỹ tâm chơn vọng mà cầu sanh.

Thế giới Cực-Lạc là cảnh thật hay do tâm tưởng? Nếu do tâm thì chỉ là hư tướng không có cõi nước để sanh, nếu có cảnh để sanh thì không phải do tâm, nếu bảo là gồm cả hai để cầu sanh như vậy thì tự thân và tâm là một như vậy sanh vào hai nơi sao? Nếu bảo tâm cảnh là một mà nhưt tâm cầu sanh thì tâm cảnh đương nhiên là hai không thể là một được. Và lại Cực Lạc, Ta Bà tịnh uế không đồng mà Đức Thế Tôn lại khuyên nên bỏ uế về tịnh, như vậy bảo một là thế nào? Tứ cú (3) đã không rõ, nếu bảo nơi nơi là Tây Phương Cực Lạc, hoặc tâm tịnh là Cực Lạc, hoặc Cực Lạc không lìa tự thân, nếu giải thích như vậy đều là tà kiến, bất đắc dĩ phải nhận sao? Nếu bảo Cực Lạc tại tâm và nhận tâm hiện ở trong tự thân, đã ở trong thân thì cầu tâm sao lại cầu sanh

Đấng Thế Tôn chúng ta không biết Cực Lạc tại tâm sao mà nói tại phương Tây có cõi Cực Lạc cách đây mười vạn ức Phật độ, không chỉ nội tâm mà nói ở ngoài thật có thế giới Cực Lạc, đức Phật A Di Đà hiện đang thuyết pháp?

Đây là lời chơn thật của bậc Thánh nhơn há dám không tin! Lại không hiểu Cực-Lạc ngoài duyên ảnh tâm, tâm này chính thật là chơn tâm, như nước trong biển cả không tăng không giảm, do vọng nhận là cảnh rồi bảo Cực-Lạc tại tâm duyên khởi, tâm đó như bọt nước biển sanh diệt toàn là vọng mà vọng nhận tại tâm, nếu cứ theo vọng kiến cố chấp không tin ở ngoài có thể giới Cực-Lạc mà tin do tự tâm sanh ra, tâm duyên ảnh này đã không thật thể thì không thể đem tâm cầu sanh nơi tâm.

Lại không hiểu Cực-Lạc ở về phương Tây, Tây phương tức là chơn tâm, chơn tâm vô tánh là thể, để hiển rõ bản tâm thể ấy vốn không cũng tức nơi bản tâm mà có các cảnh, khi tâm cảnh thành nhứt thể rồi thì chúng sanh, Phật đồng nguyên, cầu Phật tức cầu nơi chơn tâm không phải ở ngoài mà mong cầu vậy. Xét tự tâm phải cầu Phật ở ngoài há là nói sai ư? Thế thì tâm giữ bỏ, hờn hờ, chán nản nên cầu nơi tâm, sao lại lia tâm mà cầu? Chơn tâm thì đủ tất cả y, chánh, cảnh giới cho đến sắc tâm, tịnh uế, chúng sanh, Phật, nhơn quả ba đời mười phương các pháp nhiếp thu tất cả, đồng nhứt thọ dụng, cầu một tướng ở ngoài hoàn toàn không thể có được, tuy ở ngoài không có tướng, không phân chia mà có phân chia tịnh uế rõ ràng, nên phải biết như vậy mà cầu, sao lại đem vọng tâm mà mong cầu? Sự nguyện cầu này đức Phật đã ẩn khả, người đời ngu si vô trí không thấu hiểu bản tâm, không cầu Phật ở Tây phương Cực-Lạc chỉ hướng vào duyên ảnh nhục thể vọng tâm mà cầu, lại bảo duy tâm Tịnh-độ, bản tánh Di-Đà thật là xa vời!

Cõi Cực-Lạc kia không y vào duyên ảnh vọng tâm. Sắc thân đức Phật A-Di-Đà không thể ở nơi thân ngũ ấm chúng sanh được. Nếu cứ hướng vào duyên ảnh thân tâm tứ đại nơi bản tánh mình mà cầu Phật không cầu Phật ở Tây phương Cực-Lạc, lại vọng tâm đã sanh diệt thì Phật cũng sanh diệt, được đi nữa cũng thành Phật sanh diệt thôi, lại trở lại cõi sanh sanh diệt diệt vậy, không thành chánh hạnh được.

Kinh nói: Dùng tâm luân hồi sanh kiến luân hồi, thì giác tánh viên mãn kia cũng đồng luân chuyển là nghĩa này đây.

Nếu muốn xa lia vọng kiến trực vãng Cực-Lạc nên phải cầu đức Phật A-Di-Đà ở Tây phương Cực-Lạc xa mười vạn ức cõi Phật. Lấy xứng tánh diệu quán như thật mà quán khiến cho bốn giác tướng hảo của Như-Lai hiển nhập vào thi giác chơn tâm của chúng ta, do đây thi bốn tương hiệp, chúng sanh Phật giao cảm, tam muội viên thành, chánh hạnh trọn nên, không còn sanh diệt mới có thể sanh về Cực-Lạc được. Do đó biết tâm này biến khắp mọi nơi ngõ hầu không nghe danh địa ngục mà đến Cực-Lạc, cái khổ địa ngục này thuận tánh ra khỏi, chín phẩm sen vàng nay cũng thuận tánh đến nơi. Chỉ y theo kinh giáo thuận theo pháp âm thì lia khổ được vui, từ phàm nhập thánh, thật chẳng ra khỏi tâm tánh của mình, ấy mới thật là duy tâm Tịnh-độ bản tánh Di-Đà. Không nên đem vọng tâm mà cầu vì vọng tâm không tự thể thì làm sao bảo là duy tâm Tịnh-độ, Di-Đà tại bản tánh được. Nếu cứ hướng về vọng tâm duyên ảnh mà cầu thì sắc thân, đại địa, mười phương sát hải là ngoại cảnh, nếu quay về chơn tâm bất động mà cầu tức thì mười phương sát hải, đại địa, sơn hà là nội tâm rồi, rõ được mười phương sát hải nội tâm liền thành một khối nên ta mặc nhiên nhậm ý bỏ uế lấy tịnh, rời Đông về Tây không ngoài tự tâm mới thật hiệp với đại nguyện đức Phật thường hằng tiếp dẫn, nên đã cầu không thể không ứng. Nếu cho rằng mười phương sát hải là ngoại

cảnh liền thành hai cảnh, nên mới khởi niệm liền trái với pháp thể, liền mất thật dụng không được tự tâm, tánh này chỉ đủ như Phật mà không có lực dụng tuy có cầu cũng không kết quả. Lại vọng tâm chỉ là duyên ảnh hư vọng trong sắc thân nên không độ để sanh; chơn tâm bao gồm tất cả trần sát. Vốn đủ Cực-Lạc y, chánh cầu đó tất sanh. Vọng tâm thì bỏ ngoài hướng nội, chơn tâm tức ngoài là nội, nội không có ngoài, cầu ở ngoài thật có Phật tức cầu ở chơn tâm. Nội đã không thật mà hướng nội cầu vào duyên ảnh không thật thể nên không thấy được tự tâm. Chơn tâm thì tức tâm tức cảnh, vọng tâm thì sanh diệt không chỗ y, chơn tâm thì không động không đổi. Vọng tâm tại như không quả, thì chung sanh diệt; chơn tâm như quả một bề tánh tu giao triệt. Như vậy thấy rõ sự sai biệt trong sự cầu sanh của chơn tâm và vọng tâm. Nói về thời gian thì biết bao giờ mới được, về nơi chốn thì biết đâu mà đến, về thể thì hoàn toàn không, dụng thì thật có thể rời khỏi Ta-bà thoát ly sanh tử không? Nấu sỏi đá mong thành cơm thật muôn kiếp khó thành. Nên hành giả phải phát tâm bỏ-đề cầu sanh Tịnh-độ, sao lại cầu nơi duyên ảnh vọng tâm không cầu nơi Tây phương Cực-Lạc chơn Phật, thật đáng thương thay!

Ví như kẻ muốn đi về phương Tây mà quay mặt về hướng Đông, muốn bay lên lại mang đá tảng, muốn có nước lại đến lửa, ở nơi lửa mà tìm nước, làm sao có được? Than ôi! Người đời nay không hiểu chơn tâm biến khắp nơi, ngay nơi cảnh sắc hiển thể mà vọng nhân duyên trần ảnh sự là bản tánh. Lầm lẫn lắm lắm vậy! Như người nhận giặc làm con, bao nhiêu gia tài bảo vật ắt bị tiêu tan, phân biệt ảnh sự vọng nhận là tâm cũng lại như vậy. Nếu biết con là giặc thì giặc không hại được, đã biết ý là vọng thì cái vọng đó sao hại được, nên không nhận cái duyên ảnh kia là y, chánh Cực-Lạc. Trong Tứ Minh của Pháp-Trí đại sư có nói vọng tức chơn, quán Phật tức quán tâm, nhưng cũng không bỏ thật cảnh y chánh cõi Cực-Lạc. Sao kẻ hậu thế lại khởi lên những tà kiến lắm vậy? Bạn ma loạn ngôn phá hoại Phật pháp, đoạn mất Phật tánh, vọng chấp Cực-Lạc diệu độ nơi tâm duyên ảnh không chịu cầu Tây phương thật là điên đảo. Những kẻ ngu muội kia chưa thấu rõ chánh pháp lại đem tà kiến âm thầm truyền trao. Hạng ngu si ấy không trốn khỏi khổ báo địa ngục còn có thể thứ tha; kẻ xuất gia tôi đứng đầu trong bốn chúng thấy những người cùng với kiến giải này thật rất lo lắng, thẳng hoặc thật vì sanh tử thì phải giữ lời này làm bằng, nếu có hạng người chướng trọng cứ giữ ý này không nên tùy thuận, phải xét lại duyên ảnh vọng tâm cảnh giới là thể nào. Tâm hư vọng này đã không thật thể, theo ta sanh diệt, vọng nói là ta, vọng nhận là ta, lại bảo tâm này hiện ở trong sắc thân ta, sắc thân này hiện ở trong thế giới, thế giới này hiện ở trong hư không, tánh của hư không thì rộng lớn không lường bao hàm cả trần sát, như vậy hư không thì lớn phạm vi lại nhỏ, tâm kém cõi nơi thân một niệm chuyển đổi không thể làm bằng há lại đem một niệm nhỏ hẹp mê muội vọng tâm không thật mà cầu cảnh vi diệu y, chánh Cực-Lạc ư! Cái không thể cầu mà cầu há chẳng rất sai sao?

Đã rõ nghĩa này thời phải biết không tánh thật vô biên không thể lường, không ngoài đại giác thanh tịnh tâm, như cụm mây nhỏ giữa bầu trời xanh, hướng là thế giới trong hư không, sắc thân trong thế giới, vọng tâm trong sắc thân ư! Vọng cho thân nhỏ bé này có phạm vi rộng lớn cả hư không, từ lớn chí nhỏ không ra ngoài bản tâm, nên biết ngã tâm như hư không thì hư không kia như hạt bụi, nếu vọng cho tâm rộng lớn không ngần mé khắp cả mười phương ba đời, khắp cả hư không vi trần sát độ, trong tất cả sắc thân chúng sanh, muốn

cầu một pháp ở ngoài tâm hoàn toàn không thể được, há Tây phương Cực-Lạc không phải ngoài tâm sao? Gặp chút hoạn nạn còn không thể tránh, thì tịnh hạnh trang nghiêm cần phải cầu ở Tây phương xa kia, muốn thoát ly sanh tử có dám cầu ngoại không?

Kinh nói: Nhận ngộ trong mê, mê mờ nơi không; nhận không trong mê, tâm mê nơi sắc, sắc cùng vọng tưởng, tưởng đến nơi thân, duyên hợp tâm loạn, rong ruổi ngoại cảnh, mê loạn tâm tánh, một phen mê tâm như định lầm cho nơi sắc thân, không biết ngoài thân cho đến sơn hà đại địa hư không đều ở trong diệu minh chơn tâm cả. Ví như bỏ nước trong xanh nơi biển cả nhận bọt nước làm thể rồi cho là biển cả, các người là kẻ mê trong hạng người ấy không khác. Lại diệu giác minh tâm biến khắp mười phương giới, đủ cả mười phương Như Lai thanh tịnh bảo nghiêm diệu giác vương quốc độ. Lại mười phương hư không ở trong chân tâm như cụm mây giữa thái hư, như các thế giới trong hư không, dùng nghĩa này mà quán. Đã rõ mười phương hư không quốc độ y chánh sắc tâm có đủ nơi ta, ta phải quyết chí cầu sanh cõi thật có đó, cầu thấy Phật thật có đó, thật có sao không cầu mà bảo là ngoại cầu? Khi ta đã nguyện cầu tâm liền cảm đến đức Phật vì ta mà hiển hiện thì trong thân ta vốn sẵn có tâm Phật liền hiển hiện, tâm Phật chơn thật, sao có từ ngoài đến? Đã không từ ngoài nghĩa là khi đức Phật hiển thị thì tâm ta hiển thị, khi tâm ta hiển thị thì Phật hiển thị, như vậy tâm ta tức tâm đức Phật kia, đức Phật kia là Phật nơi tâm ta, một thể không hai, bản tánh viên dung, sao lại có thể bỏ Phật Tây phương Cực-Lạc ở nội tâm mà vọng chấp có một Phật tâm riêng vậy.

Hoặc nói rằng: Vọng tâm há cũng không đủ y chánh các pháp sao hà tất phải cầu ngoại cảnh?

Đáp: Vọng tâm dù đủ y chánh các pháp há cũng không có Tây phương Cực-Lạc, nếu biết Tây phương Cực-Lạc như với thật cảnh Ta-bà có thể cầu mới có thể nói tâm vốn đủ, nếu bảo tâm này là tâm ngoại không có thật cảnh thì đó là vọng tâm hư tưởng, làm sao thật được mà bảo là đầy đủ? Lại tức tâm sanh cảnh là chơn tâm, tâm lìa cảnh là vọng tâm, nên biết rằng chơn vọng đồng nhau, tức ly mà ly, tức đắc mà đắc tức là ly phi, là nghĩa này đây. Như pháp sư Thiều-Khang như niệm Phật mà mỗi khi xưng danh hiệu Phật thì hình Phật từ miệng đi ra liên tục như tràng chuỗi trong chúng hội đều thấy cả. Phật đã có hình tướng thì cõi nước không thật hư, mà bảo sự thì có mà lý thì không. Hoặc nói nơi nơi là Tịnh-độ, thương thay cho những hạng này lầm lẫn sâu dày khó đổi. Như ngài Nam-Dương quốc sư của Thiên tông vì thiên khách nêu lời thuyết pháp cho loài vô tình tuy không chuyên nói chí thú Tịnh độ cũng thương cho những người trong đời mạt pháp hưởng duyên ảnh mà cầu Phật.

5. Trách cứ nhận thức sai lầm

Niệm Phật tam muội gọi là Tam-muội vương, cảnh giới rất thâm sâu khó xét cho cùng, xưa nay chư tôn đức truyền thụ có chỗ không đồng, như Thiên-Thai đã thuyết minh đầy đủ, Từ-Ân, Hiền-Thủ dẫn chứng rất nhiều, Xí-Ngưỡng Thiên-tông khai triển vô số, chỉ kẻ hậu học thiên cận chưa đạt đích, chưa từng thẳng đường lại hay nhập thất, tìm lối chưa ra, dị kiến nhiều bề, còn dẫn chứng kinh Pháp-Bửu-Đàn của lục tổ nói về Tịnh-độ, chưa rõ ý kinh lại theo văn rộng giải bèn bảo là không có Tịnh-độ bắt tất phải cầu sanh, không biết đại sư chúng ta chỉ là tùy cơ nhưng thật nghĩa thì hợp ý kinh, dù cho theo lời nói là không có Tịnh-

độ bất tất cầu sanh cũng không nên nói không có Tịnh-độ. Tịnh-độ thật có sanh lý rõ ràng lẽ gì hạng sơ cơ chấp ngón tay là mặt trăng. Theo thuyết giảng của đại sư nói rằng: Người mê thì niệm Phật cầu sanh, người ngộ cầu tịnh bản tâm. Lại nói: Người phương Đông cần tâm tịnh là hết tội, người ở phương Tây tâm bất tịnh liền có lỗi. Người ở phương Đông tạo tội niệm Phật cầu sanh về Tây phương, nếu người ở phương Tây tạo tội niệm Phật cầu sanh về đâu? Hàng phàm ngu không hiểu không biết Tịnh-độ chính nơi thân nên cầu Đông cầu Tây, người ngộ thì một chỗ thôi. Lại Tịnh-độ có xa gần vì thiện căn chúng sanh không đồng nên Phật độ có xa gần. Lại nữa, chúng sanh cần phải vĩnh viễn dứt bỏ thập ác, bát tà (trái với bát chánh đạo), tu tập trọn đủ thập thiện, bát chánh khiến cho diệu thức tâm địa tánh vương hiện nơi tự thân. Ngộ thì thường phát tâm từ bi hỷ xả, thanh tịnh chính trực làm tất cả điều thiện, tức là Quán-Âm, Thế-Chí, Di-Đà, Thích-Ca rồi; mê thì sanh nhơn ngã khởi tà tâm hư vọng trần lao làm nhiều điều sai quấy, tức thành cảnh giới tu di, hải thủy, địa ngục, ngạ quỷ, rồng trạnh. Ý chỉ Đại sư nói rằng: Tâm tịnh thì nơi nơi tịnh, thật cùng hội với Duy-Ma và chư Phật, một cái bám chân thì uế độ biến thành tịnh độ thấy cùng với đại chúng ngồi trên sen vàng. Như trong kinh nói tâm tịnh thì Phật độ tịnh, nghĩa đó không hai. Sự biện luận của Đại sư há lại không phù hợp với ý kinh, xứng với tâm Phật? Thánh nhơn thuyết pháp là theo căn cơ nên có chỗ không đồng, không nên vì thế mà tự hư cuống, phương chi trong đại tạng giáo điển hoặc nói tất cả là có cần phải cầu sanh, cả hai lẽ ấy đều từ kim khẩu Phật nghĩa ấy không có khác, sao lại đứng về một phía mà cho là hoàn toàn. Hàng đốn căn đồng cầu sanh, nếu quả nhận rõ nghĩa ấy thì tại cõi này cần gì phải bỏ uế lấy tịnh mà chỉ cần tịnh được tâm. Như vậy đại sư phải nói nên tịnh tâm là đủ cần gì phải khiến dứt các nghiệp ác tu các thiện hạnh, nay đã nói nên đoạn ác hành thiện thì ở cõi này bỏ uế giữ tịnh nghĩa đó càng thêm sáng tỏ. Nên ở mọi thời đức Phật đều nói cầu sanh chính là muốn hiển thị ý phải cầu sanh, nói mọi thời cốt là y vào đó mà nhận rõ lý vô sanh. Cho nên biết rằng đại sư ở Tào-Khê dạy trước tiên phải tịnh tâm thì cảnh giới y báo tự nhiên tịnh không cần phải cầu sanh. Tại Lô-Sơn Phật, thánh giả, cảnh giới toàn tịnh nhơn đó tâm tự tịnh, nên bảo phải cầu sanh là vậy. Chư Phật, chư Tổ nói pháp nhơn quả không hai, không trước không sau, hai ý chưa từng trái nghịch, người ngộ không đồng nhưng pháp thể vốn chỉ có một, tại sao người đời nay mới nghe qua liền bảo là đúng mà cho những lời bàn là sai, tự sanh thối thất, thật đáng buồn thương! Đã không biết đại sư nói không cần phải cầu sanh là chính để hiển thị ý chỉ khiến phải cầu sanh Tịnh-độ vậy. Lại như một đời thánh giáo của Thích-Tôn cùng những sự luận giải của các tông cũng chỉ có một vị, mà hiển thì khen hiển, thiên thì phát huy thiên, mật thì riêng chuyên nói mật, các tông bộ đều riêng nói tông mình, nhưng Phật không riêng nói sự vi diệu này mà vì theo cơ muốn khiến cho chúng hội thọ trì để họ quyết chí không do dự, nay sao lại không bỏ điều tự xưng đó mà lại phù trợ tôn chỉ mình?

Lục Tổ hoàng dương nhất hạnh tam muội, lý bao quát có thừa. Lô-Sơn chuyên vì xiển dương niệm Phật tam muội chính nhiếp hết các cơ giúp cho đi tắt thẳng tiến, kẻ hậu học sao lại vọng sanh nhị kiến, cần phải suy nghĩ kỹ. Lại nói người ở phương Đông phương Tây hễ tâm tịnh thì không tội, bất tịnh là có lỗi, nhưng ở phương Đông cảnh ác quá nhiều, lại Phật đã diệt độ, tâm rất khó tịnh. Người thế tục tại gia như ở trong nhà lửa bị vạ tên nhắm vào, dù cho có tu cũng khó chứng, ví như sỏi đá một khi rơi xuống nước liền chìm mất, nên cần phải cầu sanh Tây phương có cảnh thẳng hạnh thâm, Di-Đà Thánh chúng hiện tiền, được

Phật trực tiếp giảng dạy, như các vị xuất gia ở chùa viện có đủ thiện duyên nên không trôi chuyễn. Khi đã sanh về cõi đó thì tâm tịnh không lỗi, như đá lớn trên thuyền dù ở trên nước cũng không bị chìm. Lại phương Đông phương Tây lý vốn như thể, cõi nước đức Phật kia không những chỉ có thắng cảnh, lại có Phật hiện tiền có thể giúp trừ các tội khiên, tâm trở nên thanh tịnh nên có thể bước lên Thánh địa. Nếu đã quyết chí rời cõi Ta bà thì cần phải cầu sanh vậy.

Nếu có căn tánh thù thắng như các vị trong hội Tào-Khê có thể vào biển sanh tử, tầm tinh cứu khổ giáo hóa chúng sanh thì cần gì phải cầu sanh. Kỳ hoặc đạo lực chưa dày vọng cho là đã giải thoát còn bảo không cần phải cầu sanh, rồi dạy người bất tất phải cầu sanh, ví như cứu người chết đuối lại không thuyền bè thì cả hai đồng bị nhận chìm, như vậy cứu được sao?

Lại đại sư tôi thật hoảng dương Thiên tông, những điều tôi nói há chẳng phải xiển dương cho Thiên giáo sao? Như nói tâm đã bình thì cần gì phải phí sức trì giới, hạnh đã chính thì cần gì phải tu thiền, nếu y vào lời này thì trì giới tu thiền làm chi? Nếu nói tâm bình thì ta giết vật được, vật ăn ta được. Vậy ta có thể giết vật để nuôi thân, lấy của người để tự lợi, phân biệt tướng nam nữ làm điều tà hạnh, nói lời không chơn thật, uống rượu say sưa..? Tâm bình đã không có tướng phạm giới, vì tất cả giới đã có nơi đó, đâu được hoàn toàn không trì giới, cướp của giết người v.v... mà nói tâm bình được. Vậy biết rằng giữ cho tâm bình thì đâu được nói khỏi phải một sức trì giới, chính là hiển đại giới vậy.

Thiền là tiếng phạn, nghĩa là tịnh lự, chánh định, nhưt hạnh tam muội. Như vậy người có chính hạnh đâu thể có tâm lự mà lại bất tịnh, tại định mà lại bất chánh, có hạnh mà lại bất nhưt được ! Như vậy rõ biết hành thiền chính là hiển thị thâm thiền vậy. Hạnh của Đại sư siêu việt cả nhơn thiên, long tượng đạo pháp, sợ kẻ hậu học theo tích xưa sanh chấp trước, đối với giới thể nói rằng cần gì phải phí sức trì giới, đối với thiền cảnh nói cần gì phải hành thiền; cũng thế, những người đối với pháp cầu sanh Tịnh-độ nói bất tất phải cầu sanh. Hàng hậu học do điều xưa tích cũ nên không chịu cầu sanh, ngu chi lắm vậy!

Luận rằng những lời của Đại sư là để phản khuyến, những thuyết giảng chư Tổ là thuận tán, không thuận thì không do đâu để sách tấn trên đường tu tập, không phản thì không biểu lộ được lý viên đốn trong sự tu hành. Phản khuyến, thuận tán đều là ứng cơ chứ không thật. Như nói gặp Phật giết Phật, vậy thật có giết Phật sao? Nếu nói giết Phật là thật thì kiếm bén của ngài Văn-Thù cũng thật để giết Phật sao?

Ví thật theo lời cổ nhơn mà bảo thiệt không cần cầu sanh, thật không hiểu tâm ý của cổ nhơn, như vị đề hồ thượng vị với hạng ngu muội cho là thuốc độc vậy. Nên Đại sư nói lý viên diệu tam đế, hữu sanh nói vô sanh, vô chứng nói tu chứng, nhị biên không vương, trung đạo không trụ, xứng hiệp viên đốn giáo thừa pháp môn, thản nhiên sáng tỏ, như nhật nguyệt trên cao chiếu khắp vạn vật.

Bảo Thiên tông cho chỉ thú niệm Phật tam muội có điều chưa đủ, như vậy được sao? Như các ngài Xước-Công ở Hà-Tây, ngài Thiện-Đạo ở Trường-An, ngài Tín-Nguyên thiên sư, ngài Trí-Giác Từ-Giác là những bậc kế thừa vâng theo di âm, hết lòng hoảng truyền lý

màu này. Ngài Đạo-Trân, Hoài-Ngọc, Viên-Chiếu hạnh nghiệp cao thâm, các ngài chứng nghiệm rất nhiều, hưởng gì trong thiên lâm còn niệm tụng cho bệnh tăng, lúc trà tì mười niệm xưng danh hiệu Phật. Sự việc vắng sanh ghi chép rõ ràng trong điển chương, dư phong còn đó, sai lầm được sao?

6. Phân tích tâm Phật, quán huệ

Luận rằng Niệm Phật Tam Muội là đường tắt giúp quần sanh chóng thoát ly ba cõi sanh về Cực-Lạc.

Trước tiên pháp môn được thuyết giảng tại núi Linh-Thứu, sau đó tại Lô-Sơn kế thừa nghi quỹ. Pháp môn này có từ xưa nay, mười phương xưng tán, chư Tổ truyền trì, nhưng trong sự thuyết giảng không đồng nên kẻ hậu học khó nắm được chỗ chỉ quy. Nghĩa lý pháp môn tam quán của Thiên-Thai đứng đầu các kinh hơn hẳn các thuyết, nếu y đúng giáo pháp mà tu tập thì được ngộ, lợi ích khó lường, hàng hậu học không thể không lấy đó làm phương sách.

Thế nào là tam quán ?

Tức từ một niệm quán không, quán giả, quán trung thì Như-lai tánh hiển hiện, trí tuệ sáng tỏ. Không ấy là tất cả đều không, Giả là tất cả đều giả, Trung là tất cả đều ở trung đạo, đồng phá đồng lập, cũng không phải phá lập, viên dung tuyệt đãi, khó nghĩ khó bàn, thống nhiếp huyền môn các bộ, rộng hiển cảnh trí Phật, cùng tận nguồn gốc vạn pháp, hiển thị viên tu Tịnh-độ. Niệm Phật tam muội không phải pháp môn này nên nói là có điều chưa được rất ráo.

Bài Tứ-Minh của đại sư nêu rõ diệu chỉ, luận đàm cho hàng hậu học, nay phải dùng lời đó để chỉ cầu sanh Tịnh-độ, nếu không dùng pháp tam quán viên đốn để giải thích áo chỉ kinh Thập Lục Quán cho người hiểu rõ để khởi công tu tập thì do đâu mà sanh về.

Mười sáu phép quán:

Thứ nhất quán mặt trời lặn: Trước tiên đem tư tưởng hướng đến đức Phật kia, vì hàng sơ tâm tuy hiểu rõ căn trần đều là pháp giới nhưng tâm tưởng yếu kém thắng cảnh khó hiện, nên đức Như-Lai chỉ cách dễ để quán, tức lấy mặt trời lặn làm cảnh, tưởng như vậy khiến khi quán mặt trời mà được diệu giải, biết tâm năng tưởng vốn đầy đủ y chánh, hiện đủ nơi tâm nhựt, duyên vào đó khiến bản tánh nhựt hiển hiện do đó dẫn đến pháp giới tâm, duyên pháp giới cảnh, khởi pháp giới nhựt, toàn là pháp giới, há chẳng phải tức không, tức giả, tức trung, đây là nói tổng quát. Luận về chi tiết tam quán, do căn cảnh không tịch nên tâm nhựt vô ngại, do duyên khởi giả lập nên lụy tưởng nhựt sanh, mà tâm nhựt đủ cả pháp giới nên đương thể hiển hiện, khi nhựt quán thành thì tam quán đồng tại nhứt tâm, không phải một cũng không phải ba, mà một mà ba bất khả tư nghì. Nhựt quán như vậy, các quán khác cũng thế. Nên nhớ cả mười sáu pháp quán đều ứng dụng nhứt tâm tam quán: tức không, tức giả, tức trung.

Tiếp theo quán nước: Tường nước thành băng, vì cõi Cực Lạc đất toàn bằng lưu ly, vì đất khó tường nên phải tường băng trước, khi tường băng thành thì thấy được bảo địa. Các cảnh quán mặt trời, quán băng chỉ là phương tiện.

Thứ đến quán đất báu, cây báu, ao báu cho đến lầu các cung điện ... Sáu pháp quán trước là quán y báo cõi Tịnh-độ.

Thứ đến quán tòa sen tam thánh ngự tọa, rồi quán ảnh tượng trang nghiêm tam thánh, dần đến chơn thể tam thánh. Muốn quán thân tướng Phật, trước tiên quán bảo tọa rồi quán thân Phật, nhưng quán thân tướng đức Phật liền rất khó nên phải quán hình tượng trước. Bảy pháp quán tiếp theo từ thân tướng trang nghiêm đức Phật đến chư vị Bồ-tát, chúng hội ... là quán chánh báo cõi Cực Lạc.

Ba pháp quán cuối cùng gồm ba bậc chín phẩm của những người được vãng sanh. Vì sự tu nhơn không đồng nên cảm quả có sai biệt cao thấp, pháp tu quán đó là muốn cho hành nhơn nhận thức sự thắng liệt của ba bậc mà bỏ bậc trung và hạ, chuyên lo tu tập để được sanh vào thượng phẩm.

Trong sự tu quán phải đọc những điều chỉ dạy trong kinh nhớ kỹ trong lòng mà tưởng cảnh sở quán. Đã biết tự tâm vốn đủ nhưng phải nhờ vào cảnh, sự quán mới thành.

Lại đề kinh viết “Phật Thuyết Quán Vô-Lượng-Thọ Kinh”. Phật là thắng cảnh sở quán, nêu chánh báo là gồm y báo, nói vị hóa chủ là bao quát cả đề chúng. Tuy có mười sáu pháp quán, nói Phật là trọn đủ cả, nên phải quán đức Phật kia vậy.

Muốn quán Phật, trước tiên quán đức Phật có sắc thân đoan nghiêm vi diệu cao lớn như hư không, mỗi mỗi thân phần có tám vạn bốn ngàn tướng hảo, nơi mỗi tướng hảo có tám vạn bốn ngàn tướng tùy hình hảo, trong mỗi tướng tùy hình hảo có tám vạn bốn ngàn tia hào quang sáng chói, trong mỗi tia hào quang có vô lượng thế giới, trong mỗi thế giới có vô số mười phương Phật, Bồ-tát, Thanh-văn, Duyên-giác tăng chúng, tất cả rất vi diệu trang nghiêm rộng lớn không thể diễn tả hết được.

Nên phải nhớ tưởng vào tâm nhãn như ở trước mặt, khi thấy được như vậy tức thấy mười phương chư Phật, do thấy chư Phật nên gọi là Niệm Phật Tam Muội. Thật hành pháp quán ấy gọi là quán tất cả thân Phật. Thấy được thân Phật thì cũng thấy được tâm Phật, tâm Phật từ bi rộng lớn, đem vô duyên từ nhiếp độ chúng sanh. Quán được pháp quán này, khi bỏ thân sang đời khác thì được sanh đến trước mặt chư Phật, chứng được vô sanh nhẫn.

Lại nữa, quán một tướng hảo đức Phật Vô-Lượng-Thọ tức là quán tướng bạch hào tại giữa hai chân mày đức Phật thật rõ ràng, thấy rõ bạch hào ở mi gian hiện đủ tám vạn bốn ngàn tướng hảo. Khi thấy được Phật Vô-Lượng-Thọ tức thấy được mười phương vô lượng chư Phật, khi được thấy vô lượng chư Phật thì được chư Phật hiện tiền thọ ký. Đó là quán tất cả sắc thân tướng, nên trong mười sáu pháp quán vi diệu, quán Phật quan trọng hơn cả. Quán tướng cả tám vạn bốn ngàn tướng hảo thì khó thành nên nói chỉ quán một tướng bạch hào lớn như năm núi tu di, khi tướng này thành tựu thì tám vạn bốn ngàn tướng hảo đều hiện.

Nếu tâm đã thông suốt trước tu các pháp quán, khi quán đã thâm sâu thì cũng xứng với pháp quán tướng bạch hào, tám vạn bốn ngàn tướng hảo tự nhiên hiện rõ. Nếu bắt đầu quán hào tướng mà tâm còn yếu kém thì chưa thể tu tất cả pháp quán được và nếu quán chưa được thì nên riêng chọn một thân tướng của Phật mà quán.

Ngài Từ-Vân pháp sư chỉ tướng ngay thân Phật sắc vàng trượng sáu tọa vị trên hoa sen, chuyên chú vào một tướng bạch hào, hào tướng ấy dài một trượng năm thước, rộng năm tấc, có tám cạnh, giữa trống không, quay theo chiều phải tại giữa chân mày, viên dung thanh tịnh sáng ngời, chiếu tỏa kim nhan rõ ràng phân minh. Khi thực hành pháp tướng này phải buộc tâm chú tướng kiên cố không được xao lãng, nếu quán tướng này thành thì tam muội hiện tiền. Kinh “Quán Phật Tam Muội” nói rằng: Nếu hành giả chí tâm hệ niệm đoan tọa quán niệm sắc thân thì tâm ta như tâm Phật, cùng Phật không khác, tuy tại trần lao nhưng không bị bụi trần che lấp. Tu quán này là chơn thật niệm Phật. Do đó biết rằng quán Phật được nhiều công đức như vậy.

Lại nữa, Thế Tôn cõi Cực-Lạc có tướng hảo quang minh vi diệu rộng lớn mà tâm tướng chúng sanh lại kém cõi nên tướng niệm khó thành, do đó đức Phật bảo khi quán tướng chơn thân nên trước nhìn hình tượng đức Phật ngồi trên bảo tọa, đầu tiên là quán tòa sen, khi quán tòa sen được rồi mới quán đến hình tượng.

Kinh nói rằng: Chư Phật Như-Lai là pháp giới thân nhập vào tâm tướng tất cả chúng sanh, nên khi tâm chúng sanh tưởng đến Phật thì tâm đó có ba mươi hai tướng tốt tám mươi nét đẹp, tâm đó thành Phật, tâm đó thành Phật, tâm đó là Phật. Chánh biến tri chư Phật lớn như biển cả, theo tâm tướng phát ra, nên khi quán phải nhứt tâm giữ niệm quán kỹ đức Phật kia.

Pháp giới thân là pháp giới tánh, báo thân Phật trọn đủ, thi giác là báo thân Phật, cứu cánh rạng ngời, bản giác là pháp tánh thân, thi bản hỏ tương nên có sự ứng dụng. Chúng sanh năng cảm thì chư Phật năng ứng, năng cảm như nước, năng ứng như bầu trời, thi giác hiệp với bản giác như trăng tròn giữa trời lộng, ứng nhập tịnh tướng như ảnh hiện trăm sông, cảm ứng đạo giao, ấy là nghĩa nhập chúng sanh tâm tướng. Lại pháp giới thân tức là Phật thân, lấy pháp giới làm thể nên châu biến cùng khắp, khi được Phật tam muội quán này thì quán tâm khế nhập Phật thể, Phật thể nhập quán tâm, đây là thi giác ngộ được bản giác, nên bản giác nhập vào thi giác, có ngộ có nhập cả hai tương ứng tức nhập vào tâm tướng chúng sanh vậy. Nên hiểu rằng quán tâm này không phải trực tiếp dùng ấm tâm quán bản tánh Phật mà nhờ vào Phật để hiển bản tánh nên trước nói Phật nhập vào tâm tướng ta, thứ đến nói Phật cùng tâm toàn là bản giác. Cho nên trước phải hiển Phật mới rõ được bản tánh minh liễu, đó là nhờ nơi ngoài để lập nghĩa duy tâm quán. Khi đã rõ hai điều này thì rõ được pháp quán.

Lại kinh nói tâm tướng Phật thì tâm ấy là Phật. Sở dĩ nói quán Phật là để hiển rõ ý chỉ tu, tánh không hai. Còn nói làm Phật có hai nghĩa:

1/ Tâm tịnh thì cảm đến Phật ở tha phương, nghĩa là pháp thân chư Phật vốn không có hình tướng do tâm chúng sanh tịnh y vào nghiệp thức mà nhập vào pháp thân Phật, có thể thấy được thẳng ứng sắc thân Phật.

2/ Tam muội thành tựu tự đắc quả Phật, nghĩa là chúng sanh đem tịnh tâm tướng, thành tựu được quán Phật tam muội thì mình có thể đắc quả thành Phật.

Hai nghĩa này trước nói đức Phật khác, sau nói tự đắc quả Phật. Do đó biết rằng quả Phật từ tu mà chứng không phải tự nhiên, toàn tánh thành tu nên rõ được tánh đức không phải tự nhiên thành Phật vậy.

Nói thành Phật cũng có hai nghĩa:

1/ Tâm tức ứng Phật. Trước đã nói tánh vốn không hình tướng do tâm cảm mà có nên: tâm, Phật, có, không, rõ ràng khác biệt. Vì nhận sai điều này nên bảo tâm chúng sanh là ứng Phật, nếu lìa tâm ra thì ngoài không có Phật.

2/ Tâm tức quả Phật. Tâm là quả Phật, nên không có cái như thành Phật. Vì trong tâm chúng sanh đã sẵn có một Như-Lai đang ngồi kiết già rồi đâu phải đợi đến thời vị lai.

Do hai nghĩa này rõ được quả Phật vốn sẵn đủ không phải do duyên mới có Phật. Do tu tánh hiện nên rõ không phải như tu đức mới có Phật.

Hiểu như thế thì rõ được tam quán. Pháp không lập giả là nhị biên quán. Không phá cũng không lập là trung đạo quán. Nơi tam để đều phá đều lập mà cũng không phải phá lập, là không giả trung quán. Do đó phá được tam hoặc (4) lập tam pháp (5), cảm ứng đến tam thân Phật, khiến tâm ta được quả tam thân. Nơi không giả trung quán thì toàn “hoặc” thành trí, toàn chương thành đức, nên tâm là ứng Phật, là quả Phật. Nhận rõ được nghĩa đó như tâm tu tập là bất nghi tam quán là tổng thể thập lục quán, là diệu tông kinh văn vậy. Do đây được rõ nghĩa rốt ráo, hành giả nên lấy ý này tu như Tịnh-độ.

Hỏi: Vì sao không theo pháp quán tướng để được trực vãng Tây phương như kinh nói lại còn nói pháp huệ quán khiến hàng sơ tâm khó hiểu ?

Đáp: Vì sự lợi độn không đồng nên có huệ quán hay sự quán. Để được hoàn toàn như tâm sanh về Tịnh-độ, nếu độn căn nên theo sự quán, còn lợi căn nên chuyên về tâm quán.

Trong kinh sơ nói: Nếu giải theo viên giáo thì hoàn toàn khác với tiểu thừa, vì tiểu thừa không rõ được lý duy tâm, cho rằng có một đức Phật nên thể của tâm, Phật không đồng.

Đại thừa nhận rõ tâm ta có đủ tánh Phật, nương cảnh mà quán thì tướng Phật hiện rõ. Lấy quán y chánh Di-Đà làm duyên huân tập vào tâm, tâm đã có y chánh rồi lại do huân tập mà phát khi tâm đã phát trọn vẹn thì đâu cần lìa tâm, bấy giờ toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, trọn ngày quán tâm tức trọn ngày quán Phật vậy.

Lại nên hiểu rằng: Khi tâm thể khởi lên một niệm thì viên dung cả pháp giới bất tu nghi, lại nói đến thể thì: chúng sanh, Phật, y, chánh, căn, cảnh, như tâm, như trần cho đến cực vi đều là thể của pháp giới, mỗi mỗi pháp đều đủ cả pháp giới, nên nói một thì viên dung

cả pháp giới, đã đủ cả pháp giới thì trong một vật há lại không đủ các pháp sao? Vì tất cả pháp mỗi mỗi đều đủ các pháp nên nay mới lập các nghĩa duy sắc, duy hương v.v...

Lại đức Tỳ-Lô-Giá-Na biên khắp nơi, tất cả pháp đều là phật pháp, nghĩa là chúng sanh có đủ tánh đức Phật, không tự, không tha, không nhờn, không quả, tức là thể viên thường đại giác, thể Phật quả viên minh, phàm phu vốn đủ tánh đức Phật, cho nên tứ tam muội thông gọi là niệm Phật. Nếu áp dụng pháp quán vi diệu này quán cảnh giới An-duyờng đến Phật Di-Đà thì hiển được chơn thể Phật. Tuy nương vào cảnh giới đó nhưng phải hiểu y chánh cũng đồng nơi nhứt tâm, tâm tánh đã cùng khắp thì không pháp nào không lập, không pháp nào không sẵn đủ, nếu ngoài tâm mà có một mảy trần thì không thể gọi là đại thừa tam quán được.

Kinh Nhân Vương Bát Nhã chép: Phật hỏi vua Ba-Tư-Nặc lấy tướng gì để quán Như-Lai ?

Nhà vua đáp: Quán thật tướng thân, quán Phật cũng như vậy, không có quá khứ, hiện tại, vị lai, không trụ vào ba thời, cũng không lìa ba thời, không trụ vào năm uẩn cũng không lìa năm uẩn, không trụ vào tứ đại cũng không lìa tứ đại, không trụ vào lục nhập cũng không lìa lục nhập, không trụ vào tam giới cũng không lìa tam giới, cho đến không có kiến văn giác tri, tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ đạo đoạn, đồng với chơn tế, ngang với pháp tánh, tôi dùng tướng này mà quán thân Như-Lai.

Phật nói: Nên như vậy mà quán, nếu khác vậy là tà quán.

Do nghĩa này được rõ thêm nghĩa trên.

Lại nói: Nếu như vậy thì sao không trực tiếp quán cảnh giới và vi diệu chơn thân mà phải quán hình tượng trước ?

Vị giáo chủ Ta-bà xưng tán cõi Cực-Lạc chính muốn đưa chúng sanh ra khỏi cõi ngũ trược nên dạy quán pháp thân đức Phật kia cao sáu mươi vạn ức na do tha do tuần, nhưng vì hàng hạ căn nên phương tiện chỉ cách quán bảo tượng nhỏ trên đài sen trước, tiếp đến quán hình tượng tượng sáu, vì nhỏ dễ quán hơn, nên từ nhỏ đến lớn vậy. Do tu tập thành quen, hình thể nhỏ lớn có khác, cứ vậy mà theo thì tánh năng quán lúc đầu không khác cảnh sở quán đâu có hạn lượng, nên viên đốn chỉ cần một lời là đã trọn thấu, chỉ trước sau đâu phải là tiệm, thuận theo căn cơ mà chẳng thiên lệch, nhờ quán tưởng mà rõ thật tướng.

Niệm Phật Tam Muội là đường thẳng, thì chung không hai, thuộc đại thừa viên đốn, như ánh sáng nhựt nguyệt chiếu rọi khắp nơi, rõ được tâm chơn vọng là một mà không đồng, theo lý thì có nơi đến, có thể y đó tu tập hằng ngày, giải hạnh quán huệ đều đủ, hành giả há không tận sức sao?

7. Tôn tượng Phật tại Đạo tràng

Nói về quán huệ tam muội, chỉ yếu là khi quán y chánh báo cõi Cực-Lạc phải đạt đến sự thuần thực, tâm cảnh hiệp nhứt để trực vãng Tây phương. Chánh quán tuy đã đạt đến đích nhưng chỗ đối sáu căn còn lưu trần cảnh hay có lúc còn bị thối chuyển.

Thánh tượng, cúng cụ tại đạo tràng và y chánh cõi Cực-Lạc quán thành một thể rồi, hành giả tuy còn ở Ta-bà, do tâm quán hiệp nhưt thì như đã sanh ở Tịnh-độ, khi mạng chung chẳng lại chẳng cảm ứng sao ?

Như hành giả sám hối tu tập tại đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm cho đến cúng dường một nén hương một cành hoa há chẳng hiệp lý tam đế kia sao ? Nếu chẳng hiệp đế lý thì trong sự sự chánh niệm quán sát thắng hạnh đạt quả đối với đại thừa viên đốn không thể hiển khai ư !

Như cõi đức Phật kia có vô lượng điều trang nghiêm là do đức Phật lúc ban sơ tu hạnh Bồ-tát, nhưn hạnh đã lập, nhưn hạnh sở cảm, kết quả có cảnh giới trang nghiêm thù thắng vi diệu vô tận như vậy.

Nay chúng ta quán quả biết nhưn thời biết đạo tràng tam muội mỗi mỗi trang nghiêm cùng với cõi Cực-Lạc kia nhân quả không hai, tất cả thành đại tam muội, được viên dung vi diệu như cõi Cực-Lạc không khác, cũng tự được thân tướng trang nghiêm xinh đẹp. Thân tướng, cúng dường, không ở đây không ở cõi kia, không một không nhiều, y chánh viên dung, hiển lý pháp giới như cõi nước chư Phật không thể nghĩ bàn được. Cho nên rõ được hoặc cảnh, hoặc tâm, hoặc thân, hoặc độ, thọ dụng đồng nhưt tự tại vô ngại.

Kinh nói: Từ ba-la-mật sanh các bảo cái, nơi các cảnh giới thanh tịnh sanh các tràng hoa, nơi vô sanh pháp nhẫn sanh các y phục, nhập kim cương pháp vô ngại tâm sanh các lưới linh (chuông nhỏ), tâm rõ các pháp như huyền sanh các hương thơm kiên cố, tâm châu biến Phật cảnh giới Như-Lai tọa sanh các tọa vị vi diệu của các bảo chúng, tâm cúng dường chư Phật không biếng trễ sanh các bảo tràng, tâm hớn hở rõ các pháp như mộng sanh cung điện nguy nga khắp trú xứ chư Phật, không chấp trước thiện căn sanh bảo liên hoa nhiều như mây ... lấy đó mà quán thì biết y chánh cõi Cực-Lạc là do nhưn hạnh của đức Di-Đà Như-Lai mà cảm thành quả vậy. Nay do ở nơi đạo tràng là đã có nhưn sanh Tịnh-độ rồi. Thắng liệt tuy có sự không đồng như biển cả và giọt nước mà tánh phần há lại không đồng một thể ư ? Khi tại đạo tràng sáu căn tiếp xúc với các vật phẩm cúng dường như hương hoa đèn sáng tràng phan bảo cái, cho đến các vật thọ dụng như: y phục, ngọa cụ, y dược, ẩm thực ... nhưt sắc nhưt hương cả đến một bụi trần không phải là pháp môn ư ? Tất cả giúp cho hành giả phát diệu giải ngộ tâm chứng Thánh, tuy chưa nghe được pháp âm cũng có thể biểu hiện được niệm Phật tam muội, cũng được cảnh trí vô ngại các đại pháp môn; với thân chúng sanh, Phật cùng làm bạn pháp đồng hành, nếu hành giả có ý chê khiến không được diệu ngộ sanh vào cõi kia, rất đáng thương thay !

Kinh nói: Thiên định thì buộc tâm vào một chỗ, trí tuệ liễu cảnh đồng với tam muội, nghĩa cũng như vậy. Thường như vậy mà quán, căn cảnh hiệp nhưt là tu tập ba nghiệp rồi vậy.

Những hình phạt nào dao, kiếm. lửa đốt ở chốn địa ngục, hoặc làm thân rắn, chó, trùng, chim bay bị đục khoét thân thể chịu nhiều thống khổ ấy do trước kia đã gây nhưn xấu ác mà nên, trái lại đối trước đạo tràng trang nghiêm với y chánh hiện tiền và tu tập pháp giải thoát mà chẳng tạo cho ta được tam muội sao ? Lại chốn đạo tràng trang nghiêm là dị cảnh còn

giúp cho ta được điều giải thay huông là đã thiết trí tôn tượng, cung kính cúng dường, tận tâm quyết chí như cha như mẹ lại không khiến ta được giải thoát mau sanh về cõi An-duỡng u ! Lại hình tượng đức Phật và hai vị Bồ-tát trang nghiêm tại đạo tràng, tự thân đối trước mà sám hối là chủ, hình tượng là bạn, tổng là chánh báo, các trang nghiêm cụ là y báo, chủ bạn y chánh này cùng với y chánh cõi Cực-Lạc kia tuy xấu tốt không đồng, lại vị tượng chủ kia có thần thông nguyện lực đồng với chơn thân Phật, lễ bái tất linh, nguyện cầu tất ứng thì có gì là sai khác, đã không sai khác thì ở trước hình tượng bằng đất, gỗ, nhựa, vàng, bạc mà không quán được đại nguyện tướng hảo chơn thân Phật ở Tây phương Cực-Lạc sao ? Nếu trước hình tượng mà không quán được chơn thân là do tâm không định, nên tam muội khó thành, điều ngộ chẳng thâm, sai quấy lắm vậy !

Nay hình tượng đang thấy đó với chơn thân Phật thật không phải hai, lòng đại từ của Phật biến khắp nơi tùy cơ ứng hiện: thật, hóa hay hình tượng, nhưng vì nhãn chương của ta quá dày nên tự thấy có khác, nên với chơn thân Phật gọi là hình tượng thì hình tượng này lại là tượng thật !

Trong Quán Kinh nói Phật tiếp dẫn có ba bậc chín phẩm từ cao đến thấp, phẩm vị không đồng, nên khi ta nhìn hình tượng chỉ thật là mắt thấy, há tâm từ của Phật không cùng khắp sao mà ta chỉ thấy hình tượng thôi. Tất cả là như thể Di-Đà nhưng mắt ta thấy không đồng.

Lại như trong kinh nói sám hối thì nhãn chương dần mỏng sẽ thấy được đức Phật tọa vị, đầu tiên thấy được một hai đức Phật, dần dần nhãn chương nhẹ mỏng thì sẽ thấy được Phật khắp cả hư không. Do nghĩa đó khi ta sám hối nếu tâm nguyện cầu vãng sanh cùng với lý tương ưng thì trước thấy được Phật tượng đến hóa Phật sau thấy được chơn thân Phật.

Trên hội Hoa-Nghiêm, Phật vốn một thể, đại chúng Bồ-tát thấy Phật với thân Lô-Xá-Na trang nghiêm cao lớn vô lượng vô biên, tam thừa thấy Phật giáng sanh vào vương cung, làm thân lão tỳ kheo, kẻ phàm phu chúng ta thấy Phật gỗ, Phật đất là thân Phật.

Tại sao trong Phổ-Hiền Quán Kinh nói chỉ sám hối nhãn tội mà được thấy Phật, vậy hiểu rằng Phật vốn như thể, thấy thật hay hình tượng sự thấy ấy tự có khác biệt vậy.

Xưa có người khắc hình mẹ mình bằng gỗ, tuy bằng gỗ mà người con còn tưởng là mẹ thật nên cũng nhớ cũng kính, tưởng hình ấy cũng có sắc tướng vui giận như thật, ý tưởng hiếu cảm của thế gian còn như thế huông là đức Phật có vô lượng đại nguyện thần thông mà ta đối với hình tượng trang nghiêm ấy không bằng kẻ xem hình mẹ bằng gỗ sao ?

Việc tạc hình tượng xưa nay bất như, hoặc có hào quang, hoặc hiện thoại ứng, cho đến xá-lợi, hoặc chìm xuống nước hay hỏa thiêu cũng không hoại diệt, như trong truyện ký không thể nêu hết được.

Vậy tượng chủ tại đạo tràng là chơn thật sắc thân đức Di-Đà Như-Lai vì ngã chương mà cho là hình tượng, dù thực là hình tượng cũng giúp ta từ đó mà quán nhập được chơn thể, lại không hiển rõ sự vi diệu đồng thể sao ?

Kinh nói rằng thân thanh tịnh của Phật biến khắp mọi nơi. Lại nói rằng tất cả các pháp không gì là không phải Phật pháp. Như thế thì hình tượng này không phải là Phật ư?

Hỏi: Bảo rằng lia các tướng tức là Phật, Phật thân còn không nữa là hình tượng này cùng với Phật đồng hay sao?

Đáp: Có hình tượng không phải là Phật, sao lại có hình tượng, lia báo thân Lô-Xá-Na cũng không phải là Phật, tất cả không phải cũng tức là Phật, đâu lại không phải Phật ư? Nếu biết được nghĩa này thì ngộ được sự kính lễ tôn tượng của ta ngày nay không lia nguyện hải, đu đại thân lực, năng nhiếp năng thọ, gồm cả vô sở úy, thập bát bất cộng, đại từ đại bi, thường lạc ngã tịnh, tướng hảo quang minh v.v.. đồng với toàn thân đức A-Di-Đà không khác. Ta nay trong sự sám hối hành sự cũng như kẻ hành khát được gần bậc đế vương, tâm hằng lo lắng run sợ cảm thương, khát ngưỡng nhiếp thọ, mong mỗi xuất ly, hưởng là nhiều kiếp khó ra, nay được tao phùng đầu dám khinh suất để cho thắng hạnh chẳng tăng trưởng tự làm chướng nạn sao? Lại đối trước thân tượng cầu Phật thương xót nhận sự sám hối của đệ tử, đã nhận sự sám hối rồi thì tất cả trọng tội định nghiệp thấy đều tiêu diệt, quyết được sanh về Tịnh-độ. Lòng vui mừng hơn hở thanh thắng như trời đất minh mông, liền được pháp nhãn, cảnh giới Cực-Lạc như ở trước mắt. Cho nên hiểu rõ thuyết chơn tượng không phải là không thâm sâu. Học giả nên hiểu cặn kẻ đừng nghĩ sai khác.

8. Phá thuyết chấp không

Đức Thích-Ca Như-Lai, suốt đời Thánh giáo, nói về quả báo thiện ác, nhân duyên các pháp thì chung nhưt như không sai khác. Tuy có câu bách phi siêu thoát mà đâu có ra khỏi lý nhân duyên, sao ngày nay có hạng xiển đề không biết Phật, Tổ nói các pháp là để phá chấp trừ nghi, giải tỏa tâm trạng cố chấp sâu nặng. Theo chân bọn họ bảo ngoài tâm ra tất cả hạnh thấy đều không: không Phật, không pháp, chẳng có thiện, chẳng có ác. Lầm nhận vọng thức là chơn, cho rằng ngoài tâm ra không có một pháp nào khả đắc, bài bác không nhưt không quả, không tội không phước. Bảo tất cả hình tượng Phật, Bồ-tát là vàng bạc, đồng thiếc, gỗ đất, đại tạng giáo điển cũng là vô cây, lưu trữ trên vật bất tịnh, vốn không chơn thật đâu đủ để làm bằng, tất cả công đức hành thiện đều là trước tướng phải dứt trừ, một bề tìm sở đoản của người, nêu lên sở trường của mình, hoặc bảo tham cứu thoại đầu là cố chấp, xét tận nguồn gốc tìm đến trong ngoài thấy đều không, bèn làm những điều xấu xa, dâm dục, giận hờn, ngu si... không trở ngại đạo lý, dối mình dối người, nội tâm điên đảo thối nát, như trùng sư tử ăn thịt sư tử. Chỗ kiến giải của những hạng này rất nhiều, ấy do thiên ma ba-tuần oán giận từ lâu khiến nay hình dáng y phục như ta phá đạo ta, không thể khai ngộ được. Than ôi! Thương lắm thay.

Chỗ kiến giải của hạng người cho hình tượng không phải Phật thì không biết Phật là ai, giấy mực không phải kinh thì không biết cái gì là kinh. Nếu tâm mình là Phật thì vật gì chẳng phải do tâm mà riêng bảo hình tượng Thánh nhưt chẳng phải tâm chẳng phải Phật ư? Lại nói tâm đã là Phật thì ai lại không có tâm mà riêng bảo tâm mình là Phật còn chẳng có tượng chẳng có kinh gì cả. Không biết tâm chúng sanh còn trong mê nên mượn hình tượng kinh pháp làm biểu kiến để cho người ngộ giải, nếu đã ngộ giải thì rõ chơn tâm chúng sanh và Phật bình đẳng khắp nơi nơi.

Kinh chép: Chư Phật nói pháp “không” là muốn hóa độ hạng người chấp “có”. Nếu cứ chấp chắc vào không thì chư Phật đâu cần phải hiện thân. Lại nói rằng: Há có thể nói có như núi Tu-di, chứ không thể nói không như hạt cải đượ. Dù có chứng pháp không đi nữa nhưng cũng vẫn còn mắc vào hạng tiểu thừa đâu thể xứng với hàng đại bồ-tát đượ. Đứng về tục đế do không mà ngộ đượ pháp hữu, cũng như nơi chúng sanh mà có Phật độ sanh vậy. Do đó hàng đại thừa bồ-tát chê trách “không kiến” của hàng tiểu thừa. Đức Phật còn bảo pháp không không phải là hoàn toàn không, nên đức Phật nói pháp không là để từ hữu hiển tánh không, nhưng không không lìa hữu mới gọi là chơn không. Người đời bảo rằng không là phải bỏ cái có mới gọi là không đượ, không như vậy là thuộc về đoạn kiến, như kẻ bị rơi xuống hố sâu không thể lên đượ, thật đáng sợ thay !

Vĩnh Gia nói rằng: Bồ hữu giữ chắc không cũng đồng là một thứ, như kẻ bị ngã vào hố lửa chẳng khác, nên suy nghĩ kỹ điều đó! Thiện-Tĩnh tỳ-kheo luống nói pháp không, Bảo-Liên-Hương tỳ-kheo-ni tư hành dâm dục liền đọa vào địa ngục, hàng hậu học há không lấy đó làm gương giữ mình, lại tự dẫm theo vết xe đổ nữa sao ?

Như kẻ mù dẫn theo một bọn mù khiến cho cả thầy lẫn trò đều bị chết chìm thật đáng thương thay !

Như người con chí hiếu nghe cha làm điều ác, vì nhớ đến ơn sanh dưỡng còn không chịu đượ, huống chúng ta xưng rằng Thích tử thọ ơn xuất thế lại đem tâm khinh hủy hình tượng cùng chê bai Thánh giáo an nhiên không chút lo sợ sao ? Hạng người này quyết chắc phải thẳng vào đại địa ngục thiêu đốt ngũ vô gián quả báo, do hành động sai quấy và nói lời hư ngụy hiện đời vậy. Đức độ cao cả như ngài Văn-Thù v.v... một thời vì người phá chấp hiển lý sao lại đem điều đó bảo cho hậu thế đượ! Kẻ hậu học ngày nay không hiểu đó là phương tiện của các bậc tiền bối, lại đi liếm nước miếng người xưa rồi chẻ tượng Phật trong bảo điện làm củi cho là hành đạo cứu cánh, thật là điên đảo! Nếu y theo lời nói của bậc trưởng thượng đem chẻ đốt tượng mà cho là đúng đạo, như vậy thì các Thích tử trong thiên hạ này đều là Văn-Thù Sư-Lợi cả, tự tay cầm kiếm gặ Phật giết Phật, không có Phật phá tượng tức là đúng đạo, như vậy đâu cần phải theo học ba môn định huệ do Phật truyền dạy làm gì !

Phật pháp đượ cứu trụ toàn do nơi hình tượng kinh điển mà kẻ thừa hành khéo duy trì nên, nếu như cho rằng hủy bỏ đi thì y cứ vào đâu mà đượ an trụ lâu dài. Nên Phật từng nói đối với kinh tượng không hết lòng tôn kính còn bị trọng tội huống lại khinh hủy thì tội nghịch như thế nào hãy tự biết đó.

Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa có chép khi ông Đề-Bà-Đạt-Đa còn là tiên nhơn A-Tư-Đà là thầy đức Phật Thích-Ca, Thích-Ca tự đem thân mình làm ghé ngồi để dâng hiến cúng dường, ngày nay Ta đượ đủ lực độ, thân tướng kim sắc, tứ vô úy, tứ nhiếp pháp cho đến tất cả thần thông đạo lực và thành Phật độ sanh đều nhờ thiện tri thức Đề- Bà-Đạt Đa vậy.

Ngày nay Thích-Ca đã chứng Phật quả muốn đem những điều đã chứng đạo, không nói pháp không mới chỉ nghịch tán thôi hơi tôn ý chỉ Phật, còn không thoát khỏi sự thống khổ trường kiếp ở địa ngục, huống là năm trăm năm sau nếu đối nói pháp không làm dứt mắt

thiện căn há lại có thể miễn được khổ quả sao? Lại đức Phật nói pháp không vì muốn mọi người thể hội không pháp đoạn ác, sao không hiểu được ý Phật mà cứ trệ vào thiện căn không pháp há lại không điên đảo sao! Lại có kẻ đối với các pháp bất thiện còn cho là vô ngại thì các thiện pháp ngại chỗ nào mà muốn không tu. Xưa kia có vị trả lời “không lạc hơn quả” cho một người hỏi phải chịu khổ quả năm trăm đời làm thân chồn không phải do ngài Bách Trọng lão hơn thường nói sao! Huống là ngày nay luống nói pháp không bác không hơn quả, không sợ kẻ hậu thế nghĩ bậy nói càn không những chỉ hủy bỏ kinh tượng, còn cho người ăn rau quả như trâu dê, người thuyết pháp là hư giải, tội tướng rất nặng. Không biết huệ giải như mắt, đạo hạnh như chân, có mắt không chân tuy thấy nhưng không đi được, có chân không mắt tuy đi nhưng không thấy được gì, vì không thấy nên ắt phải rơi vào hố sâu, vì không đi được dù thấy được bảo sở, nhưng không thể đến tuy không đến nhưng vẫn biết thị phi mặc dầu vậy vẫn bị rơi vào hố sâu thân mạng đều mất. Như trong kinh nói ngũ độ (6) như mù, bát nhã như đạo (7), vì mù nên đi ắt phải sai lầm, do như đạo nên quyết đến được bảo sở, đâu có thể trở lại nói kinh giáo là hư giải được. Tuy nhiên huệ giải và thực hành mỗi mỗi đều có sự quan yếu. Thiết hoặc có hành không giải cũng không được và cũng đừng cho huệ giải là thừa. Có huệ mà không hành bồ đề tâm có thể phát, có hành mà không có huệ giải thì khó hội nhập lý viên thừa. Nên biết được đại trí của đức Văn-Thù là thầy chư Phật, đại hạnh của đức Phổ-Hiền là cha của quần sanh, đâu lại nghiêng về một bên mà sanh tự chấp vậy.

Ngài Nam-Nhạc của Thiên tông còn bảo chẳng tự nhứt vật, trong sự tu chứng còn không thể ô nhiễm làm yếu chỉ nhập môn ngộ đạo, huống là người đời nay tà kiến sâu dày há lại chẳng gấp rút thoát ra khổ xứ.

Kinh Lăng-Nghiêm nói: Tự bảo mình đã trọn đủ là đã khởi lên đại ngã mạn rồi, tâm khinh trên cả mười phương Như-Lai huống là hàng hạ vị Thanh-Văn Duyên-Giác. Lại nói: Bỗng nhiên đến chỗ vĩnh viễn tiêu diệt, bài bác không có hơn quả, tất cả đều không, hiện tại không, không có tâm sanh trưởng, tâm đoạn diệt, không cần phải lễ bái tháp miếu, phá hủy kinh tượng, còn nói với đàn việt hình tượng đều là kim loại gỗ đất, kinh là cây, là lá, là hoa, nhục thân chơn thường chẳng tự cung kính lại đi sùng kính ba thứ gỗ đá, thật là điên đảo!

Với người thâm tín thấy sự hủy hoại đó, lo họ quyết vào địa ngục vô gián, đức Thế-Tôn đã dự ký những hạng đối nói pháp không, chưa được nói được, chưa chứng nói chứng chắc chắn vào địa ngục, những người như vậy đâu có thể tránh khỏi lời dự ký của Phật. Hoặc nói ông Đạt-Đa kia vào địa ngục còn không khổ ta lại sợ sao? Không biết rằng ông Đạt-Đa chống đối Phật là tâm muốn tán than giáo pháp Thích-Ca nên ở địa ngục không những không khổ mà còn vui như ở cõi tam thiên nên thân khẩu tự như hủy báng, ở trong địa ngục làm như thân khẩu đã phạm chịu vô lượng khổ. Phật sự là thế, ngày nay ta lại học đòi khiến không tôn kính kinh tượng cho là gỗ đá, xem như giấy loại, không biết hơn quả, bài bác tội phước, lìa xa lời răn dạy của Phật, thân cận hành động ngũ nghịch như vậy ác báo không thể tránh khỏi được.

9. Khai thị thiên tịnh không hai

Đức Thích-Ca Như-Lai chỉ dạy pháp môn niệm Phật là gồm thấu tất cả căn cơ trong pháp giới không ngoài một ai. Thật vậy đức Văn-Thù, ngài Phổ-Hiền chứng nhập cảnh giới cũng từ đó. Bài Tứ minh của tông Thiên Thai, tông Hoa-Nghiêm, Tông Pháp Hoa cũng đồng nhau, cùng một vị đề hồ cả. Thiên-Tôn gọi đó là trực chỉ. Trong bài Tứ Liệu Giản của ngài Vĩnh-Minh nói rằng: không Thiên có Tịnh vạn người tu vạn người đắc, chỉ thấy được đức Phật A-Di-Đà lo gì không được khai ngộ, một đường hương thượng mà thôi. Người đời ngất vì mưu cầu danh lợi chưa toại nên mới tự trách và than thở: Ô! Bình sanh tôi tất cả chưa xong, tham thiền không phải là điều tôi mong mỏi, vả lại niệm A-Di-Đà Phật là để độ sanh nên chẳng được gì, như vậy tự sanh lười biếng chưa từng suy nghiệm, thoảng hoặc hốt nhiên được chút ít đắc chí liền có vô lượng điều xấu ác hiện đến làm sao chế ngự được, niệm Phật như vậy đâu có được gì.

Nay đã rõ tham thiền tuy vi diệu nhưng khó, như làm một cái nhà vạn phòng; niệm Phật tuy đơn sơ mà dễ, như làm một cái nhà lá có đất là làm được liền. Như gặp thời đói khát lại gặp được đại vương cho trăm thứ vật thực trân thiện làm thức ăn, còn ngọc như ý châu xem như mắt con cá, thật tiếc thay ! Nên biết sự hành trì trong hai pháp Thiền, Tịnh đều có sự sai khác, tuy khác về sự nhưng về lý thì đồng. Sự thật hành sai khác như thế nào ?

Tham thiền thì không cầu nơi Phật xưa nay đều như vậy, nếu tự mình không đủ chánh tri kiến, lại không gặp được bậc minh sư, dù cho không thôi thất nhưng đa số lạc vào ma đạo, vì không nhờ Phật lực cứu hộ.

Niệm Phật thì không cần gì hết, chỉ niệm danh hiệu một đức Phật thôi, tuy không hiểu rõ và thầy bạn hướng dẫn, chỉ vững tin thật có đức Phật và cõi nước, phát tâm chí thành thì được vãng sanh, dù có ngưng trệ nơi tà tiểu cũng vẫn được vào chánh đạo vì nhờ nguyện lực của đức Phật A-Di-Đà cứu hộ vậy.

Đó là sự sai khác trong sự hành trì chứ chẳng phải có sâu cạn và phẩm vị.

Nên hiểu tham thiền tức niệm Phật, niệm Phật tức tham thiền, thiền mà không niệm thì không được vãng sanh, niệm mà không thiền thì không quán chiếu phát huệ. Vậy niệm Phật và tham thiền đâu phải là hai. Hiểu được điều này thì khi công danh phú quý đã thỏa một dao dút đoạn liền phát tâm đồng mãnh nỗ lực hành trì, với tài sản vợ con đầu mắt tùy nào cả đến thân mạng cũng không lẩn tiếc, quyết chí cầu vãng sanh, đâu phải đợi đến lúc thất chí mới hối hận đem pháp môn tối thượng này theo sự nhận thức cạn cợt mà tu tập cầu thả, đáng thương đáng tiếc lắm thay !

Nếu có thể như đó mà hối tiếc, một khi hạ thủ nên khởi tâm đại thừa với bảo sở quyết chí thành tựu tâm không thôi chuyển, như thuyền trôi thuận dòng xuôi gió lại thêm chèo chống há lại không chóng đến đích sao? May thay!

Hỏi: Như vậy trong sách Thiền nói: Thế nào là Phật?

Đáp: Đồng phân khô ba cân.

Ta bây giờ một gậy đánh chó dành ăn, muốn thiên hạ thái bình, gặp ma giết ma, gặp Phật giết Phật.

Hỏi: Vậy tâm tôn kính luyến mộ úy ái khát ngưỡng của niệm Phật tam muội đồng như so với tôn chỉ Thiên thể nào?

Đáp: Niệm Phật là niệm báo thân đức Phật A-Di-Đà ở thế giới Cực-Lạc về phương Tây kia. Báo thân của đức Phật ấy có vô lượng công đức nguyện lực, quang minh tướng hảo, hóa Phật và Bồ-tát Thanh Văn không thể nói hết được, đó là thân Phật. Cảnh giới sở y của đức Phật ấy có ao báu, đất báu, cây báu, tràng phan, lưới võng, lan can, lầu các, linh khánh, hoa nước v.v... tất cả đều trang nghiêm, đó là quốc độ. Đức Phật ấy lấy thân làm độ, lấy độ làm thân, thân độ vô ngại, tâm cảnh dung thông, hoặc đây hoặc kia đồng một thọ dụng, uẩn nhập xứ giới các pháp cho đến vô thượng bồ đề, năng sát sở sát, tất cả thời tất cả xứ không chướng không ngại, không bị ràng buộc hay giải thoát, ngang dọc thuận nghịch đều là sắc thân thanh tịnh của Phật A-Di-Đà. Tại sao? Vì tâm tức cảnh, cảnh tức tâm, thân tức độ, độ tức thân, chúng sanh tức Phật, Phật tức chúng sanh, đây tức kia, kia tức đây, xanh vàng đỏ trắng sắc trần, nhãn nhĩ tỉ thiệt các căn, như vậy các pháp hoặc tâm hoặc thân mỗi mỗi không gì không tự tại, không gì không giải thoát, dâm nô si đều là phạm hạnh, trần lao là pháp lữ, vậy thì ba cân phân khô không phải là Phật sao?

Đã là Phật cần gì phải ở tịnh địa, khởi tướng độ sanh nên thị hiện giáng trần, ấy là dùng gậy đánh chó dành ăn. Một đời mô phạm, sáu năm khổ hạnh, hàng ma thuyết pháp, nơi pháp bình đẳng vô sanh vô diệt, nói sanh nói diệt, quấy động thế giới, não loạn tất cả, phá lộng hiện chơn, khiến người người tỏ ngộ, há không phải thiên hạ thái bình sao ?

Phải suy nghĩ kỹ tránh xa lầm lẫn, không được dao động, dao động thì tự đã có phần sai quấy.

Hỏi: Pháp môn niệm Phật đặc biệt như vậy cũng như thuyết chỉ tâm thành Phật. Tông Thiên Thai nói quán tâm là quán Phật, nghe qua thì không khác, tức là khi tâm không rời một niệm là rõ cả ba ngàn diệu pháp, ba quán (8) uyển nhiên đủ cả vạn pháp tức là chơn như, một khi được nhứt tâm là trọn thành, nhưng hàng hậu học độn căn làm thế nào để tu cho thành tựu ?

Đáp: Chỉ cố thực hành lo gì không thành. Ví như sơn cốc có tiếng thì có âm vang, tiếng phát lớn thì âm vang lớn, tiếng phát nhỏ thì âm vang nhỏ, tiếng phát thế nào thì tiếng dội thế ấy. Ba bậc chín phẩm cõi Cực-Lạc nhiếp thọ chúng sanh, theo căn cơ mà được độ, có những hàng lợi độn, sâu cạn, tà chánh, nhanh chậm theo phẩm thọ sanh không sai chạy, như trong hang núi theo tiếng lớn nhỏ mà vọng lại. Nếu hằng siêng năng lại thêm tinh tấn quyết chắc không suy siển. Lại nữa thời gian không có trước sau sao lại sợ là độn căn. Do nghĩa này mà biết tất cả pháp môn là một pháp môn, một là tất cả, thì đâu còn Thiên Tịnh hai môn. Cứ như một đời đức Thích-Ca giáo hóa không ra ngoài pháp môn niệm Phật. Vả lại pháp môn này lượng rất rộng lớn nhiếp thọ tất cả căn cơ không sót một ai, sao bảo chỉ cho hàng ngu phu ? Vậy xin các bậc hậu hiền đối với pháp môn này không nên khởi nhận thức sai lạc.

10. Giải thích tâm chán Ta bà vui về Cực-Lạc

Nói hai cõi là chư Phật phân rõ sự khổ sự vui của hai thế giới.

Phần trên hành giả nghe nói y báo chánh báo của hai cõi, theo kinh văn, thì thấy cõi Ta-bà này lắm khổ, cõi Cực-Lạc kia nhiều vui ?

Pháp huệ quán thì vi diệu viên dung, hai cõi nghiêm nhiên là thật có, nhưng có hạng người bảo rằng cõi kia do tâm nghĩ có mới có, tâm nghĩ không là không, quang ảnh huyền hóa hư vọng chẳng thật. Phải nhận rõ cõi kia cũng như cõi này đúng như thật không nên lầm lẫn. Dùng trí mà suy không nên theo sự tà giải thiên kiến của những ác tri thức, phải nên chánh quán khổ vui tịnh uế của hai cõi. Ở nơi cảnh đó sanh hai tâm để làm phương tiện, không nên vì hai tâm mà bảo chẳng thể sanh vào cõi kia.

Hai tâm là gì? Một là tâm yếm ly, hai là tâm hân lạc. Phải sanh tâm chán ngán xa lìa cõi Ta-bà này, thuận đúng theo sự chê trách của đức Thích-Ca; sanh tâm vui thích cõi Cực-Lạc là tùy thuận với lời khuyên của đức A-Di-Đà. Tinh tấn tu hành hai điều này thì quyết định niệm Phật tam muội được thành tựu.

Thế nào gọi là ghét bỏ ?

Trên nói sự thắng diệu của cõi Cực-Lạc thì nên quán sát có phải thật thế giới Ta Bà này toàn khổ không vui? Thật thế, địa ngục tam đồ ngày đêm bị lửa hừng thiêu đốt, naga quỷ bàng sanh thống khổ vô cùng, A-tu-la nhiều sân nên thích chiến tranh, loài người thì nơi nơi không an, căn trần bát khổ giao nhau, như quả bốn loài lên xuống, thời tiết nóng lạnh, ngày đêm thay đổi, cảnh giới toàn đất đá, vô thường không yên, thân đầy xú uế, nam nữ khác biệt, luôn luôn lo lắng nhu cầu cơm áo, nguy nàn tai ách, thọ mạng ngắn ngủi, khổ khổ xen nhau, dù được sanh lên thiên cung thọ mạng hết rồi lại đọa vào đường khổ không biết sẽ đi về đâu, từ nghiệp này dẫn đến nghiệp khác lần lửa không dứt, những điều khổ như thế không nói hết được, nên cần phải chán ghét.

Thế nào gọi là vui thích ?

Cõi Ta-bà có lắm điều khổ như thế, trái lại cõi Tây phương Cực-Lạc rất sung sướng. Đất bằng bảy báu, ao báu, không có ba đường ác, trang nghiêm thù thắng hơn cả mười phương. Không có nóng lạnh, ngày đêm, không có bốn khổ sanh lão bệnh tử ác nghiệp, toàn người nam không có người nữ, hóa sanh trong hoa sen, y thực tự nhiên, thường sanh pháp hỉ, thọ mạng vô lượng, thân có hào quang sáng chói, nghe pháp âm liền khởi ý hướng thượng, thấy tướng hảo trong sát na liền ngộ đạo, vô lượng hân lạc nên gọi là Cực-Lạc, do đó phải sanh tâm hân lạc.

Một khi đã nhận rõ rồi thì phải ngày đêm tinh tấn tu tập không được dừng nghỉ. Nên theo lời Phật, đối với thanh sắc các cảnh phải khởi tướng địa ngục, tướng là biển khổ, tướng là nhà lửa, châu báu là khổ cụ, cơm áo nước uống là máu mủ, áo mặc là giáp sắt, quyền thuộc là dạ-xoa la-sát ăn nuốt thân mạng, sống chết chẳng dứt, nhiều kiếp trôi nổi quyết phải ghét bỏ.

Là người trí nên y theo kinh, nghe được nguyện lực Phật và quốc độ trang nghiêm kia nên mỗi mỗi niệm phải theo đúng lý khởi tướng an ổn, sanh tướng quốc độ báu đẹp, sanh tướng gia nghiệp, tướng giải thoát, nghĩ tướng đức Phật A-Di-Đà, Bồ-tát cùng Thánh chúng

là từ phụ hiền mẫu, sanh tướng tiếp dẫn, tướng bờ bên giác ngộ. Có tai nạn lo sợ xung niệm liền ứng, không nhọc công sát na là được cứu hộ, nên nghĩ phải gấp ra khỏi. Công đức vô lượng như vậy thật nên vui thích.

Với những lời chê trách trên nếu chẳng lo tu tập, tâm chán bỏ không kiên cố thì các nghiệp ràng buộc ở cõi Ta-bà này không mong gì thoát khỏi. Nơi pháp nhiếp kia nếu không thường nhớ tưởng tu tập, hân lạc không tha thiết thì thắng cảnh Cực-Lạc khó đạt.

Do đó hành giả muốn sanh về Tịnh-độ, muốn thành tựu niệm Phật tam muội thì phải nhận rõ hai pháp này mà tu tập đó là bước đầu tiên trong sự hành trì. Nếu không nhận rõ hai điều này mà tu tập thì tuy thông đạt quán huệ cũng chỉ là hư giải, dù rằng muốn sanh về cõi kia mà không hân hoan chán bỏ thì không do đâu mà được; nếu thường tu theo hai pháp này, tuy không biết quán huệ chỉ cần sự tưởng cũng được sanh về cõi kia nhưng không ở phẩm vị cao, nếu hết lòng chán bỏ và trọn tu quán huệ thì không những được sanh về cõi kia mà còn ở ngôi vị thượng phẩm nữa. Hành giả không nên cho pháp này là trước tướng rồi cố chấp khinh khi.

Hoặc bảo rằng sao không bắt các duyên chỉ cần buông xả nhưt niệm ngàn đời khiến tâm, lý dung thông, tự nhiên hợp pháp, hà tất phải hân yếm thủ xả ?

Đáp: Nếu cho bắt các duyên là đạo, chỉ khởi một niệm buông xả, vậy không phải là buông xả, đời đạo cách xa, ấy thuộc biên kiến ngoại đạo. Cho nên Nga-Hồ nói rằng: Chớ nên quên thân và tâm tuyệt vọng, sẽ không thuốc trị bệnh càng thêm nặng. Lại nói: Nếu lặng yên buông bỏ như không biết gì ấy là chưa hiểu mà làm như rõ hết. Trong mười tám pháp bất cộng (8a) có nói đến điều tinh tấn không lười trễ, trong sáu pháp ba la mật nói do tinh tấn mới được thành tựu. Và lại nói buông bỏ chỉ là buông bỏ nghiệp duyên thế gian chứ không phải buông bỏ tâm tinh tấn tu đạo được. Cổ nhơn cho hạng người ngồi không không làm một việc gì chính là hạng người này. Nếu bảo buông xả tự tại là đạo mà không gắng sức tinh tấn một dạ tu hành há lại được tâm cảnh dung thông thành một phiến là hiệp với đạo ư !

Như biết chẳng buông xả là buông xả, hăng hái hân yếm thủ xả tức là không hân yếm thủ xả, tu tức không tu, niệm mà không niệm ấy gọi là vô công dụng hạnh, cũng gọi là vô tác diệu tâm thì sao lại không mau đạt đến lý trung đạo được !

Lại tu là dứt đoạn thường, đoạn thường đã hết thì còn đâu để hỏi, liền sanh về thế giới Cực-Lạc diện kiến đức A-Di-Đà và hai vị đại sĩ, vậy còn pháp nào mà không thể hỏi, hạnh nào mà không thể học, nghi nào mà không thể trừ, điều mong cầu nào mà không thể được, được bất thối chuyển, thì pháp hân yếm này há không phải là nhơn hạnh để thành vô thượng chánh giác sao ?

11. Khuyến tu.

Các pháp vốn bình đẳng, sở dĩ có tịnh uế là do tâm phân biệt. Vì mê tâm trước cảnh nên có phân biệt đối đãi mới có tịnh có uế, có giải thoát có hệ phược. Vì vậy nên nhiều kiếp luân chuyển không hay không biết do đó mới phải khuyến tu. Khuyến phải nên xa lìa biển khổ Ta bà cầu sanh về thế giới Cực-Lạc.

Hành giả đã nghe luận giải hai pháp vừa nêu trên tất nhiên hiểu rõ sự sai biệt tịnh uế, khổ lạc hai cõi và thật có hai thế giới không lý còn nghi hoặc, vậy phải phát nguyện tu tập cầu sanh về Cực-Lạc.

Người nông dân thấy lợi mà còn hăng say tìm cầu trái qua năm tháng khổ cực, đói rét dày vò ngày đêm sâu muộn một đời lặn lội không dừng không nghỉ, hưởng là với tam muội nên phải nhứt tâm tinh tấn siêng năng cầu thoát khổ nhiều kiếp ở Ta-bà, chỉ phải một đời đói rét mà được vĩnh viễn an lạc nơi chín phẩm Cực-Lạc. Lấy đó mà suy cũng thấy được chỗ hơn kém, như trên đã phân tích rõ hai nghĩa chiết nhiếp rồi, vậy bắt tất phải khuyên nhủ ! Như nói, đây là vàng ngọc đây là sỏi đá, trẻ ba tuổi cũng biết bỏ đá lấy vàng, không khuyên nó vẫn biết, biết cái gì quý cái gì tiện. Hành giả cũng vậy, đã nhận biết cõi này khổ cõi kia an lạc, đây thì sanh tử nổi trôi, kia thì tự tại giải thoát, nên quyết phải từ bỏ uế độ mà cầu về Tịnh Độ, tự nhiên niệm niệm chẳng dứt, tâm tâm không rời, như cứu lửa cháy đầu, nghe rồi phải hành, há phải đợi khuyên nhủ !

Khổ lạc hai cõi là do đức Phật nói ra hãy tin đừng nên nghi, tu thì có kết quả. Người thấy đồ như uế liền bịt mũi nhú mày chán ghét muốn gấp tránh xa, nếu thấy gấm vóc đẹp đẽ thì hớn hờ vui cười, ưa thích thanh khiết muốn lấy cho được. Những điều tốt xấu giả huyền tạm bợ như thế còn không nhận được lại còn thương ghét say đắm hưởng là những nơi rất khổ rất sướng nhiều đời nhiều kiếp mà lại không chán không thích thì thật ngu dốt lắm lắm vậy !

Ngoài ra đức Thích-Ca vị giáo chủ cõi Ta-bà này đã nhập diệt, đức Di-Lặc thì chưa hạ sanh, Hiền Thánh thì ẩn tàng, chúng sanh lại bôn ba hụp lặn trong biển khổ như con thơ mất cha, nếu không nhờ nguyện vương của đức A-Di-Đà mà hướng về thì khó cứu hộ. Lại thêm thế giới này lục đạo chung sống, như thiên hết phước còn phải đọa lạc. Nay vì người mà lập pháp tu, hạng thần tiên mong lên không giới còn không dễ hưởng là đến các thiên giới. Hạng sanh thiên phải do tu ba phẩm thập thiện mới sanh lên ba giới, từ thấp đến cao cũng phải trải qua nhiều kiếp không thể như ý, từ nhỏ thành lớn như giọt nước rơi, trung gian còn gặp tà kiến ác ma xúi dục liền bị thối thất. Còn dám nói là ra khỏi ba cõi chúng tứ quả tứ hưởng, lại còn phải qua các phẩm vị tín, trụ, hạnh, hướng, địa mới thật siêu thoát ! Nếu chuyên tu pháp môn niệm Phật cầu sanh về Tịnh-Độ này, tuy còn phàm phu không hết một đời cũng bằng ngang ba cõi ngũ đạo (9) sanh tử, vượt thẳng các hữu, nhờ Phật tiếp dẫn sát na sanh về cõi An- Dưỡng ngôi vị thượng phẩm, liên hoa hóa sanh, hoa nở thấy Phật, nghe pháp ngộ đạo, trong một niệm đi khắp mười phương cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sanh, đến khi đức Di-Lặc giáng sanh trở lại cõi này giúp Phật hoằng từ, khiến cha mẹ vợ con anh chị em cốt nhục cùng với tất cả oán thân thảy, nghe được giáo pháp, nhận rõ những như quả quá khứ khiến được giác ngộ chứng đạo quả, như vậy hạnh nguyện ấy không lớn sao ?

Thế giới Ta-bà có nhiều chương duyên kết nghiệp (10), còn công đức lại khó tích lũy, nếu có một niệm thối thất là dẫn tới đời sau, thử hỏi có nên trì hoãn thả được không ? Phương chi sự đời còn có ngàn khó vạn lo đưa đẩy, như xích sắt nối nhau không dứt, tâm thì niệm niệm không dừng thân thì lặn xảng không nghỉ, thăng trầm trong biển trần lụy, bị che lấp không thấy được chơn tánh, nhiều kiếp chưa từng dừng nghỉ, vô thường biến đổi không

thôi, dù cho sống lâu trăm tuổi cũng chỉ bằng cái búng tay, ngày nay khó giữ được ngày mai, thoát nhiên nhắm mắt lìa đời khoảnh khắc không biết là về đâu, hay phải theo nghiệp như thọ hình biệt loại mang lông đội sừng làm cầm thú trên đất hay trong không trung, ngày nay kiến giải tà vọng là tam đồ lục thú ở ngày mai, phiêu linh nhiều kiếp không biết quay về ấy mới thật là đại khổ. Dù cho đức Di-Lặc xuất thế cũng lại chẳng hay chẳng biết, không biết cả đến danh từ cha mẹ Tam Bảo thì làm sao nghe biết kinh giáo viên thừa. Tuy thọ dị hình vẫn còn nặng lòng thương tiếc, từ nghiệp dẫn nghiệp, từ u tối vào u tối, tham sống sợ chết có khác gì ngày nay, nếu lúc này không gấp gấp học đòi theo những đấng trượng phu đã giác ngộ đồng mãnh phát đại tâm lập chí quyết định hăng hái tận lực như cử đỉnh bạt sơn, một cái nháy vọt ra khỏi hồ sâu, dứt sạch chướng duyên, an nhiên hạ thủ, hạnh nghiệp tiêu trừ vang động khắp cõi như thiên, quần hữu nhờ ơn, chư Phật hộ niệm, đóng bít ba đường dữ mở cửa Tổng-trì, không cần đợi đến khi mãn báo thân ở cõi Ta-bà mới được vãng sanh. Nếu cứ chần chờ cho mọi sự ổn định, cơm áo đầy đủ, sự sự xứng ý, hoàn toàn trọn vẹn, lại còn tính trước tính sau, chọn ngày lành tháng tốt, ân oán chấm dứt rồi mới hạ thủ, giã như hư không cùng tận đi nữa cũng không có ngày này vậy. Ví như lúc tạnh ráo không lo đi đợi khi mưa xuống lại lo ướt đầu. Cổ như nói: Ngày nay yên nghỉ thì nên yên nghỉ, còn đợi cho xong thì không bao giờ xong, hãy nên suy nghĩ đó ! . (11).

12. Khuyên giữ giới sát sanh

Lời tựa Kinh Viên Giác sơ do tướng công Bùi Mỹ Hưu trước tác có lược chép:

Phàm vật gì có huyết khí đều có sự biết, đã có sự biết tất cùng một thể là chơn tịnh minh diệu hư triệt linh thông, tất nhiên muốn sống còn. Lấy đó mà quan sát thời biết những loài vật nhỏ nhít từ bò bay xùng động, lớn như sư tử voi ngựa cá trạnh rắn v.v... cùng có viên giác diệu tâm, chư Phật hư triệt linh thông đồng một chơn tịnh thì đâu thể phân chia hơn kém được. Chúng sanh và Phật đã đồng, con người tuy tinh anh hơn nhưng há không phải cùng với loài vật đồng có một thể tánh sao ? Cũng cùng một thể chất từ tứ đại ngũ hành và cũng đồng sanh trưởng trong khoảng trời đất này, như loài chuột ở dưới hang chim yến ở trên cao cùng sống dưới một ánh sáng mặt trời cũng riêng có họa phước, há lại không như loài người? Như vậy biết rằng người và vật thể tánh như nhau, đã không khác thì tại sao lại dùng cường lực bắt đi chém giết phanh thây những loài yếu đuối ư ? Loài vật khác với loài người do vì vọng tưởng ác nghiệp sâu nặng từ vô thủy lôi kéo, không hay không biết sửa đổi hành vi tâm tánh mới chịu hình thể khác biệt chứ không phải tâm thể có sự khác biệt vậy. Tâm thể đã không khác nhưng cũng có sự sống sợ chết thì lẽ gì lại lột da chặt xương lấy huyết cốt thịt ruột gan tim phổi chúng mà mua bán, hoặc đem xào nấu trăm vị mà ăn mà nuốt cho là thơm ngon. Trong một thời gian ăn uống thỏa thích ngon miệng no bụng mà không nghĩ đến sự thống khổ trường kiếp ở đời vị lai, thật là sai quấy vậy.

Con người hơn loài vật chỉ là nghiệp lực chưa đến chứ đâu thể nói là hơn được. Huống là khi quả báo của chúng đã hết thì cũng sẽ làm người làm trời vậy. Các bậc Thánh như chư Phật Bồ-tát cũng đã trải qua các loài ấy, ta vì mê muội không biết lại đi giết hại thân mạng quý trọng của chúng để thỏa mãn cái miệng nhứt thời, một khi nghiệp báo của ta hết, lại chưa chắc đã bằng chúng. Lại nói chúng sanh ra là để ta ăn vì chúng không bằng được ta.

Lại nữa thân ta kiếp trước cũng giống như chúng, chúng cũng đồng như ta, ở trong mỗi mỗi loài đã từng làm cha mẹ anh em chị em vợ chồng con cái thân thích quyến thuộc với nhau, hình thể thay đổi, tâm cũng mê muội không nhận biết nhau, vọng làm cho chúng thấp kém đem giết ăn tức là đã giết cha mẹ thân thuộc của đời trước. Thân ta không ngoài tứ đại thì cũng giết thân tứ đại ta kiếp trước rồi.

Phật dạy: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thì vị lai cũng thành Phật vậy”, vậy phải có ý tưởng cúng dường đối đãi như cha mẹ, sao lại đang tâm sát hại, nếu sát hại tức là sát hại Phật vị lai vậy, thật đáng sợ thay !

Than ôi! Thương cảm cho người sát hại, không biết nhân đời trước còn làm thân thuộc, nơi nghịch cảnh nhiều đời trái nghịch từ thân kết oán, từ oán kết hận thù, hận thù liên tiếp hận thù, nhiều đời không dứt, rồi tương sanh tương sát qua lại không thôi, như nước thủy triều lên lên xuống xuống qua lại không thể tự dừng, xét kỹ điều ấy vậy chẳng đau xót lắm ru!

Trong kinh Phạm Võng dạy rằng: Cấm không được tự giết, bảo người giết, phương tiện giết, khen giết, ém chú giết, cho đến nhơn giết, duyên giết v.v..., đều tuyệt đối cấm chỉ khiến vĩnh viễn đoạn trừ, đây là giáo giới của Phật vậy.

Nếu ta chẳng dứt bỏ cứ ăn nuốt hoài thì những kẻ săn bắn bủa lưới thả câu càng thêm nhiều, làm cho chúng sanh sống dưới nước, trên đất hoặc trên không không còn chỗ dung thân. Khi đã bắt được rồi, bao nhiêu lông vảy da mai đều bị cạo sạch, tiếng than đau chưa dứt đã bị đem ăn nhậu hoặc đổi lấy thứ khác để cung dưỡng thân mạng. Nên hiểu rằng mọi loài cũng tham sống sợ chết như chúng ta, và cũng nên hiểu đó là thân thuộc của ta đời trước nên phải dứt nghiệp sát mới thật trọn chữ hiếu.

Trong kinh dạy: “Hiếu gọi là giới, giới sát là hiếu đạo”. Và lại loài vật cũng đã biết trước nhưng lần tránh không phải thời không phải chỗ, phương chi trời đất rộng rãi thênh thang cũng có nơi để sống, nay vô cớ không thể sống còn mới khiến hai bên gặp nhau và bị bắt, vì nhơn đời trước không thể thoát khỏi, cái nhơn đời trước đã không tránh được thì quả đời nay phải chịu bị giết đau đớn. Như không giữ giới thì nghiệp sát hại tiền khiên của hai bên cùng đến với nhau như vậy có an nhiên lánh khỏi không ? Trong kinh nói rằng “Giả sử bách thiên kiếp sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời quả báo hoàn tự thọ” (12) đâu phải là hư vọng. Đức Thế-Tôn ta khi đã thanh tịnh giác ngộ viên mãn đi giáo hoá trong nhân gian trong các pháp hội nhiều phen khẳng khăng khuyên dạy phải giữ giới sát, giới này quan trọng bậc nhất trong các thừa, nghiêm yếu trong phạm hạnh. Xưa kia vua xứ Lưu-Lý muốn diệt dòng họ Thích, đức Phật thị hiện bị đau đầu và sự báo ứng của mặt ghê nhắc nhủ người đời phải biết nhơn quả báo ứng khó thể tránh khỏi, nên đình chỉ sự giết hại.

Hoặc nói Phật thì không có điều này, vì muốn vật mà răn dạy, thánh nhơn nói việc này không thật sao ? Nhưng đây là sự thật, đức Phật còn như vậy huống là người đời, nên biết sự lý báo ứng như hình với bóng. Như bạn thân trong đời chỉ làm nói một lời trái tai phụ bạc còn kết oán đến chết, huống là đâm xẻ mà ăn thì sự oán hận sâu dày biết là dường nào! Như sách của thế gian cũng có nói không nên giăng lưới, câu cá không nên bắt, đánh nhau không

nên bắn, nghe tiếng kêu rống còn không đành lòng ăn thịt chúng. Ý này cũng đồng với nghĩa của tiêm giáo(13) trong đạo Phật cho phép ăn ba thứ tịnh nhục(14) cũng là tạm dứt nghiệp sát tuy nhiên không hợp với ý chỉ tuyệt đối dứt nghiệp sát của đại thừa phương đẳng vậy. Chỉ tạm không giết mà đã có đức, cầm thú cũng mừng rồi, hưởng chi miệng không hưởng lộc vô công, thân mặc áo gai, ý nghĩ về từ nhân, không thô bạo một loài nào khiến tất cả được thung dung sanh sống, chẳng phải là dùng đức cảm hóa, cũng đáng khen ngợi lắm lắm rồi! Thánh nhơn xưa còn không dám có hành động thô bạo với xương khô, xương khô là vật vô tri còn thấy không yên dạ nên phải đem chôn, hưởng là thân mạng còn huyết nhục đồng là linh vật lại giết mà ăn ư !

Lão tử nói: “Muru cầu săn bắn sẽ làm loạn tâm”. Lại nói: Bẫy chim đuổi thú đào hang lập hố, giết hại tàn bạo, chặt nấu phi lý cho đến đi đứng nằm ngồi hành động thương sanh hại vật.

Trong khoảng trời đất tất có mạng sống riêng nó, khâm thừa đức hiếu sanh, những tội nặng nhẹ đều được ghi chép mây mù không thiếu sót, khiến bị giảm thọ. Chết rồi phải vào địa ngục chịu các thống khổ: Núi đao rừng kiếm phanh thây, tên bắn nấu dầu, moi gan móc ruột, lột da chẻ xương rút tủy, treo cổ múc mắt, thiêu đốt tay chân, trải khắp các địa ngục lớn, đá đè đồi cát thọ khổ dài lâu không thể tính được. Một khi thọ báo địa ngục chấm dứt, phải thọ báo nạ quý trải qua trăm ngàn kiếp, rồi lại thọ thân súc sanh, thân này phải chịu sự trả thù, nếu tâm giết hại quá nặng thì phải bị giết ngàn vạn lần cho đến vô tận do đó mới gặp lại kẻ giết mình nhiều đời về trước, bị giết bị ăn, đền lại hành động đời trước không chút sai chạy. Như có được chút ít điều lành từ kiếp trước dù được sanh làm người nhưng phải chịu nghèo khổ bệnh hoạn, mạng sống ngắn ngủi, điên khùng thất chí, đui điếc câm ngọng, ghẻ sùi phong hủi, huyết mạch suy yếu, trăm ngàn vạn khổ trong nhiều đời, oan gia trái chủ đưa đến tự thân, thân tộc bỏ bê không thể kham nhẫn ấy cũng do nghiệp sát sâu dày nên phải chịu những nỗi khổ như vậy.

Nên Tử-Đồng Đế Quân có làm bài thơ trong phần nói về giới sát. Kinh thơ cũng có nói: “Làm ác trăm ương đưa đến, chẳng nên làm vậy” ! Phương chi loài vật cũng có tâm nhân nghĩa, theo lý thì không nên giết, như dê còn giữ lễ quỳ, quạ còn mớm mồi lại, loài vật còn giữ hiếu lễ, loài chó còn biết bảo vệ chủ, loài giải trại có khả năng trung trực không chịu khuất phục, ong kiến còn có chúa tôi, chim oan ương còn có nghĩa phu thê, nhận bay có thứ tự biểu hiện huynh đệ, loài vật đó với người đâu có khác, con người tuy là tinh anh nhưng không chút từ tâm bằng loài vật lại giết chúng để cung dưỡng tự thân, như thế bảo là tinh anh sao? Nhân từ chỗ nào ?

Đại phu Lục-Tuyên hỏi ngài Nam-Tuyên:

- Đệ tử ăn thịt là phải hay không ăn là phải ?

- Ăn là lộc của đại phu, không ăn là phước của đại phu. Theo nghĩa đó cũng đã nói rõ rồi.

Trong thế gian khi có chúc mừng hội họp đãi đằng hay tế lễ sao không dùng các thứ rau đậu hoa quả bày đúng theo qui cách mà dâng hiến hay thết tiệc, như thế đúng với trai giới hợp đạo lắm vậy !

Trong kinh có chép: Xưa kia có người con của nhà đồ tể xin được xuất gia như không chịu sát sanh, người cha đem dao và bắt dê cùng với người con đóng cửa nhốt vào nhà kín, người con không chịu giết dê bèn tự sát, như công đức tự sát nên được sanh thiên hưởng lạc trong nhiều kiếp. Do đó biết rằng người không sát sanh được sanh về thiện xứ và do thiện tâm nên được quả báo sống lâu nhiều đời, còn để đức lại cho con cháu về sau nữa vậy.

Ngày nay Phật pháp muốn diệt như chỉ mảnh treo chuông, phần nhiều xưng là đệ tử Phật mà không thể hiện lòng từ bi của Phật, ăn uống cầu thả, thấy người ăn chay lại hủy báng cho là tiểu thừa là ma đầu, thậm chí gần với bò dê heo ngỗng, sanh lòng ác độc, lừa đảo thù dết trăm điều, những kẻ xấu ác này thiên thần giận dữ, cho là la sát ăn thịt người, người đời gọi hạng này đã trái nghịch với lẽ phải.

Than ôi ! Đây là điem Phật pháp sắp diệt không thể không biết đến. Phu tử thấy bọn cường hào còn than van thay! Tề vương không thể nhẫn mới gọi bọn thương luân bại lý. Sách nho chép: Giết hại thú vật đã là bất hiếu, thương sinh cứu đàn kiến mà được đề danh trên bảng khoa giáp, do thế đủ biết sát sanh và không sát sanh có sự tổn ích thế nào rồi, huống là tứ chúng thuộc dòng Thích-tử lại tạo nghiệp sát ư !

Kinh Lăng Nghiêm chép: Do người ăn thịt dê, dê chết làm người, người chết làm dê, người đền mạng ta, ta trả nợ người, do nhân duyên đó mà phải trải qua trăm ngàn kiếp trong vòng sanh tử. Lại nói: Sanh sanh tử tử, qua lại ăn nuốt nhau, ác nghiệp đồng khởi đến đời vị lai không bao giờ dứt hết.

Kinh Pháp Hoa nói: Săn bắn chài lưới vì lợi mà sát hại, buôn bán thịt xương để sống, không nên thân cận với hạng người ấy. Lại có bài kệ:

Nếu ý muốn sát sanh,
Nên quán bản thân mình,
Bản thân không thể giết,
Vật, mạng được lưỡng toàn.

Những điều răn dạy thiết thực này há chẳng rõ sao?

Lại có hạng người do tà kiến nói các chúng sanh đều là vọng sanh vọng tử, tội phước bản không, sát sanh không quả báo, sao không nói chúng ta cũng vọng cầu vọng thực, vị giác bản không, ăn nó không lợi ích. Như vậy đã có tâm tham há lại không có báo cảnh ? Nếu nói loài này không ăn thì để làm gì, vậy bò cạp rắn rít cũng vô dụng sao không ăn ?

Như trên đã phân giải, xét thấy ta thua cả loài vật. Nếu xem là bình đẳng không giết ấy mới thật đúng với nhân cách con người. Chúng ta những hàng xuất gia muốn tu niệm Phật tam muội chính là muốn ba nghiệp thanh tịnh giải thoát sanh tử sanh về Tịnh-Độ, há có thể không đoạn tuyệt sát sanh, để đến khi mạng chung còn có sự chướng ngại sao ?

Kinh điển trong đại tạng đều rộng dạy ý chỉ này, một lời của Phật thì chung không khác, tam giáo thánh huấn không phải không rõ, mỗi mỗi trang đều có dẫn chứng rõ ràng.

Xin nguyện chúng sanh trong pháp giới thấu hiểu nghĩa thú này, thể nhập lẽ hiểu sanh cùng đạt thọ mạng nhân từ đến tận ngàn năm, tận dứt oán kiết. Lại thường như pháp giáo hóa quần sanh, sung túc đạo từ tế của Thánh Nhơn khiến tất cả chúng đấng từ tâm, đồng thành một cõi liên hoa thành bậc chánh giác vậy.

13. Khuyên giữ các giới

Có người hỏi: Nói Niệm Phật Trục chỉ, khuyên giữ giới sát thì bảo chỉ cần chú trọng sự lý giới sát là đủ, thật hành lời dạy làm lành lợi vật mà thôi. Lại hỏi: Chỉ nghiệp sát này là cực trọng giới cũng kiêm cả giới trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ v.v... nếu kiêm các giới sao lại lược nói giới sát thôi ?

Đáp: Đừng nói như vậy. Há lại không thấy trong kinh đều nói đủ các giới đâu chỉ riêng nói một giới sát, nhưng nghiệp sát rất nặng dù là người cao quý hay hạ tiện cũng khó tránh khỏi, lấy chánh hạnh làm đầu nên trước tiên phải đoạn trừ nghiệp sát mới có thể giữ các giới khác, cho nên phải nói cho rõ.

Giới thể đâu được thủ xả, giới đức nếu không giữ thì bằng vào đâu mà lập hạnh. Như cái bình muốn đựng đề hồ trước tiên phải rửa sạch vết nhờn, tu tam muội cũng như vậy, tất cả giới phải thanh tịnh mới có thể thành tựu, dù cho túc nghiệp sâu nặng không thể dứt sạch tức thời nên phải phương tiện đặc cách tự khuyên bản tâm, yên thân hồi lỗi, tu tứ niệm xứ, để biết thế gian vui ít khổ nhiều, vô thường phân hoại không lâu bị tiêu diệt, tất cả pháp đều không thanh tịnh, như mộng huyễn vô ngã. Lập các phương tiện để dứt sạch tất cả, há lại theo vọng niệm để mất mục đích chính. Lại giới đức tuy đủ, nếu không để thân tâm trong tịnh dứt hết tạp loạn thế gian, cho đến tâm phân biệt những điều thiện ác không lui hết thì làm sao được nhứt tâm tu tập tam muội này, tam muội bất nhứt vắng sanh do đâu mà được. Ngày nay chúng sanh do vô minh nghiệp chướng đầy khắp pháp giới, khởi một niệm thế gian liền bị bao nhiêu trần lao ma nghiệp dắt dẫn, toàn thân đọa lạc cầu thoát không biết ngày ra. Như cá dưới nước tuy có tự do nhưng với một sợi dây nhỏ cũng có thể bị bắt lại, nguy hại không phải không to lớn. Tâm niệm còn như vậy huống là thân hành ư !

Nay đã tu theo tam muội chính là mong được như bắn tên là phải trúng đích, chẳng đợi đến khi mãn báo thân mới thoát khỏi rừng rậm sanh về cõi Tịnh-Độ. Đâu dễ để mất giới pháp rong ruổi duyên trần làm theo thói quen khiến cho tam muội không thành, sa vào ác đạo rất là đau khổ. Nếu thật đã hiểu mà không răn dè đến khi lâm chung tất nhiên không có kết quả rồi cho Phật lực không cảm ứng.

14. Khuyên nỗ lực tinh tấn

Tinh tấn là không bị tám thứ gió(15) thế gian làm thổi chuyển, lại không vì dị kiến, bệnh duyên nặng nhẹ mà sanh giải đãi trong sự thực hành, gọi là tinh tấn.

Hành giả đã y vào khuyên phát, vĩnh viễn đoạn diệt nghiệp sát, dần dần trọn đủ các giới. Muốn chứng nhập tam muội, ở trong tam muội hoặc bị hai loại ma mạnh, yếu, trong, ngoài quấy loạn làm cho thổi chuyển, nên phải kiên cường ý chí nỗ lực tinh tấn như tròng phan kim cương không thể xô ngã, như núi tu-di không thể lay động, như biển cả các đấng

không hại được. Giả sử hành giả nghe Phật nói rằng: Nhà ngươi nay tu hạnh này cõi An-Dưỡng kia quyết định không được sanh về.

Liên phải bạch rằng: Lành thay! Bạch đức Thế-Tôn, đệ tử trước thọ lời dự ký của Phật cầu sanh về Cực-Lạc. Đức Phật Thích-Ca nói: Tất cả chúng sanh đều nên phát nguyện nguyện sanh về cõi nước đó. Cõi nước đó còn không nghe những tiếng nữ nhơn, căn khuyết, thập ác, ngũ nghịch, a tỳ. Mười niệm tất được vãng sanh, lời Phật đâu có đối gạt trái với bốn nguyện, lại có chư Phật mười phương hiện tướng lưới rộng dài để chứng minh điều đó, nên hôm nay đệ tử quyết định cầu sanh không dám thối thất. Ấy gọi là hành giả dũng mãnh dựng tràng kim cang.

Lời Phật nói ra còn không thối thất ý chí ban đầu, sá gì hàng thiên ma ác đảng, cảnh giới nước lửa giặc cướp cường tà trong loài người và thê thiếp tình ái làm sao lay động hạnh nguyện của ta được ư!

Có người nói rằng: Tôi thấy người đời tu hành mà không được vãng sanh là sao?

- Vì họ có dị kiến mà thực hành không trang trọng vậy.
- Như vậy thì uổng công lắm ru ?
- Đâu có uổng công, còn nhờ vào nguyện lực của đức Phật A-Di-Đà nữa. Đời này không sanh, đời thứ hai tất sanh, đời thứ hai không sanh đời thứ ba tất sanh, chỉ cần quyết định một niệm quy hướng đức Phật ấy, tất nhiên nhiều đời về sau chắc chắn vãng sanh, ấy gọi là được bất thối chuyển, há lại không được vãng sanh hay sao ?

Cho nên, biết là sanh về cõi ấy được bất thối chuyển. Hành giả tu theo pháp này cũng được bất thối chuyển vậy. Chỉ vì hàng hậu thế luống chịu khổ nhiều kiếp luân hồi nên cần phải quyết chí xong một đời sao lại tự chế để qua đời khác cầu vãng sanh?

Trong khi tu tập nếu vì túc nghiệp khiến cho hạnh nguyện có chỗ giảm thiểu, thường phải nhứt tâm tụng đà la ni “Bạt nhứt thiết khinh trọng nghiệp chướng đắc sanh Tịnh-Độ”. Như tụng một lần tức diệt được tất cả tội ngũ nghịch thập ác của tự thân, tụng mười vạn

(100.000) lần tức được không mất tâm bồ-đề, tụng hai mươi vạn

(200.000) biến tức cảm thấy mầm bồ-đề nảy sanh, tụng ba mươi vạn

(300.000) lần được đức Phật A-Di-Đà thường ở trên đỉnh đầu, quyết định sanh về Tịnh-Độ.

Chơn ngôn này người người đều tụng, tuy cũng từ trong tạng bản, nhưng âm thanh câu tụng phần nhiều sai lầm, nay vị truyền thọ tam tạng pháp sư Sa-La-Ba cận đại dịch, so với bản khác thì rất rõ và thiết yếu. Hành giả tu tập nên tụng theo để làm chánh hạnh trực chỉ, xin phụ lục sau đây:

Bạt nhứt thiết khinh trọng nghiệp chướng đắc sanh Tịnh Độ Đà-la-ni:

Nại ma lạt đất nập, đặc ra da dĩa, nại ma a rị dĩa, a di đả bạt dĩa, đất đạt cả đất dĩa, a ra hắc đế, tam mê tam bất đạt dĩa, đất đích dĩa thất.

Ăn ! A di rị đế, a di rị đả, ốt ba vĩ, a di rị đả, tam ba vĩ, a di rị đả, cát rị tỉ, a di rị đả, tiết đế, a di rị đả, đế tề, a di rị đả, vi yết lan đế, a di rị đả, vi yết lan đế, cả di nhĩ, a di rị đả, cả cả nại, yết rị đế cát rị, a di rị đả, đốn độ tỉ, tô oa rị, tát rị oa, a lạc thát, tát đát nhĩ, tát rị oa, cả rị ma, cát rị xá, cát rị dã, cát rị, tóa hắc.

Cũng có tên là “Vô-Lượng-Thọ Như-Lai căn bản” chơn ngôn, trì tụng thì được đại tinh tấn, mau sanh về Tịnh-độ.

15. Chánh hạnh

Như trên đã nói về y chánh báo hai cảnh giới cho đến phần tinh tấn đều là vi diệu, đều là phương tiện cầu được vãng sanh, nhưng chưa phải là chánh hạnh. Dưới đây sẽ trình bày ý chỉ của chánh hạnh.

Thế nào là chánh hạnh?

Hành giả đã phát chí nguyện đem cả thân tâm thanh tịnh vào đạo tràng, trước phải quán tưởng ta và tất cả chúng sanh cùng tận cả hư không giới vi trần sát hải hằng ở trong biển lớn sanh tử, nhiều kiếp không thôi, trôi nổi chìm đắm trong sáu nẻo luân hồi, không biết đường về, không ai cứu hộ, nếu không giúp cho tất cả được giải thoát thì sao gọi là chánh hạnh.

Nơi cảnh sở quán đối với tất cả oan thân khởi tâm đại bi lượng như hư không trùm khắp pháp giới. Lại nên khởi niệm thân ta hôm nay cũng như họ, thân đầy ghê lở oan nghiệp khổ lụy, nếu không đem thân này bố thí cho chúng sanh cùng tu pháp tam muội để tất cả được giải thoát thời trái với lời giáo huấn của chư Phật, trái với bản nguyện. Chúng sanh chịu khổ rất đáng thương xót, tôi nay phát tâm như sư tử vương ra khỏi hang không cần bạn lữ, không cần hỗ trợ, vươn mình gầm lên muôn thú nép sợ, nhưt quyết không vì quần ma ác đảng làm thối chuyển.

Khi phát tâm rộng lớn rồi, xét theo chánh hạnh niệm Phật của các bậc cổ đức đã thực hành, chọn nơi yên tịnh mà tịnh địa từ trước không có sự uế nhiễm. Sau đó đem hết khả năng tịnh tài của mình như pháp thiết lập đạo tràng, rưới nước thơm, treo bảo cái, trần thiết hình tượng Tam Thánh và cửu phẩm liên đài nghiêm tịnh, dâng cúng hương hoa và cúng phẩm vi diệu thù thắng. Khi lên đạo tràng phải thân tâm thanh khiết mặc áo mới sạch, đốt hương thấp đèn, lên tọa cụ pháp nguyện tất cả thiện căn đã có từ vô thủy khắp vì tất cả chúng sanh xin được hồi hướng về Tịnh-Độ để trang nghiêm hạnh nguyện, nếu không hồi hướng như thế thì ba tâm do đâu mà được viên mãn.

Bấy giờ đem cả thân tâm quỳ xuống chấp tay chí thành quán tưởng tướng hảo của Phật, vận tâm đến vô biên sát hải chúng sanh và thân hiện tại này của đệ tử từ vô thủy đến nay trôi lăn không biết hồi đầu, đau xót cùng tận, lệ tràn tâm can, cúi xin đức Phật thương rủ lòng từ, thân đệ tử hôm nay như núi lớn sụp đổ qui mạng Tam Bảo, tưởng kính dâng hương hoa đến khắp pháp giới, thỉnh Phật thán đức kính lễ đầu thành hết lòng phát lồ tội quá, thực hành ngũ hồi, chí tâm quy y đánh lễ.

Đánh lễ xong, ngồi kiết hay bán già, mặt quay về hướng Tây, quán tưởng tướng hảo của Phật mà tụng kinh niệm Phật hay kinh hành, ngày đêm sáu thời theo giờ khắc đã định,

hoặc vì chương nặng chưa cảm thì lấy sự chết làm hạn kỳ, trong thời gian tu tập không được một sát na nghĩ tưởng ngũ dục ở đời, như vậy mà nhứt tâm, nếu không được vãng sanh thời Phật ta đại vọng ngữ rồi. Cho nên tam muội này có thần lực như vậy, chư Phật đều xưng tán, chư Thánh tuân hành. Ban đầu được khởi xương tại Lô Sơn sau lưu hành trong thiên hạ, nhiều đời truyền thừa đều lấy pháp môn này làm quy thú.

Nghi quỹ tam muội rất nhiều, song trong sự tuyển chọn tinh tường của ngài Từ Vân thì đây là cảnh giới thâm sâu bậc nhất, nơi pháp này hành giả nên phải tận lực thận trọng không nên chạy theo pháp khác, nếu căn cơ không đủ khả năng cho thắng hạnh, khó vẹn toàn, tịnh địa và trong ngoài nghiêm chỉnh trong sạch, thì tùy ý lập hạnh lễ Phật sám hối, thời khóa đã ấn định tinh tấn nhất tâm không hối tiếc, hoặc chuyên tụng kinh, hoặc chuyên trì chú, hoặc chỉ chấp trì danh hiệu cầu cho được vãng sanh, hoặc thông đạt pháp nghĩa quán y chánh của Phật, cho đến thấy được hảo tướng liền biết tội đã diệt duyên thâm cũng sanh về Lạc quốc.

Như kinh nói: “Chẳng thể do chút ít phước đức, nhưn duyên lành mà được sanh về nước ấy”.

Nếu nghe nói danh hiệu đức Phật A-Di-Đà, rồi giữ danh hiệu mà niệm hoặc một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, nhứt tâm bất loạn đến khi mạng chung Phật cùng Thánh chúng hiện đến tiếp dẫn liền được vãng sanh. Nên biết rằng xưng niệm danh hiệu là có nhiều căn lành nhiều phước đức nhân duyên vậy. Lại nữa, vì thế duyên chưa thể dứt, thường làm điều lành ở thế gian đối với cõi Cực-Lạc tin chắc không nghi, niệm niệm luyến mộ không quên, như trước tùy ý tu tập, trong bốn oai nghi giữ ý này mà quy hướng, xúc cảnh liền thấu hiểu uyên nguyên của Cực-Lạc, lâm sự liền nỗ lực thực hành phương tiện đến khi mạng chung cũng được sanh về Cực-Lạc.

Song, những điều lược giải hành trì này có chỗ không đồng mà pháp lực thì như nhau, chỉ cần giữ vững tâm niệm hoặc thông thả hay gấp rút nên ứng nghiệm cũng có chậm có mau, học giả chẳng thể chẳng biết.

Pháp môn mười niệm của ngài Từ-Vân là mỗi mỗi sáng tối sau khi súc miệng rửa tay xong, đến chỗ yên tịnh mặt hướng về phương Tây mà tu niệm, đây là nhưn ban đầu để vãng sanh về Cực-Lạc, nguyện lực ắt không mất.

Hành tướng như trên, nghĩa đủ sáng tỏ, có thể nói không còn gì để phân vân nữa.

Hỏi: Trong khi tôi niệm Phật tuy giữ thân khẩu mà tâm niệm cứ phân tán không thể tự chế, vậy phải làm cách nào để tâm không tán loạn ?

Đáp: Luôn giữ niệm theo thân khẩu, xét tán loạn từ đâu đến không cho gián đoạn, tự liền nhứt tâm, cũng tức là nhứt tâm. chỉ có xưng niệm không dừng nghỉ cố nhiên không còn lo tán loạn nữa vậy. Như cha mẹ mất đức con yêu, rồng mất ngọc minh châu, không mong cho tâm nhứt mà tâm tự nhứt cần gì phải chế ngự cho được nhứt tâm. Tâm này vốn không cần chế, kỳ thực tại hành nhưn có lúc siêng lúc lười vậy.

16. Biện minh phương cách tu tam muội

Đạo tràng đã thiết lập, cúng phẩm đã trần thiết, mỗi mỗi theo đúng nghi thức, đâu lại tùy thời để luống qua, nên phải y theo pháp vận tâm quán huệ thông hiểu diệu cảnh, nương nơi tâm hăng hái lập hạnh vô tác thì hiển sanh tử chắc chắn khô cạn, Tịnh-độ chắc chắn được sanh vậy.

Bấy giờ có ông khách tại chỗ ngồi với vẽ ung dung, đoan trang nhã nhận, dung mạo bình thản không lộ vẻ sợ sệt, đứng dậy lễ bái thưa hỏi:

Hỏi: Nay theo lời dạy của đại sư thời biết do vận tâm rộng lớn sâu cạn mà cảm nên, nếu cần phải thiết lập đạo tràng, cúng phẩm đầy đủ, cho đến an tâm tịnh xứ mới có thể khởi sự tu tập. Nếu chúng tôi hàng hậu bối căn cơ ngu độn ít nghe, từ trước đến nay phiêu lưu hồ hải khắp nơi, hoặc tới hoặc lui, tuy muốn ở chốn yên tịnh để tấn tu nhưng lượng sức chưa được, nếu có thể ở nơi tạm trú không lập đạo tràng nhưng cũng có thể sáu thời hành đạo, ba nghiệp không thiếu, tụng chú trì kinh xưng danh lễ sám, nhứt nhứt như nghi thức cầu sanh An-Dưỡng, công hạnh đồng như ở đạo tràng, ngõ hầu bọn chúng tôi lấy đó phụng hành. Cúi xin thương xót chỉ giáo những điều thắc mắc để làm phương tiện cho người đời sau tấn tu.

Đáp: Lành thay! Lời hỏi hay.

Người đời muốn tu tam muội đâu cần phải đợi mọi việc hoàn tất mới khởi tu! Nay ý người là muốn nêu lên những nghi vấn, không phải là câu hỏi mà ta chẳng nêu lên điều trở ngại giúp cho những điểm thiết yếu được sáng tỏ. Lời dạy của Thánh như, như một trận mưa rào, ba loại cỏ hai thứ cây đều được tươi tốt, hướng là niệm Phật tam muội nhiếp hết căn cơ. Người nếu cầu quyết sanh về Tịnh-Độ, nên biết trong bốn oai nghi đều là đạo dụng há lại có hại trên đường tu tập sao? Muốn thành tựu chí nguyện, tốt nhất trước tiên phải lập hạnh chẳng rời tâm niệm, khi vận đức hiển lộ cần thận chớ khoe khoang.

Khi bắt đầu hạ thủ, cần yếu là thân tâm yên ổn, dứt hết các duyên dứt hết mọi việc. Khi đã sẵn sàng trước phải thuộc lòng kinh chú Tịnh-Độ và năm hồi pháp, giữ gìn oai nghi đoan trang nhã trọng. Như trước đã nói, phải khởi tâm chánh tín thương xót tất cả chúng sanh, như lý quán sát quả báo tịnh uế lạc khổ của hai cõi thật phải xả bỏ và ưa thích. Bất luận ở bất cứ một chỗ nào phải đúng như vậy mà hành trì, như mây bay nước chảy, bất tất phải có đạo tràng trang nghiêm, chỉ cần thân tâm thanh tịnh, y phục sạch sẽ, trong sáu ngày trai, dù ở một chỗ nào cũng phải có đủ hương hoa cúng phẩm để cúng dường Tam Bảo. Khi đã sửa soạn xong, đứng trước Tam Bảo cúi đầu quỳ lạy v.v... phát đại thệ nguyện thề không thối chuyển, trong đời này lấy nơi ấy làm chỗ sở quy, tuyệt đối không hồi hận.

Tuy không có đạo tràng trang nghiêm, bắt đầu từ nay cho đến suốt đời mỗi ngày sáu thời tu tập pháp này, hương đèn có hay không chớ câu nệ.

Hỏi: Tam muội cần phải nhứt tâm, thế sự có nghìn mối, vậy thật hành Phật sự hay thế sự chẳng có điều phương ngại sao?

Đáp: Ví như chim trong lồng, thân tuy ở trong lồng mà tâm nhớ nghĩ cây rừng, hai điều đâu có phương ngại, lồng chỉ nhốt thân không thể nhốt được tâm, cũng vậy sự tướng trở ngại nơi thân chứ không trở ngại chí nguyện vãng sanh được. Phương chi ba cõi như lồng

chim, thân ta như con chim, mong ra khỏi là nguyện được vãng sanh, cây rừng là Tịnh Độ. Cho nên vọng duyên vạn mối chẳng trở ngại đến chơn tâm, huống là tạm trú là việc ngoài tự chẳng phiền hà, thân tâm bình thản mà tấn tu.

Hỏi: Pháp môn có thứ lớp, hạnh nguyện lại có khúc chiết khiến cho người tấn tu gặp sự việc lại chẳng lo lắng ?

Đáp: Ngày ba thời đêm ba thời phân chia rõ ràng ấy là thứ lớp. Ở nơi tạm trú, ban mai nếu ở nơi có hình tượng Phật, hoặc có đem theo hình tượng thì miệng tụng thân lễ, hoặc thâm niệm thân lạy, đối trước hình tượng mà tu, như không có hình tượng thì đối trước kinh quyển quay mặt về hướng Tây mà lễ, hoặc là quay về phương Đông hay bất cứ phương hướng nào mà lễ, phải đủ nghi thức như tại đạo tràng. Như đang ở trên tàu thuyền hay vì có nhiều việc làm cho thân bận rộn cũng không nên bỏ dỡ, như thế Phật sự thế sự đồng tiến hành. Nên nhớ công việc ở đời là để nuôi thân, thân ta hành đạo cũng chẳng bỏ tức đồng thể với tam muội.

Hỏi: Tai nghe và tâm không phải hai, nhưng được một thì phải mất một, hai cái liên quan như thế nào ?

Đáp: Người há không nghe thí dụ lòng chim sao, cũng đủ rõ. Lại nữa nhứt tâm không trở ngại cho mắt thấy, tai nghe, thân hành, tâm nhớ tưởng, ứng dụng vô tận thì thành tựu hết thảy công dụng vậy.

Nhứt tâm trì tụng tiểu bốn kinh A-Di-Đà, hoặc chương thượng phẩm, hoặc chương Lăng Nghiêm, Thế-Chí, hoặc trì chú Tịnh-Độ ba, bảy, trăm ngàn lần, hay xưng danh hiệu Phật ba trăm, năm trăm, cho đến ngàn lần hay nhiều vô số, là để cầu xin sám tội, hồi hướng rồi mới vào sám pháp, nghi thức có trong nghi thức bái sám của ngài Từ-Vân.

Từ sự cung kính, đánh lễ Tam Bảo, dâng hương tán Phật, lễ bái sám hồi cho đến tuân nhiều quy y đều phải theo phân đoạn như trong văn nghĩa. Nhứt nhứt phải tưởng thân này của ta như cung kính đối trước đức Phật ở cõi Tịnh-Độ, hoặc trước hình tượng đức Phật tại đạo tràng chiêm ngưỡng quỳ lạy, quán tưởng đức Phật và tướng bạch hào, nhứt nhứt phải rõ ràng không được hôn trầm tán loạn trong thời lễ, theo thời gian đã định như vậy mà tụng kinh chú, niệm danh hiệu và hồi hướng, ấy là tu tập phần đầu trong ngày.

Âm thanh niệm tụng tùy theo như cảnh tốt xấu mà phát âm lớn nhỏ, tiếng nên bình thường, trầm bổng nhã nhặn, hoặc là thâm niệm mấp máy đôi môi. Cần yếu là không nên cùng người nói chuyện nhiều, trước nhứt là việc tu niệm chưa xong nên đốt hương đèn, nếu không thể được thì lấy một vật làm hương đến trước hình tượng rải ra rồi vận tưởng vậy. Còn các thời khác nên ngồi hay đi một mình, rời xa những nơi tụ hội nói chuyện nhảm, đùa cợt ngâm vịnh múa hát viết lách làm cho mất chánh niệm. Ấy là thời tu niệm đầu tiên trong ngày, những thời kế tiếp trong ngày và ba thời trong đêm cũng thật hành như vậy. Ấy là sáu thời tu tập của một ngày đêm. Tuy nhiên sự hành trì về nửa đêm cần phải lặng lẽ vì mọi người cần yên tịnh nên khác với các thời ban ngày.

Hành giả đã vì sanh tử là việc lớn há lại giải đãi tự ý ngủ nghỉ, dù trời nóng bức hay giá lạnh, đều phải cẩn thận. Thay đổi y phục, pháp phục tràng hạt nên để chỗ gần mình, khăn tay nước sạch không để chỗ xa, những vật cần dùng đều nên dự bị sẵn.

Lại nên quán sát tín căn sâu cạn của người, không nên phiền nhiễu để họ ghét. Nếu không trở ngại, nên dùng lời nhỏ nhẹ dịu dàng hành xử, trên thiên thần hoan hỷ, dưới quỷ súc nghe tiếng được giải thoát, công đức rất lớn.

Nếu ở trên tàu thuyền, ở nhà người hay nơi đồi núi đều phải quán sát hoàn cảnh phương tiện uyển chuyển hành trì như tâm tinh tấn. Không nên nói lỗi của người làm họ buồn ghét, lại cũng không nên quá lời khen ngợi điều hay tốt của người.

Nếu gặp được trú xứ hay thời gian tiện lợi, hoặc nhiều người, hoặc có sự trở ngại thì tùy nghi tìm nơi kín đáo ngồi ngay thẳng mặt hướng về Tây chấp tay ngang ngực âm thầm tưởng lễ như trước.

Lại nếu trong khi làm việc, khi xong việc được rảnh, đừng nghĩ việc bái sám nhiều ít, cho đến một câu một lạ nếu chưa đủ thì nên khởi tâm tùy tụng, đến khi được đến trước hình tượng hãy lễ bái cho viên mãn.

Nếu trong khi đang hành trì bỗng có việc cần gấp, không nên vì sự bái sám chưa xong mà phó mặc, phải đi giải quyết cho xong, rồi ở chỗ làm tìm dịp thuận tiện mà tưởng lễ cho đủ.

Nếu ở tại nhà trọ tưởng lễ không được, không vì nhàn rỗi mà sanh lười không tưởng lễ, lại không nên đem sự tưởng lễ xen kẻ trong lúc làm việc trở thành luống công vô ích vậy.

Đối với người tín tâm còn cạn không nên vội khuyên tu, với người tín tâm đã vững lại chẳng khích lệ để họ tự nhận định. Không nên để sự việc tự nhiên thành, ví như mùa xuân đến vạn vật sanh trưởng không thấy được công năng.

Nếu gặp đạo tràng mà tu tập gọi là thuận duyên, như ở nơi tạm trú mà tiến tu gọi là nghịch cảnh tu tập; ở chỗ nghịch mà tu, so với thuận duyên tu tập thì sai biệt rất xa, nên nơi nghịch cảnh mà tu được, công quả thật sâu dày.

Hỏi: Tưởng lễ và thân lễ có như nhau không?

Đáp: Đồng nhau. Trong ba nghiệp ý làm chủ của thân khẩu, chủ đã chuyên vào ý tưởng, vậy không như thân khẩu sao? Như trong khi lễ sám đem cả thân tâm vận tưởng dâng cúng hương hoa há chẳng phải niệm tưởng ư ! Cứ thế mà suy thì biết.

Hỏi: Nếu vậy thì dùng tâm tưởng lễ cũng đủ cần gì phải đem cả thân khẩu ?

Đáp: Ý nghiệp tuy thù thắng, nhưng phải đem cả thân khẩu mới gọi là ba nghiệp viên dung. Như khi niệm thầm cũng do ý có thể tính vào túc số, nhưng khi rỗi rảnh phải lễ bù để công hạnh được vẹn toàn.

Hỏi: Ngoài sáu thời tu niệm còn phải dụng tâm gì nữa?

Đáp: Nên phải quán tưởng tướng hảo của Phật, trì chú, tụng kinh, xưng danh, đánh lễ, niệm niệm không rời cầu vãng sanh, như người đi bộ phải gấp bước mới chóng đến, bước thư thả thì đến chậm, phải như vậy mà dụng tâm. Với người thân tâm yếu ớt không thể hành trì đủ cả sáu thời, thì phát nguyện hành trì ba hoặc năm thời mỗi ngày làm định khắc, không thể nhiều hơn được, tuy nhiên không được thêm hoặc bớt một thời để trái với sự lập hạnh của mình.

Hỏi: Trong thuyết viên dung tam muội thứ đệ ít nghe người nói đến, như vậy thì y vào đạo tràng tu tập là chẳng hoàn toàn sao?

Đáp: Như người bị ngã xuống nước, kêu cứu ghe thuyền không được, may gặp thân cây trôi đến nhờ đó mà được vào bờ, há dễ bỏ thân cây để bị chết chìm sao ?

Nay trên đường phiêu bạt biết rõ đâu nên chán đâu nên vui nhận, được điều không ngại lại không nỗ lực gắng sức như người bộ hành nêu trên mà tu tam muội pháp. Cảnh giới tam muội thật thâm sâu, công năng rộng lớn, hiệp với diệu tâm Phật, xung dương không cùng. Phi hành phi tọa tam muội, hay tứ oai nghi tam muội là một trong bốn tam muội, thuộc về thượng cơ, hàng tiểu trí ba căn theo từng phần thọ trì cũng được lợi lạc. Nếu so với cách tu tập tại đạo tràng chỉ thiếu phần lễ bái còn nghi thức thì giống nhau. Nên tinh tấn thọ trì pháp tam muội này, một lòng cầu về Tây phương, thiết hoặc không như đây tuân thủ chắc chắn phải trở lại vòng sanh tử.

Đã tự thấy chánh hạnh, nhưng người đời nay đối với pháp môn này tuy có tâm mong cầu, nhưng có người mới nghe qua cho rằng dễ liền sanh dị tướng, vọng bảo là dễ chứng đắc, lại có người bảo khó liền sanh thối thất mất hết quyết tâm, do tín tâm chưa kiên cố nên rơi vào rừng tà kiến, hiểu một cách sai lạc lại đem truyền cho nhau bằng nhiều cách khiến nhiều người lầm lẫn, đến nỗi có điều không thể nghe được, làm loạn hơn tâm thật hành sai quấy, dẫn đến thầy trò đồng đọa lạc. Nên phải chánh tâm tham vấn những điều quan yếu.

Khách liền cúi lễ và thưa rằng: Tôi từ lâu bôn ba trong trần thế, hằng nghĩ đến vô thường sanh tử, muốn tu tập nhưng chưa có thể vì còn phải nuôi dưỡng thân khẩu, nên với cách tu tại đạo tràng giận là chẳng thể khởi sự, nay được duyên may nhiều đời mới nghe được phương pháp này, như được nước cam lồ quán đánh sạch mát cốt tủy, quyết chí thọ trì, từ nay xem như kẻ thù của bản thân không còn ân hận. Nay phải quyết bỏ tất cả như quẳng đi gánh nặng thông dong tự tại, nguyện đời đời kiếp kiếp cầu xin thọ trì, thà bỏ thân mạng thề không thối thất, để thấu rõ hết thấy pháp khắp nơi nơi, dù thuận hay nghịch duyên đều không trở ngại, chỉ mong sao tam muội được thành tựu, may thay cho quần sanh, may thay cho người học Phật !

Khi đã tu tập pháp này thì thấy bôn ba trong đời, lưu lãng bốn phương, lẫn lộn thương trường, lao tâm khổ trí trăm công nghìn việc, trai gái già trẻ nô tì hoàng môn đều bị sai khiến không được tự tại, cả đến những lúc đi đứng nằm ngồi, thay đổi y phục, ăn uống nói năng, yên tịnh, hay hỷ nộ ái lạc cũng chưa từng tu tập. Hàng xuất gia tứ chúng, tại gia tứ dân(16), đã có cuộc sống yên ổn, nhàn rỗi hãy nên tu tập, những điều mong cầu đã đủ, được tự tại há không tinh tấn sao?

Hỏi: Nay nghe nói cõi Cực-Lạc xa mười vạn ức cõi Phật, e rằng quá xa, những vị sanh về đó phần nhiều là bậc nhứt sanh bất tử, tội lỗi cho thân này làm thế nào đạt được?

Đáp: Vậy người không nhớ như trên đã nói mười phương cõi đều do tâm, tâm tịnh thì mười vạn đâu có xa, tâm nhiễm đố mắt vẫn còn xa. Khi tâm đã tịnh lo gì lộ trình, như trong giấc ngủ mộng thấy khoảnh khắc đi cả vạn dặm, sao lại lấy thường tình mà so sánh ! Như lý, đã có cõi nước để sanh, song thực ra khi tâm đã thuần tịnh thì đâu cần phải sanh về.

Lại thưa: Nay xin cung kính lãnh thọ sự chỉ giáo. Đây là lần đầu mới nghe được những lời này, từ trước chưa từng được nghe. Đại sư đã tùy theo tâm mong cầu chỉ dạy, nay nghe được danh từ tam muội mới biết Thánh điển đã ứng cơ thuyết giảng sáng tỏ như ban ngày, làm mẫu mực cho kẻ hậu học, đâu phải lời ủy khúc. Nguyên xin ghi những lời này để hướng dẫn hậu lai, lại xin y cứ căn trọng chánh hạnh của đạo tràng mà tu tập, để khắp lợi ích cho đời đó là điều mong mỏi lớn vậy.

Lành thay! Thật đúng ý ta. Khách bèn khiêm cung thôi lui.

Vị khách đó tên là Hạnh-Nhất tự Chí-Tây tự thưa: Tôi đã đọc kỹ tập “Vạn thiện đồng quy” của ngài Trí-Giác Thiên sư, sau đến Lô-Sơn được xem “Di tích nhơn duyên nguyện niệm Phật Vân” của thi tổ Viễn-Công.

17. Nghi thức tu Tam muội

Việc kiến lập đạo tràng pháp môn niệm Phật, nghi thức cúng dường, y phục và giày vớ sạch sẽ, cửa ra vào, phương tiện chánh tu, phép tắc tọa thiền, tụng niệm, sám hối, lễ bái v.v... có đủ trong nghi thức của đại sư Từ-Vân nên không chép ra đây.

Trước bảy ngày khởi sự tu tập phải chuẩn bị thân tâm định tĩnh, chí tâm sám hối cho nội chương tiêu trừ. Nên bắt đầu vào ngày lục trai. Lại nữa trước ba hay bảy ngày khởi sự phải căn trọng dâng cúng hương hoa nước sạch, vì sẽ có chư Phật chư thiên giáng lâm nơi đạo tràng trang nghiêm này để tịch trừ ma sự, uế ác, các chương ngại khiến hành nhơn tu pháp tam muội được thành tựu.

Khi vào đạo tràng phải tưởng đây là Tịnh-Độ, nơi giải thoát, bảo sở, chắc chắn được vắng sanh, không nên xem thường khinh thị. Lại phải phản quán đã thoát khỏi những nỗi khổ cùng cực ở thế gian vĩnh viễn không trở lại. Lại không nên đem những sự khó khăn không xả được hàng ngày còn chất chứa trong lòng, giữ trong ý làm trở ngại việc sám hối, để thắng hạnh không được tăng tấn luống mất công phu, khủng nạn tái hội. Trong nghi quỹ nói rằng: Dù một sát na cũng không được nhớ tưởng ngũ dục.

Hành giả không được quá mười vị, phải xét kỹ họ có thể tu tập không, thường ngày đã không có những hành động tàn bạo, tín căn phải thuần hậu, không thô tháo, âm thanh hòa nhã, đi đứng đoan trang, số người hạn chế phải cùng một ý chí vì sanh tử là điều cần yếu, không sanh lòng hối tiếc, một lòng khiêm hạ, mới cùng nhau tu tập. Nếu không được như vậy, chỉ cần ba bốn vị cũng tốt, hoặc một mình lại càng tốt. Nếu không tìm hiểu kỹ có thể dẫn đến hư hỏng qui tắc, rối loạn tịnh tu.

Trong chúng tu nên đề cử một vị có đức hạnh thâm hiểu nghi thức, hoặc riêng thỉnh một vị mô phạm đã tu lâu ngày làm chủ tọa đạo tràng, chủ lễ các thời hành sám để trong chúng nhận rõ nghi thức, nghe được những lời xưng tán làm đại y chỉ. Trong thời gian tu niệm nếu vị nào thấy điều thuận nghịch hay lầm lỗi xảy ra thì vị y chỉ sư hay trưởng chúng phân tích rõ ràng rồi dùng lời nhỏ nhẹ nhắc nhở khuyên răn.

Theo nghi thức lễ tụng, lúc lạy, quỳ, ngồi, đứng, chấp tay hay tuần nhiều đều phải hết lòng cung kính nhứt nhứt phải đoan trang nhã trọng. Thân thần lắng niệm nhiếp cảnh vào tâm, nếu chưa hiểu phải hỏi vị đã biết rõ, cẩn thận không nên cố sức làm cho thân tâm giao động hoặc mơ màng.

Chúng dự tu, đêm trước phải tắm rửa, súc miệng, thay y phục giày dép, khiến đạo tràng đúng như nghi thức. Vị chủ lễ dẫn khánh hướng dẫn vào đạo tràng, trừ hai vị nội hộ đứng ngoài, còn tất cả đồng vào đạo tràng. Tất cả đồng dâng hương như vị chủ lễ, lễ Phật ba lạy cầu Phật giáng hạ, lễ xong đứng vào vị trí đã định.

Vị chủ sám tiến lên tác bạch tán thán chư Phật, tán thủy:

Ngưỡng cầu Tam Bảo gia hộ chứng minh, hôm nay là ngày chánh tu của chúng đệ tử, không bị ma chướng, quyết sanh về Tịnh Độ.

Khi tác bạch xong đọc bài Tán thán quá khứ Chánh Pháp Minh Như Lai hiện tiền Quán-Thế-Âm Bồ-Tát (17), tụng chú Đại Bi bảy biến, Như Ý Bảo Luân Vương đà-la-ni bảy biến(18), Tỳ-Lô Quán Đảnh chơn ngôn bảy biến (19).

Trong lúc hướng dẫn tụng chú, vị chủ lễ dùng tay bưng chén nước đưa lên trước đức Phật như dâng trình rồi chuyển cho người bên phải, thứ đến cát, hương, hoa tất cả đều lần lượt làm như vậy ba lần cho đến khi tụng hết ba chơn ngôn. Rồi tiếp tụng chú Đại Bi để đi rải tịnh khắp nơi. Một vị đi trước bưng đèn dẫn đường, tiếp đến bưng nước rải tịnh, đĩa cát, lò hương cuối cùng là vị rải hoa, dự chúng tuần tự đi theo. Bắt đầu từ sau lưng bàn Phật hữu nhiều (chiều kim đồng hồ) tại đạo tràng ba vòng vừa đi vừa rải nước, đong đưa lò hương, rải cát, rải hoa, tiếp đến đi ra ngoài đạo tràng và chung quanh trú xứ như: nơi tọa thiền, nhà bếp, phòng tắm, phòng thay y phục, phòng ngủ, sân và những đường cần đi qua tất cả đều đi một vòng rải nước, cát, hương hoa như trên gọi là phạm vi kiết giới.

Kinh nói rằng: Giới hạn như tường thành kim cương, nên theo ý này.

Rải cát là biên địa giới này thành tịnh địa, rải nước để trừ cấu uế thành phạm vi vòng rào, xông hương để hương thơm tỏa lên không trung thành tán cái là kiết hư không giới, rải hoa biểu thị phồn vinh kiết pháp giới đẹp sáng trang nghiêm. Những việc làm trên là do sức gia trì của Thánh Chủ Đại Bi mà thành tựu, nên thật hành đến đâu là đó nơi đó thành bảo sở của Phật. Do như duyên đó mà tà ma không thể xâm phạm, ngoại đạo không thể phá hoại và tam muội có thể thành tựu. Phạm vi giới tướng này không được phá hủy, nếu phá phạm vi này sẽ có những điều không tốt làm cho sự tu tập khó thành và có nhiều chướng duyên.

Thế nào gọi là giới tướng? Giới tướng có hai phần: nội giới và ngoại giới.

Nội giới là nơi đạo tràng tu sám và bốn chung quanh tường; ngoại giới là những phần phòng nhà ngoài đạo tràng, những nơi đi qua đã rải nước sái tịnh. Những vị dự tu trong đạo tràng nếu đi đến phạm vi kiết giới bên ngoài thì phải dừng lại, nếu ra ngoài phạm vi này là phá giới, người ở ngoài đi đến phạm vi kiết giới bên ngoài phải dừng lại nếu cứ đi đến nội giới là phá ranh giới. Người lo công việc hoặc dùng tay hay tà áo đến nội giới vén một phần bức màn hay rèm cửa cũng gọi là phá giới. Nếu có người xấu ác đưa một chút ngũ vị tân hay đồ nhơ bẩn vào phạm vi ngoại giới cũng gọi là phá giới. Phá giới sẽ có triệu chứng không tốt phải nên cẩn thận. Trong kinh nói: Nếu giới bị phá phải nên kiến lập lại đạo tràng, phải thật hành sám hối lại. Vậy phải xa lìa các duyên phá hoại sự kiết giới, hành nhưn có thể chẳng cẩn thận ư!

Hành giả nếu thân tâm không đủ sức thật hành trọn đủ sáu thời, có thể phát nguyện tu năm thời, bỏ thời giữa trưa. Nếu nguyện hành trì bốn thời thì bỏ thêm thời nửa đêm, nếu nguyện hành trì ba thời thì nghỉ thêm thời buổi chiều, nếu phát nguyện hai thời thì hành trì sáng và tối hai thời. Hành giả tùy ý phát nguyện, khi đã phát nguyện rồi thì không được sửa đổi, chỉ có thể tăng chứ không được giảm. Dù có bệnh hay có việc cần yếu cũng phải nhớ nghĩ chứ không được viện cớ sanh lười trễ, hoặc thêm hoặc bớt, hoặc buổi sáng lập nguyện buổi chiều phé bỏ làm cho chánh hạnh không thuần nhứt vậy.

Muốn tu tập pháp này trước phải hiểu rõ phương pháp niệm Phật và kinh chú sám nguyện về Tịnh-độ, tuân theo thứ tự, nhiều ít tùy ý, suy xét kỹ lưỡng đôi ba phen xem có thể thực hành được không, cũng như người bơi qua sông phải lượng sức mình và khoảng cách xa gần có thể vượt nổi không, hành giả tu tập cũng như vậy, tự lượng sức mình siêng hay lười, pháp thọ trì nhiều hay ít, có thể kham thọ hay không, không nên nhứt thời hăng hái rồi dần dần bỏ dở, cũng không được miệng trì tụng tâm không chuyên chú, như người bắn tên chú mục vào mục tiêu mới trúng đích, pháp môn niệm Phật cũng lại như vậy. Nếu hằng thật hành, tâm trí thuần nhứt, nhứt tâm tức thành, ứng niệm được sanh, đạo chơi chốn Cực-Lạc, há dễ suy lường được sao !

18. Tán thán đức hóa độ của Phật

Từ trên đã nêu lên nhiều phương tiện ý muốn chúng sanh phát tâm thượng cầu nhưng chúng sanh không hiểu rõ nguyện lực hạ hóa của đức Thế Tôn đến khắp nơi nơi, cao cả hơn tâm thượng cầu của chúng sanh gấp trăm ngàn vạn lần không thể so sánh ví dụ được.

Kinh nói rằng: Ánh sáng từ bi của đức Phật A-Di-Đà chiếu khắp pháp giới trùm khắp chúng sanh cứu hộ rộng lớn khiến không đọa lạc. Nguyện lực từ bi của đức A-Di-Đà tỏa khắp pháp giới tiếp độ chúng sanh, nhiếp thọ tất cả chẳng bỏ rơi ai. Thân âm, nhập, giới của đức A-Di-Đà đồng với pháp giới sáng tỏ khắp chúng sanh khiến được liễu ngộ không bị thối chuyển. Nên chúng sanh trong mười phương thế giới đều được nguyện lực của đức A-Di-Đà hộ trì. Cũng như mẹ hiền thương mến hài nhi chẳng dừng nghỉ. Cha mẹ thương con chỉ một đời, chết rồi là hết, Phật thương nhớ chúng sanh đời đời không cùng tận.

Nhờ vào đại nguyện của Phật nên một khi xưng danh hiệu là dứt hết trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Đức Phật A-Di-Đà nguyện thường ở thế gian cứu độ chúng sanh.

Chúng sanh hằng nhớ nghĩ liền được ứng nghiệm như mẹ cứu con thoát khỏi tai nạn nước lửa vậy.

Tại sao phải đợi kêu cứu ?

Tuy lòng mẹ thương con vô hạn, song con đã nhiều kiếp lần tránh tự bỏ đi, lại không nhận sự cứu giúp, không chịu cứu nên khó cứu thoát.

Dù đã tạo đủ tội ngũ nghịch, tâm đầy mười ác, hủy báng luống đời, thuyết pháp hư cuồng, không tội nào không làm, đến khi mạng chung phải đọa vào địa ngục a-tì, tướng địa ngục xuất hiện người ấy hẳn phải vào địa ngục, nếu may gặp được thiện tri thức bảo niệm Phật, trong lúc bị khổ thống bức bách nếu cố một lòng cái hồi niệm được mười lần danh hiệu Phật, tướng địa ngục liền đổi thành cảnh Tịnh-độ và được vãng sanh. Như vậy quán hạnh hằng trang nghiêm, sám trừ những nghiệp đã tạo từ trước há lại không được cảm ứng tức khắc sao?

Xưa có người gặp cọp vọt trèo lên cây, vì quá sợ liền niệm ba tiếng Nam Mô Phật, sau gặp được đức Phật Thích-Ca mà chứng được đạo quả, huống là người sắp chết bị khổ bức bách chỉ đồng mãnh niệm được mười niệm mà chẳng cảm ứng sao?

Hỏi: Nghe nói nguyện lực đức Phật A-Di-Đà đến khắp nơi, nay lại nói chỉ cứu độ những người sắp vào địa ngục và người gần từ giả cõi đời, vậy người đã vào địa ngục có lẽ không cứu được, nếu không thể cứu thì nguyện lực đức Phật A Di-Đà và chư Phật có chỗ không cùng khắp sao ?

Đáp: Người không nghe nói chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện sao? Tất cả nhơn quả thể giới vi trần nhơn nơi tâm thành thể, nếu đã biết các pháp không lìa tâm há lại lìa bản thể Di-Đà mà nguyện lực có chỗ không đến sao?

Hỏi: Như vậy người vào địa ngục bị trường kiếp chịu khổ, chứ chưa từng nghe được cứu hộ ?

Đáp: Người hãy nhìn xem các chợ, các hàng quán sanh vật bị giết hại vô số, chưa bao giờ nghe nói thôi đừng sát sanh, cái nhơn sát sanh không dứt thì quả báo địa ngục làm sao có thể cứu được, nhưng đã giết chúng thì chúng giết lại nhơn quả báo ứng khó thoát. Đâu phải nguyện lực đức A-Di-Đà không cùng khắp, không cứu hộ ở địa ngục.

Như có người thông hiểu kinh điển hợp với diệu tâm Phật, nhưng ba tội của thân bốn tội của miệng tích tập từ lâu không hay diệt trừ, vì không trừ diệt nên khi mạng chung không gặp được thiện tri thức khuyến khích dắt dẫn niệm Phật phải vào địa ngục chịu vô lượng khổ, tuy thọ các khổ nhưng thiện nhơn không mất, đối với sự khổ đều hay quán chiếu, đối cảnh biết là do tâm, đã biết do tâm nên biết chúng sanh đồng nhứt thể, từ nhứt thể nên biết được thân Như-Lai thanh tịnh vi diệu. Do nhận chân chúng sanh và Phật là một nên khi người đang thọ khổ ấy nhận biết là mộng tướng và khổ tướng kia là bờ-đề, tâm trở thành sáng suốt không còn lầm lẫn, lại có thể rút ngắn quả báo nhiều kiếp thống khổ ở địa ngục thành nhẹ bớt. Người ấy tuy thọ các khổ nhưng không có tướng khổ, trở lại khởi tâm chịu khổ không chịu ra khỏi địa ngục, là do thông đạt diệu lý hiệp với tâm Phật.

Người ấy trước kia đã từng cúng dường Phật, cho đến đôi trước hình tượng hằng lễ kính, và các kinh điển hằng tín giải diệu lý Phật đà, hoặc niệm Phật A-Di-Đà cơ cảm tương ứng, đức Phật ắt cũng như ta hiểu rõ cảnh này, nên Phật hiện quang minh oai đức rực rỡ rộng lớn lượng như hư không, tướng hảo tuyệt vời thần thông diệu dụng đến đỉnh đầu tội nhơn ấy tại địa ngục, bỗng có tiếng nói dịu dàng bảo rằng trên thân người phát hiện hào quang, âm thanh kia theo ánh hào quang đến tận cùng các địa ngục, những ngục như: thành sắt, cửa sắt, lưới sắt, trụ đồng cho đến tất cả khổ cụ như núi đao, rừng kiếm, nước đồng sôi, lò lửa nhờ hào quang rọi đến thấy đều biến mất như bóng như gió hoàn toàn không vết tích. Lại nữa các quý sứ, đầu trâu, mặt ngựa, ngục tốt, chó sắt, chim sắt, rắn sắt, trâu sắt cho đến các loài trùng quạ v.v... nhờ vào hào quang chiếu đến như ánh mắt từ mắt của Bồ-tát chiếu soi đến các tội nhơn, tất cả bỗng nảy sanh thiện tâm thấy được hào quang và nghe được lời cáo sắc, như ở giếng sâu mong thấy trời trong, ngưỡng đầu nhìn lên thấy được thân Phật thù thắng, vui mừng hơn hở, ăn năn tự trách, phát tâm bồ-đề theo ánh hào quang thẳng đến chỗ Phật quỳ gối đánh lễ và được xoa đầu thọ ký, nghe Phật thuyết pháp ứng niệm ngộ đạo, liền được thần thông đi khắp nơi, đến các cõi Phật thanh tịnh, thành vô thượng đạo như đại Bồ-tát, đi giáo hóa chúng sanh, khó nói hết được.

Hỏi: Nếu đã từ nhơn quả thì hào quang của Phật chỉ đến người ra địa ngục còn những tội nhơn khác đâu được dự vào, tại sao cũng đồng ra khỏi ?

Đáp: Ví như có người làm ác bị quan binh bắt giam vào ngục, do làm ác nên phát hiện nhiều tội khác, liên lụy đến vợ con cha mẹ thân thuộc buồn khổ, cũng vậy khi người có thiện nhơn ra khỏi địa ngục há lại không ảnh hưởng đến những người đồng thọ khổ được sanh vào thiện xứ và cũng nương vào Phật lực mà được sanh đến nơi an lạc.

Như vậy nguyện lực đức Phật A-Di-Đà lúc nào cũng đến khắp nơi há không thể cứu độ những chúng sanh đã vào địa ngục ư? Nếu quả báo ở địa ngục chưa hết lại muốn được ra trước, nhưng ở địa ngục lại không có người có nhơn lành nhưng muốn hào quang Phật chiếu soi, việc ấy không thể được. Do đó mà suy há lại không tự hồi!

Hỏi: Nếu đợi khi quả báo ở địa ngục hết hào quang Phật mới chiếu đến, nhưng khổ báo ở địa ngục đã hết đương nhiên được thoát ly cần gì phải nhờ hào quang Phật ?

Đáp: Nếu không nhờ hào quang Phật chiếu soi, khi khổ báo hết rồi tuy tự ra được, nhưng với ba đường ác chưa biết sanh về đâu, chắc chắn phải đi lần lần từ nặng đến nhẹ, trải qua nhiều kiếp nhiều đời không thể tính được, hoặc được sanh làm người còn phải chịu bần cùng hạ tiện đui què trăm thứ bệnh khổ, đã chịu thống khổ lại cầu mong gì cũng không toại ý, sanh ác niệm sâu dày, nếu không làm được điều lành, lại đọa địa ngục trở lại, như người mù vào rừng rậm đâu biết đường ra.

Bằng vào oai lực hào quang Phật chiếu đến, có thể chuyển nặng thành nhẹ, chuyển nhiều kiếp thành ít kiếp, chuyển khổ nhiều thành ít khổ, hoặc một khi thoát ly địa ngục cơ may được sanh về Tịnh-Độ, đâu thể bảo cần gì đến hào quang Phật ư! Nếu có ý tưởng như thế tất có tội nặng.

Kinh nói giả sử lửa dữ khắp cả đại thiên thế giới chỉ niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà cũng được qua khỏi không gì trở ngại, huống là một ngọn lửa nhỏ lại không tắt sao, tức nghĩa này vậy.

Lại nữa, Bi tâm của đức Phật A-Di-Đà rất khẩn thiết, thường thay chúng sanh chịu khổ đọa vòng lửa dữ nơi vô gián địa ngục, lập các phương tiện cứu độ chúng sanh về cõi An-Durong, huống là những người chưa bị đọa lạc mà không cứu hộ sao !

Lại nữa, từ lực đức Phật A-Di-Đà che chở tất cả chúng sanh trong thế gian, thân đao của Phật cắt đứt mọi đường dữ, nên tâm nguyện hạ hóa chúng sanh của Phật A-Di-Đà rất chí thiết, như vậy đủ thấy đức Phật hằng hóa hiện hình tướng đồng với chúng sanh vào mọi thời gian và ở khắp mọi nơi để hóa độ, khó mà suy tưởng nổi. Nếu không hết lòng tin tưởng có thể nói là chưa hiểu đạo. Còn nói chúng sanh toàn là Phật lại càng không biết năng cứu sở cứu là ai, chỉ là kẻ hướng ngoại, thiếu sáng suốt rồi vậy.

19. Mười điều chướng ngại

Đã nói nhứt tâm bình đẳng thể tánh không thiếu; nhưng chúng sanh bị ràng buộc trong nghiệp thức, có chí xuất trần mới tìm đạo pháp lại bị ma cảnh ngăn trở, một việc không chí tâm vạn thiện tiêu tan, như điều nhỏ mà hỏng việc lớn, dù đã được cũng trở thành luống công. Lại còn bị vật dục khuynh loát, sanh tử luân chuyển không ngừng, biến đổi không thôi, khiến đức Như-Lai ta trong ba đại a-tăng-kỳ kiếp xả vô số đầu mắt tủy não quốc thành thê tử thân thể tay chân, thật hành giới, nhẫn, tinh tấn hầu hạ tri thức, tu hành đạo phẩm không tiếc thân mạng, vô ích sao ?

Giáo pháp do những chướng ngại này làm thối thất, một khi tại ta mà bị diệt lại không đau buồn sao! Ta nay xưng là con Phật Thích-Ca không chịu gắng sức, điềm nhiên tọa thị khiến cho pháp giới quần sanh vĩnh viễn mất đi huệ mục, thật đáng cắt bỏ thân mạng này vậy.

Cho nên tôi nay y kinh lập nên mười điều chướng ngại, gọi là mười điều không nên cần cầu. Con người tuy không mong chướng ngại, chỉ trong thời gian hoặc bất đắc dĩ, khi có những chướng ngại hiện đến khiến thân tâm ta đối với sự chướng ngại ấy, các ma cảnh ác chướng không thể tổn hại được, không ngăn cản được. Ví như vàng và lửa cùng trong một lò, lửa tuy lấn áp vàng, nhưng vàng đã thành vật dụng.

Mười điều chướng ngại như sau:

1. Nghĩ đến thân thể đừng cầu không bệnh khổ.
2. Ở đời đừng cầu không hoạn nạn.
3. Cứu xét tâm tánh đừng cầu không khúc mắc.
4. Lập hạnh đừng cầu không bị ma chướng.
5. Làm việc gì đừng mong việc dễ thành.

6. Giao tiếp thân tình đừng cầu lợi lộc.
7. Đối với người đừng cầu thuận theo ý mình.
8. Thi ân đừng mong sự đền đáp.
9. Thấy lợi đừng mong dính vào.
10. Bị oan ức không cần biện bạch.

Trên đây là mười chướng ngại lớn trong những chướng ngại, chỉ có người thượng trí mới tránh được còn hạng trung và hạ căn không thể tránh khỏi. Nếu được nghe mười điều chướng ngại này nên phải suy xét cẩn thận từng sự việc một để nhắc nhở trong sự tu tập không được lãng quên, mới không bị quần ma làm thối tâm. Đối với sắc thanh không bị sắc thanh hoặc loạn ý chí, cho đến những sự thương ghét, danh lợi, nhơn ngã, được mất vẫn an nhiên thì những ma sự kia đâu thể làm trở ngại được. Chướng ngại đã không ngại thời đạo hạnh có thể thăng tiến. Đối cảnh đã như nhiên không ngại, đường đạo há không thể tăng tiến sao? Ví như cây cao ở sườn núi tuy từ lâu như bị cháy còn không mất vẻ xanh tươi nay lại được nước mưa chan hòa thấm ướt ba năm há lại không thật tươi tốt tú mật sao? Lại như có người bị khuyết tật, vận dụng khó khăn nhưng trong phương cách tìm sự sống cũng còn biết cách xoay trở, nếu đem sự suy nghĩ này để cầu đạo há vì sự chướng ngại mà không chịu tu tập sao?

Nên nhận thức những chướng ngại là đại thiện tri thức của chúng sanh, cũng là bạn lành ruộng phước của chúng sanh, do đó mà ra khỏi sanh tử, có thể siêu phàm nhập thánh, những thứ mỹ vị gấm vóc lụa là trần bảo ở thế gian không thể sánh kịp được. Cho nên nếu không có chướng ngại trên đường tu tập thời những điều không chướng ngại trở thành chướng ngại rồi.

Tại sao? Thân không bệnh khổ thì dục vọng dễ sanh. Đời không khúc mắc thì sở học không thấu đáo. Đạo hạnh không ma chướng thì thệ nguyện không kiên cố. Việc làm dễ thành thì khinh thường kiêu ngạo. Ý vì lợi mình thì mất đạo nghĩa. Người người thuận theo ý mình thì tâm sanh kiêu căn. Thi ân mong đền đáp là có ý mưu đồ. Thấy lợi dính vào là si mê dấy động. Oan ức mà biện bạch là chưa xả nhơn ngã. Như vậy mười điều không chướng ngại có thể sanh ra nhiều lỗi, tạo nên những điều bất thiện, là nhơn duyên chướng ngại đạo nghiệp.

Vì sao? Tham dục khởi sanh ra phá giới thời đạo. Kiêu sa khởi nên khinh khi tất cả. Sở học chưa thấu nên chưa thông nói đã thông. Chí nguyện không kiên cố nên chưa chứng nói đã chứng. Tâm khinh mạn nên bảo có thể làm được tất. Thiếu đạo nghĩa nên thường thấy lỗi người. Tự kiêu căn sanh tướng chấp ngã. Ý có mưu đồ sanh khoe khoang khoác lác. Si tâm động nên ham lợi quên mình. Còn nhơn ngã thì oán hận nảy sanh. Mười lỗi này làm cho phạm nhơn vọng sanh tà kiến tạo nhiều tội ác đầy cả hư không khiến phải đọa địa ngục, vậy phải thận trọng!

Nơi thể của chướng ngại nhận biết là do nhân duyên sanh, tánh vốn không thì chướng ngại không thể quấy nhiễu được. Hiểu được như vậy rồi thì biết thể của chướng nạn đó vốn

là vọng, trừ được chướng nạn vô căn đó, thì chướng tự diệt không còn chướng ngại nữa. Thấu hiểu ma vọng đã không có căn nguyên thì ma nào có thể nhiễu loạn.

Lượng sự do tâm, thành sự theo nghiệp. Sự việc chẳng do ta, tình ý làm nhơn, mà tính ý khó kham, tình là y vào duyên nên người thông minh xử thế thấy người mê làm gì cũng mong được báo đáp. Biết đức vô tánh, quán đức không thường, đức ấy không thật. Thế lợi vốn không, ham lợi sanh loạn, thấy lợi đừng vọng cầu. Oan ức phải nhẫn, nhẫn phải khiêm nhường, như vậy làm sao tổn hại ta được.

Cho nên đức Phật dạy: Lấy bệnh khổ làm thuốc hay. Lấy hoạn nạn làm giải thoát. Lấy chướng nạn làm thú vị. Lấy ma quân làm pháp lữ. Lấy khó khăn làm an lạc. Lấy tệ bạc làm tư lương. Lấy người chống đối làm nơi giao du. Xem thi ân là đôi dép bỏ. Lấy sự xả lợi làm phú quý. Lấy oan ức làm cửa ngõ hành đạo. Như vậy ở nơi chướng ngại được thông suốt, mà mong thông suốt là chướng ngại, nơi chướng ngại này thành diệu cảnh, nên sự được mắt chẳng nên biết làm gì, người đời cố chấp mới có thủ xả. Đức Như-Lai đã ở nơi chướng ngại mà đắc đạo Bồ-Đề, đến như vì nửa bài kệ mà gặp La-sát, khi làm tiên nhơn gặp Ca-Lợi Vương (20), tỳ-kheo tăng thượng mạn dùng gạch đá đá kích, nữ nhơn độn bụng giả có thai để hủy báng, nhóm Ương-Quật hành hung, Đề-Bà-Đạt-Đa quấy phá mà đức Phật vẫn giáo hóa thọ ký cho thành Phật. Như vậy há không phải những sự chống đối đem đến sự thuận lợi, những sự phá hoại tác thành cho ta sao?

Hướng lại trong thời mong manh xấu ác, người đời thay đổi bất thường, người học đạo há không có chướng ngại sao? Ngày nay nếu không dẫn thân vào những chướng ngại đến khi chướng ngại đưa tới thì không thể ứng phó khiến cho đại bảo pháp vương do đây mà mất, thật đáng tiếc lắm !

Kẻ ngu tôi y kinh đưa ra những nhận định này xin đừng bỏ qua. Thảng hoặc nhơn nghe nghĩa này mà chướng ngại xảy đến liền phản tỉnh đồng mãnh tinh tấn tu tập, có thể gọi là ý chỉ vậy.

20. Nghĩa nhứt hạnh Tam muội.

Niệm Phật Tam Muội gọi là Nhứt Hạnh Tam Muội. Bởi vì hành nhơn đã thấu hiểu ý chỉ sâu xa, giữ cho được nhứt tâm, chỉ nghĩ đến cõi Cực-Lạc, chỉ nhớ đến đức Phật A-Di-Đà, biết thân và độ không hai, nhận rõ ức (nhớ nghĩ) và niệm là một, như vậy mới được gọi là nhứt hạnh.

Nói là nhứt hạnh nhưng cũng phải thật hành công đức của vô lượng pháp môn thế và xuất thế gian là giúp cho sự tấn tu mới được vãng sanh nhanh chóng, nên tất cả hạnh đều vì Tịnh Độ mà tu tập chứ không vì lẽ khác mới gọi là nhứt hạnh. Như muôn sông chảy ra biển cũng đồng một tên biển cả. Muôn điều lành đồng về một mối nên gọi là nhứt hạnh vậy.

Như vậy ba mươi bảy phần trợ đạo cùng bốn hoàng thế nguyện, lục độ v.v... đều là hạnh tu về Tịnh Độ, cho đến một chút hạnh lành, tán tâm niệm Phật, hay niệm một câu Phật, hoặc đưa một tay lễ bái, chiêm ngưỡng, tán thán, cho đến cúng dường một nén hương, một chén nước, một cành hoa, một ngọn đèn, hay tu một niệm cho đến mười niệm, hoặc phát

tâm tu một chút bố thí, giữ một giới, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ tất cả căn lành ấy đều hồi hướng về Cực-Lạc, nên nguyện lực thọ trì tuy có chậm, mau cũng đều được vãng sanh cả.

Như trong kinh có ví dụ: Xưa có người đem một giọt nước đổ trong biển cả, nguyện cho giọt nước này không hoại, không mất, không biến đổi, không khô, trải qua nhiều kiếp vẫn hoàn là nước, người ấy trải qua nhiều kiếp trở lại xem kết quả của giọt nước đã gửi thấy vẫn còn nguyên không hoại không khô mất; cũng vậy, đem chút căn lành hồi hướng về Cực-Lạc, cũng như đem giọt nước gửi vào biển cả, tuy trải qua nhiều kiếp sanh tử thiện căn ấy cũng không mất không hư hoại quyết được vãng sanh không nghi vậy.

Do đó, những hạnh về đại thừa tiểu thừa, hữu lậu vô lậu, tán tâm niệm Phật, định thiện, sự tướng, quán huệ đều gọi là nhứt hạnh, tất cả đều được vãng sanh, chỉ trừ hàng ngoại đạo. Cho nên chỉ cần quyết tâm tất nhiên không hư vọng.

Kinh nói: Một phen xưng Nam mô Phật đều trọn thành Phật đạo. Nên phải tin chắc, nếu tâm chưa phát, thiện hạnh chưa lập, tâm chưa tín phục mà đã cầu cảm ứng thì không có điều đó. Đức Phật Thích-Ca suốt đời đã nói vô lượng tam muội, vô lượng pháp giải thoát, vô lượng hạnh nguyện tổng trì tương ứng với vô lượng pháp môn, nhưng chỉ có pháp môn niệm Phật là viên nhiếp tất cả, gồm đủ tất cả, như biển cả nhận cả trăm sông tánh không tăng giảm, như ngọc như ý để trên cao có thể thỏa mãn tất cả nguyện cầu của chúng sanh, thể nó không bị tổn giảm. Do đó, tam muội bảo vương nhiếp thọ đủ tất cả.

Đức Thế Tôn chúng ta đem tam muội này truyền dạy cho chúng hội hai ba lần, những bậc thọ lãnh trong chúng hội toàn là hạng thượng căn như ngài Văn-Thù, và tam thừa thánh hiền, thiên long bát bộ đều hết dạ quy tín. Khi pháp môn này được truyền qua Đông Độ có bậc đại nhơn tại Lô-Sơn xiển dương di hóa, người người tín phụng như gió mát qua đồng nội, một sự mong cầu lớn lao cho mọi người, một giáo pháp vi diệu.

Từ khi đức Phật nhập diệt đến nay đã trên hai ngàn năm trăm năm, trong khoảng thời gian ấy đã có những bậc thánh hiền, những bậc cao tăng cự nho, nông thương sĩ phú, thất phu thất phụ huỳnh môn nô tỳ hoặc tự tu hoặc khuyến hóa người, hoặc biên chép kinh sách để phát nguyện, trọng pháp hơn của báu, khinh thân như bụi trần, gặp nạn không lo, đến chết không ngại, lập hạnh kiên cố, nỗ lực tu hành, số lượng không biết bao nhiêu. Hoặc phát tâm tùy hỷ, hoặc phát nguyện quy y, hoặc theo sự chỉ dạy mà thật hành, kết quả thành tựu nhiều vô số kể. Còn có hạng người nửa tin nửa ngờ hay do dự vẫn được sanh vào ranh giới (biên địa) nơi nghi ngờ của cõi Cực-Lạc thay, huống là người có chánh tín tinh tấn thật hành ư !

Truyện ký ghi lại chỉ là một phần vụn, từ xưa đến nay nhận được ân lành không lời nào bút nào diễn tả hết được. Tu theo pháp môn nào khác cần phải có tâm dũng mãnh, hoặc bị thối chuyển hay gặp ma sự. Chỉ có pháp môn này nhờ vào oai lực Phật đã tu tất nhiên thành tựu, không bị ma nghiệp cuốn lôi, không có thối chuyển. Với tam muội này không những xa lìa ma sự, mà cả huyện quan khẩu thiệt, thị phi hoạn nạn, nước lửa trộm cướp, ác nhơn hung sự, hổ lang trùng thú, quỷ mị yêu tinh, những điều không may ở thế gian không làm tổn hại. Lại không bị các bệnh dịch tả, kiết lỵ, thương hàn, ung ghê cho đến các bệnh về tai mắt mũi lưỡi não loạn, nếu hạnh nguyện không giảm thiểu, tất cả đều tránh khỏi. Nếu vì

lợi dưỡng, danh vọng, thương mến hay bại hoại cho đến giận dữ là do mình tự tạo tuy có Phật lực cũng không thể cứu được. Hành giả nên phải ra sức tinh tấn thêm nữa để trừ khử đi. Một khi nhứt niệm đã chơn thuần thì không gì xâm phạm được. Ma sự chỉ làm hại người lười biếng, lòng tin cạn cợt tâm niệm thoái thất, nếu đã tinh tấn như lửa cháy mạnh gặp nước đâu có sợ gì. Há vì thiên cận lại bỏ qua sao !

Cho nên hành giả như Phật diệt mà không những thân này chỉ được an lạc mà tam muội được thành tựu, thiên như hỗ trợ, lâm chung chánh niệm vắng sanh. Thoại ứng vắng sanh không phải chỉ có một, có nhạc trời trời, hoặc hương thơm đầy nhà, hoặc hào quang chiếu thân, bảo tọa hiện đến, hoặc đức Phật A-Di-Đà đưa tay tiếp dẫn, hoặc chư Bồ-tát trao tay tiếp đón. Biết trước giờ chết, chánh niệm phân minh, chướng ngại tiêu diệt, tự muốn tắt gôi rồi an tọa, nhóm chúng nói pháp và chấp tay cáo biệt. Hoặc khuyên người tinh tấn tu tập viết kệ di bút chấp tay từ giả. Hoặc sau khi lâm chung thân vẫn tươi như còn sống, răng xương thành xá lợi thiêu đốt không cháy, ánh sáng khác thường, hào quang năm màu hiện giữa hư không xoay vần không thôi, hương thơm tỏa khắp, xá lợi lưu truyền, những điều này thường được nghe thấy. Nếu hằng ngày không tinh tấn thực hành tinh thuần đâu có cảm ứng được vậy.

Than ôi ! Người đời nay tuy có tu mà không ứng nghiệm vì lòng tin chưa sâu, như địa (21) không tinh thành chưa từng lập hạnh. Trước muốn mọi người biết, trong tự khoe mình, ngoài muốn hiển lộ vẻ trang trọng để mọi người cung kính cúng dường mong có sở đắc, thậm chí đôi nơi đã thấy tịnh cảnh hoặc thấy tiểu cảnh, mộng thấy thiện tướng, không biết phải quấy mà muốn khoe khoang. Hạng người hạ liệt như vậy ắt bị ma chướng mê hoặc, nguyện hạnh thoái thất lại đọa vào khổ thú sanh tử, chẳng cần thận sao !

Thực hành nghi thức trì tụng sám nguyện tại đạo tràng không nên để cho người biết, vì để người biết là dẫm phải lỗi trước khiến quán hạnh bị tổn hại, nên hành giả phải cẩn mật thực hành, giữ niệm tâm quý không hiển lộ tánh đức, không bị tâm bông bột hay lười trễ nhiều loạn, muốn diệt túc chướng để thấy tướng hảo, như không cẩn mật để người biết thì công hạnh bị giảm, nên ngài Viễn-Công ba lần thấy Thánh tướng mà chưa bao giờ nói ra, chỉ trừ khi gần lâm chung.

Thế tánh tam muội này viên dung, kiến giải rất sâu rộng, thực hành cẩn trọng đúng như điều chỉ dẫn, tránh những hành động xấu, nhẫm đến một lỗi nhỏ cũng phải lo sợ. Lại phải thông hiểu thừa, hạnh y vào tiểu thừa mới hiệp với tam muội này. Nếu biết tiểu mà không theo tiểu, tiểu theo nghĩa viên đốn, viên đốn mà không xa lìa tiểu, tiểu ấy là đại, tiểu đại giải hạnh hiệp nhưt không hai tức là siêu việt kiến chấp thế gian.

Kinh chép: Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không sát hại, tu mười thiện nghiệp, thọ trì tam quy, cụ túc giới hạnh, không phạm oai nghi, phát tâm bồ-đề, tin sâu nhân quả, không báng đại thừa, nhắc nhở hành giả, mỗi mỗi điều trên là mỗi pháp hạnh. Các bậc cổ như dạy mỗi hạnh có riêng từng chương, đây không thể nêu hết được. Lại nên giúp đỡ hành giả đừng để sanh tâm nghi, vận dụng tự nhiên, đọc tụng kinh đại thừa để hiểu nghĩa đệ nhưt, thân cận bạn hiền, tham vấn các bậc tôn túc, không chấp chủ kiến, không khoe sở trường, lẳng lòng nhẫn nhục, thật hành theo kinh dạy, nghe theo chánh pháp, không khinh

tăng ni, dứt tạp thiện thế gian, không tham danh lợi, xa lìa tà ác, xử sự thành thật, nhận lỗi về mình, giữ gìn lời nói thêu dệt, nhứt tâm bất loạn, xem người như Phật, dứt bỏ kỹ năng, chỉ cầu vãng sanh, thân tâm thanh tịnh. Phải nên tu tập vô lượng thiện hạnh như vậy để tiến lên chánh đạo mới chế phục được nhiễm tâm thế gian, tâm thương ghét không thể làm hại, giữ tâm như nhứt thì chắc chắn sanh về Tịnh Độ. Công quả thật là vĩ đại không diễn tả hết được. Cho nên tu theo mật hạnh nơi pháp môn này cao cả vô cùng. Người được sanh về cõi Cực Lạc không thể biết hết, được ghi theo truyền ký chỉ là giọt nước trong biển cả, đâu thể tính được số lượng là bao nhiêu.

Nếu y theo sự chỉ giáo mà thật hành hạnh này, người có vô lượng oan nghiệp còn được lợi lạc, đối với cha mẹ, sư trưởng, quyến thuộc, anh em chị em còn tự thoát khỏi ách nạn. Như vậy đối với mình không có lợi hay sao ?

Cho nên biết rằng chỉ tu hạnh này không ân nào không đền đáp, do đó nên phải nhứt tâm niệm Phật. Cảnh giới đức Phật A-Di-Đà và hai vị đại sĩ rất khó nghĩ tưởng, ở trong biển khổ khó thể thân cận, khó thể ức niệm. Vì sao ? Nghe danh hiệu còn khó hướng là thân cận nếu ai thường ức niệm thì được giải thoát.

Kinh nói: Nếu thiện nam, thiện nữ nào chỉ nghe danh hiệu đức Phật và hai vị bồ tát thì trừ được tội vô lượng kiếp sanh tử hưởng là ức niệm. Người niệm Phật này là người ở trong hoa Phân-đà-lợi (22). Hai vị Bồ-tát Quán-Thế-Âm và Đại-Thế-Chí là bạn cao cả, an tọa tại đạo tràng thường ở nhà chư Phật, chư Như-Lai mười phương thị hiện tướng lưỡi rộng dài ân cần khuyến nhủ, vị giáo chủ cõi Ta-bà tha thiết dạy bảo khiến chúng sanh trong đời ngũ trược nên tu tập pháp môn này mới thoát khỏi ba cõi trần lao. Vì sao? Thân tâm chúng sanh ở đời ngũ trược đều khổ, lấy khổ làm mạng sống, nhờ nước lửa kết hợp, đức Phật đặc biệt nơi cảnh khổ này ban bố lòng thương rộng lớn xứng hợp thời cơ, như nước với mặt trăng, có sự cảm ứng vậy.

Cho nên đức Thế Tôn từ khi thành đạo chánh giác đến khi nhập Niết-Bàn trong các thời nói pháp không nói hai lời. Từ hội Hoa-Nghiêm lúc ban sơ đến đạo tràng Pháp Hoa lần cuối, lời vàng ban bố không cùng, những bậc đại tâm thẳng chí trong các hội đều vâng theo ý chỉ này, phát nguyện cầu sanh về Tây phương Cực Lạc, hướng là chúng ta hiện đang ở vào thời mật pháp căn cơ hạ liệt ngu độn lại lơ là không tu tập sao ?

Hạng người hiểu biết khắc ghi trong lòng, tự biết nguyện lực đức A-Di-Đà không mất, giúp cho người không biếng trễ. Thánh như lấy lời này làm đầu, hiền giả lấy liên tục làm cuối, rỗng rảnh khắp cả mười phương ba đời, không chỉ người đời mà khắp cả lục đạo bốn loài. Đến cả như luân, thiên thần biến hóa, quỷ vật thuận theo, hàng phi như đều tán ngưỡng, cho đến những hành động đều được ghi lại đầy đủ trong hải tạng Long cung, lưu bố đến quần cơ khắp trong nhân gian và thiên thượng về nguyện lực của đức Phật A-Di-Đà.

Đức Phật nói: Đến thời kỳ ác thế tối hậu giáo pháp ta không còn, thì giáo điển này chỉ lưu lại thế gian trong khoảng một trăm năm để độ chúng sanh có cơ duyên. Nhưng pháp này không phải để giáo huấn cho đời sau, đến như loài chim yểu là loài ngu si vọng tưởng bị

đọa làm phi cầm theo người bắt chước xưng danh còn nhờ sức tam muội, khi chết còn có hoa sen mọc tại mồ chôn, huống là người lại không bằng chim, đáng thẹn lắm ư !

Ta nay sanh vào thời mạt pháp, cách Phật trên hai ngàn năm trăm năm, căn cơ thấp kém nghi hoặc không tin, lại còn bị các kiến chấp tà giải không đồng, cùng nhau quyến rũ, khiến người chánh hạnh phần nhiều bị hoặc loạn động tâm suy nghĩ. Nên phải gom các kinh sách văn thơ của thiên tịnh, lấy nghĩa lý sâu xa chí yếu trước thuật lời này, phân thành chương mục lưu bố cho đời, bài tà hiển chánh, nguyện chúng sanh khắp pháp giới đối với thuyết này được kiến giải liễu ngộ chơn tâm, nhận thức y chánh của đức A-Di-Đà thật tại phương Tây, thấu đạt y chánh Tây phương không lìa bản tánh, tất cả hàm thức đồng được vắng sanh thâm nhập phẩm vị vậy. Lại nguyện những bậc tiên giác mở rộng lòng từ bi thấy người chưa giác ngộ như pháp giáo hóa, với người mê muội, có thể tùy bệnh cho thuốc, theo căn cơ phân tích lẽ u huyền, nếu sanh một tín giải thì hạnh nguyện được thành, vắng sanh có cơ, dù cho dị báo quá nặng tín tâm không sâu, chỉ một hướng nhiếp vào cũng kết được như duyên dần dần được lợi ích không cùng tận, sự khuyến phát không nhỏ vậy. Nếu người quả thật như vậy không có thầy bên mình, không hề lường dối, thể theo chánh giáo khuyến bảo người không nhọc mệt, dù cho không thực hành cũng đã thực hành, dù tự chưa học cũng đã học rồi. Tại sao ? Pháp giới như tợ tướng không có tự, tha.

Xưa kia có người một đời chưa từng tu hành chỉ có hai việc mà đã có đủ, như tâm bình đẳng lập hội khuyến người đồng niệm Phật, khi mạng chung cũng được vắng sanh, nhờ đó mà chiêu cảm. Cho nên biết rằng phát tâm từ bi đã có tướng nhiếp thọ và vì lợi tha khuyến người niệm Phật mà được ích nhiều, thật là vô thượng pháp vương, chỉ không được chấp như định ta không cần phải tu thôi.

Nên chi pháp môn tam muội rất sâu xa như biển cả, có những lợi ích không thể nói cho cùng. Những điều ghi như trên xin hãy khuyến khích phát tâm niệm Phật.

21. Hiện thị một nguyện gồm đủ bốn nghĩa

Có người hỏi rằng: Từ trước đến nay những sách khuyến người niệm Phật rất nhiều, tuy lời giảng có sự dị đồng nhưng về ý nghĩa đâu có khác. Những sách ấy phần nhiều phân tích về y báo, chánh báo hay quán huệ chứ chưa nghe nói về phá vọng hiển chơn. Các bậc cổ như còn chưa khẳng định, tôi đâu dám khinh thường ! Nay tuy chưa thể trực chỉ vào đạo mà cũng được bỏ ích nghe điều mới mẽ, vậy xin chỉ giáo.

Đáp: Than ôi ! Thương cho như thế không nghĩ đến đạo lý mới nói những điều như thế, đâu phải là câu hỏi hay, hay bắt đắ dĩ nói lên như vậy.

Lại nói: Thuyết tam muội này đã nói rõ, nếu bảo là khó lại có thể dùng một câu mà đạt hết nghĩa sao ?

Đáp: Hà tất phải một câu, có thể dùng một lời cũng đủ. Thế nào là một lời ? Đó là nguyện.

Một câu là gì ? Ấy là giới, giải, hạnh, hướng vậy. Nhưng nghĩa toàn bộ không ra ngoài một câu giới giải hạnh hướng. Mà giới giải hạnh hướng phải từ nguyện mà có, nên có thể nói

một lời đã đủ rồi. Phương chi các sách dù nói rộng hay sơ lược đều được cả, sao lại thiên về một bên được ?

Giới nghĩa như thế nào ?

Hành giả khi tu tam muội nếu không trì giới, tuy có tín tâm, nhưng vì ác duyên tạp nhiễm ở thế gian xâm lấn, khó tránh bụi trần, lạc vào đường tà làm hại pháp thân, không thể vắng sanh. Kinh chép:

Trong một ngày đêm giữ trọn giới sa di, trọn giới cụ túc cũng được vắng sanh. Cho nên phải giữ giới.

Thế nào gọi là giải ?

Hành giả tu tam muội cầu sanh Cực Lạc, nếu không dùng trí huệ để nhận thức chính chắn tịnh uế hai cõi, định vị Đông Tây hai phương, không một chút lầm lẫn, lại biết hai cõi tịnh uế này trọn đủ trong tâm, luôn an trụ trong chánh niệm và tu theo pháp nào để được vắng sanh. Nên kinh chép: Phải đọc tụng kinh điển Đại thừa để hiểu rõ nghĩa đệ nhất mới được vắng sanh. Cho nên cần phải hiểu thật đúng.

Thế nào gọi là hạnh ?

Hành giả cầu sanh Tịnh độ đã nhận thức chính chắn rồi thì phải y theo sự hiểu biết mà lập hạnh, sáu thời tu niệm, ba nghiệp không khiếm khuyết, thẳng tiến không thoái thất, quyết chắc sanh về. Kinh chép: Tu hành lục niệm (23), hồi hướng phát nguyện một ngày cho đến bảy ngày liền được vắng sanh. Cho nên cần phải lập hạnh.

Thế nào gọi là hướng ?

Hành giả muốn được chắc chắn vắng sanh, nên đối với những công đức của giới, giải, hạnh và tất cả thiện căn lớn nhỏ nhiều ít đã có từ vô thủy đến nay, nhứt nhứt đều phải hồi hướng về Tịnh-Độ, đến khi mạng chung quyết được vắng sanh. Kinh chép: Hồi hướng nguyện cầu sanh về cõi nước Cực Lạc, ví như làm xong việc, khi trở về nhà có kết quả. Cho nên phải phát nguyện hồi hướng.

Nghĩa một câu của bốn pháp rộng lớn này nhiếp hết tất cả thiện pháp, như bốn mùa cần cho lúa gạo cây trái đơm bông kết quả tốt, thiếu một thì không thành, bốn pháp này cũng như vậy, nếu thiếu một pháp thì tam muội không thành. Cho nên cần phải đủ bốn điều kiện trong sự tu tập mới viên mãn một nguyện.

Hỏi: Chỉ một câu mà thành nhiều câu là thế nào ?

Đáp: Nhiều câu tức một câu, một câu tức nhiều câu, nhiều hay một nghĩa lý bao gồm tất cả, không thể bảo phải nhiều câu nghĩa mới rõ, còn một câu nghĩa không đủ.

Hỏi: Như vậy vì sao không nói một câu thôi ?

Đáp: Nhiều là giải rộng, một là nói sơ lược. Rộng hay lược tuy có sai khác, là theo căn cơ để hiểu rõ giáo pháp, đâu thể dùng một câu lại bỏ quên không giải rộng ư ?

Lại hỏi: Các ông bà ba nhà ở thôn Lý kia không biết Đông Tây ở hướng nào, làm cầm không phân biệt cả đến gạo đậu thì làm sao hiểu được trì giới với nghĩa lý bốn điều, chỉ biết nhứt tâm xưng danh hiệu và chuyên cần lễ bái đến khi lâm chung ứng nghiệm cũng được vãng sanh là thế nào ?

Đáp: Đã nhứt tâm rồi thì còn pháp nào nữa mà không đủ. Đã nhận thức rõ ràng và tin có hai cõi, lại phát nguyện thật hành xưng danh hồi hướng cầu sanh há lại còn phá giới sao? Như vậy bốn điều kiện đã trọn đủ, các hạnh không lập vẫn thành tựu tức được vãng sanh, đạt được tâm nguyện lúc ban sơ. Đâu có thể bảo là không phân biệt được lúa gạo, Đông Tây hay sao!

Hỏi: Như vậy hành giả chỉ cần nhứt tâm thì các hạnh đã trọn đủ rồi, bắt tất phải thật hành bốn điều nêu trên ?

Đáp: Nếu hiểu rõ bốn ý nghĩa trước, như xây nền móng vững chắc, rồi nhứt tâm thì vĩnh viễn không thối chuyển. Nếu nhứt tâm trước mới tìm hiểu bốn ý nghĩa trên tuy cũng được vãng sanh, nhưng trong khoảng thời gian tu tập bỗng gặp ác ma tà quỷ nên phần nhiều bị thối chuyển, do đó bốn ý nghĩa ấy thật quan trọng.

Sau đó lại hỏi rằng: Xưa nay các sách khuyên tu Tịnh Độ rất nhiều, ý nghĩa lời văn rất hay, tất cả tùy theo căn cơ đã phổ biến khắp nơi, và y theo sự chỉ dạy người được vãng sanh rất nhiều, có thể nói là ý nghĩa thật rõ ràng. Tại sao ngày nay lại còn trước tác nữa khiến cho hậu học có sự hiểu biết lệch lạc ? Nay trong quyển này cũng thuật lại ý nghĩa của cổ nhân mà cổ nhân đã thuyết minh rồi thì đâu cần phải nói lại, nếu nói sai khác người đời nay không hiểu e rằng sẽ sanh ra ức kiến, đó có phải vì danh vì lợi hay sao? Nguyện xin chỉ giáo.

Đáp: Sao thiên cận vậy ! Ta nghe cổ nhân lập ngôn phải theo kinh Phật, Tổ. Đã là kinh của Phật Tổ thì nghĩa một câu dù cho trần số chúng sanh trong đại thiên thế giới như ngài Phổ-Hiền mà nói lý thú trải qua nhiều kiếp cũng không cùng tận, há cổ nhân đã nói người đời nay không thể nói lại hay sao?

Người đời nay chẳng thuật lại lời các vị cổ đức, ngôn hạnh các vị cổ đức nếu không làm sáng tỏ, không dạy cho kẻ hậu học, sợ sự suy nghĩ của hàng hậu học sẽ không biết căn cứ vào đâu, nên về nghĩa tuy thuật theo các bậc cổ đức, nhưng ý thú không trùng nhau, lời tuy có sai khác mà lý thì không khác nhau. Do đời nay đã cách từ lâu xa nên sự hiểu biết có sai khác, tuy giải được chỗ nghi của người này, lại sanh lầm cho người kia, người kia hết sai thì người nọ lại có chỗ ngờ, lần lữa sanh khởi nhiều ý kiến lệch lạc. Lại sách của Thánh Hiền tuy nhiều như núi nhưng phần nhiều hầu như bị tiêu hủy, lại thêm căn cơ của người hậu học chậm lụt muốn tìm nghĩa thiết yếu tinh hoa để nghiên cứu rất là khó khăn trong số văn sách quảng bát ấy. Vì muốn gấp giải những điều nghi hoặc đương thời nên phải góp lại thành một quyển để chữa bệnh trầm kha, ấy vì lợi vì danh hay sao?

Lời hỏi của người có đáng thẹn không ? Ví như biển lớn thêm nước vào biển đâu từ chối đã sâu rộng rồi, quả núi đã cao thêm đất nữa, núi há lại chê vể cao thêm sao? Lại chỗ nghi của hậu thế bậc cổ đức chưa từng nghe, ý ngoại của cổ đức kẻ hậu học không hiểu thấu, cách Thánh đã xa nên phải nhờ vào kinh để biện minh điều nghi hoặc cho người đời nay.

Như trong phòng có nhiều thuốc quý, nếu không chẩn bệnh để chọn thuốc mà dùng không những bệnh không lành mạng sống cũng khó bảo đảm. Lại thêm một nghĩa trong kinh có vạn lời giải vạn điều ngộ sao lại không chịu nghe những gì nói lại, hay ngại gì mà không nghe những gì chưa nghe. Người nên lấy tam muội này mà suy nghĩ cho thật rõ, rồi lập đại hạnh nguyện thẳng tiến vào pháp cầu sanh Tịnh-Độ. Hãy cẩn thận đừng đợi đến đường cùng mới quyết chí, bấy giờ mền cảnh tiếc thân, như rùa bị lột mai muôn ngàn đau khổ hồi tâm thì đã trễ rồi vậy.

22. Giải thích nghĩa niệm Phật tiêu tội

Có người hỏi: Niệm Phật Tam Muội Trục Chỉ mới là cảnh giới y chánh cõi Cực-Lạc, phải có hạnh nguyện cầu sanh, nếu không thì chưa hoàn bị. Trong kinh nói niệm một tiếng Phật có thể tiêu tám mươi ức kiếp sanh tử trọng tội, đối với câu này tôi có điều nghi, nếu quả có lý này, nay trong đời có người giàu sang người bần tiện, chưa có một người nào không xưng danh hiệu Phật, như vậy phải tiêu diệt trọng tội và phải được sanh về thế giới Cực-Lạc? Có sao người đời theo nghiệp thức sâu dày khi chết đọa vào chốn đồng sôi, hoặc lên hoặc xuống không biết đi về đâu, vậy nghĩa diệt tội không đúng, vậy lời Phật nói có lẽ sai sao? Nguyện xin giải thích cho.

Đáp: Hay thay! Người đời sau chưa thấu triệt sẽ hơn câu hỏi của người đời trước Tam-muội này quyết không thôi chuyển nguyện sanh về Tịnh Độ. Hành như đời nay cho lời này là phương tiện để khuyến tấn, đâu biết ấy là lời chơn thật Phật không dối gạt.

Người há không nghe nghĩa câu “Người từ vô lượng kiếp trước cùng với đức Thế Tôn Thích-Ca Mâu-Ni đồng là phàm phu” hay sao? Đức Thế Tôn chúng ta đã thành đạo đến nay trải qua vô số trần kiếp, trần số kiếp này trong kinh đều nói rõ, nhưng chúng ta ở trong trần số kiếp đó vẫn còn phàm phu phiêu lãng trong sáu đường tạo vô lượng nghiệp. Từ lâu đã đồng với Phật không khác, như vậy trần số kiếp ấy làm sao tính được.

Giả sử có một người suốt đời, đừng kể làm việc lành, chỉ xưng danh hiệu Phật thôi liên tục không dứt, theo số lượng xưng danh hiệu ấy mỗi mỗi đều tiêu hết trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, dù cho trọn đời này cho đến đời sau đều xưng danh hiệu Phật, tuy diệt được nhiều kiếp tội nếu so với cực đại trần số kiếp cũng chỉ bằng chút đất trên móng tay sánh với lượng đất trên đại địa. Đâu thể bảo xưng danh hiệu Phật mà diệt tội trong nhiều kiếp, không còn nghiệp chướng ở những kiếp khác mà sanh về Tịnh Độ ư! Đâu biết được tội trong số kiếp từ vô thủy lâu xa chưa còn diệt hết, thật quá nhiều ngoài cả số lượng tám mươi ức kiếp nữa. Như ngọn lửa lớn muôn làm tan hết tuyết trên đại địa, đâu thể được! Cho nên tuy niệm Phật diệt tội chưa sanh về là nghĩa như thế. Hướng chi người tạo nghiệp từ nhiều kiếp, nay mới niệm Phật một lát đã sanh tâm mỗi một, trễ lười thì dễ siêng năng lại khó, thêm nữa cùng là phàm phu đồng với đức Phật từ trước tính kiếp số lại càng gấp bội, cho đến phiền não từ vô thủy mà nay mới phát tâm tội đâu dễ diệt hết được, há chẳng suy tư sao?

Nay nói từ một ngày đến bảy ngày nhứt tâm không loạn liền được vãng sanh và khi mạng chung nhứt tâm bất loạn xưng một tiếng Phật liền tiêu diệt trọng tội tám mươi ức kiếp

sinh tử, cho đến người cực ác khi mạng chung tướng hoả ngục hiện trước mắt nếu niệm được mười niệm liền sanh về Tịnh Độ là nhờ công năng oai thần diệt tội xưng danh hiệu Phật, nhờ vào sức đại nguyện cứu hộ nhanh chóng của Phật. Ví như tráng sĩ chiến đấu tài ba, tuy bị bao vây nguy khốn, được người dũng mãnh trao cho cung tên, kiếm báu, ngựa hay, khích lệ ý chí phấn chấn, lên ngựa xông pha nỗ lực tung hoành phá tan vòng vây chiến thắng có công hồi trào thọ lộc quy phụng quân vương, vinh hưởng phong lộc. Đây cũng như vậy, được đức Phật tiếp dẫn sanh về Cực Lạc. Cho nên nói rằng xưng một tiếng Phật diệt tám mươi ức sanh tử trọng tội.

Người nay niệm Phật tuy hôm nay ba lần, ngày mai bốn lần nhưng lại còn do do dự dự, hoặc thấy cảnh giới thanh sắc trước mắt liền bị lôi cuốn sanh ra bỏ bê, đến nỗi không giữ được một lần, lại muốn do một lần niệm Phật diệt được nhiều kiếp tội, không còn nghiệp chướng được sanh về Tịnh Độ, điều đó có thể được ư? Sự niệm Phật như vậy mỗi tiếng mỗi tiếng không những không diệt hết kiếp số tội nhưng cũng làm nhờn tiếm tiến lúc sơ tâm và sanh báo cũng chậm rãi, ấy chỉ làm duyên cho đời sau mà thôi. Nếu xưng niệm không dứt được công đức thành tựu như gộp các giọt sương thành một dòng nước đâu có thể so sánh sự ưu liệt với lời nói trên được.

Nếu tinh tấn như vậy như người trở bàn tay, như người bắn tên nhắm vào đích há lại không trúng sao!

Cho nên biết rằng tán tâm niệm và chí thành niệm tuy chưa lìa vọng tưởng, hoặc bị kiếp tội của đời khác chướng ngại, chỉ có quả báo ở đời sau, không thể có kết quả mong muốn được. Nếu gắng sức quyết chí dũng mãnh xưng niệm không những diệt hết kiếp tội, do sự dũng mãnh ấy nên trừ diệt kiếp tội không còn chướng ngại, mười niệm được thành tựu vãng sanh về Tịnh Độ, ý nghĩa này thấy rõ chắc chắn không sai, há có thể bảo người niệm Phật còn lo lắng, sợ cho nghiệp thức xa xưa sâu dày khi chết như con cua vào nồi nước sôi mà cho lời Phật là dối, chỉ là lời khuyên tấn hay sao?

Nên biết rằng Phật lực rộng lớn trùm khắp mọi nơi, nhiếp thọ thiện nghiệp chúng ta vào đại nguyện của Phật khiến đồng một vị, đưa tất cả chúng sanh vào chốn an lạc, khiến cho tất cả kiếp tội đều được tiêu diệt đâu phải chỉ dứt trừ tám mươi ức kiếp tội không sao! Công đức xưng niệm Phật danh thật khó lường, đủ rõ thuộc về đại thừa viên đốn, tôn chỉ siêu vượt một cách nhanh chóng vậy.

Thập nhị luận nói rằng: Ví như mười vòng dây tơ ngàn người không bứt đứt, đưa bé khoa dao một cái là xong, như trong Quán Kinh nói như cửa hàng hạ bồi sanh (24) mới niệm Phật là tội diệt được vãng sanh vậy. Như trong thời đức Phật có người đến trong chúng hội cầu xin xuất gia, đến khắp Thánh chúng, các vị ấy dùng đạo nhãn thấy người này không có một chút thiện chủng nên không chấp nhận, sau người ấy đến chỗ đức Phật, đức Phật độ cho xuất gia, các vị Tỳ kheo hỏi Phật, đức Phật nói người này tuy không có thiện căn nhưng trong vô lượng kiếp về trước, không thể dùng đạo nhãn của nhị thừa thấy được, người này như đi đốn củi bị cộp rượt đuổi mới leo lên cây để tránh, vì quá sợ nên niệm Nam mô Phật, do một lần xưng niệm như vậy nên trong hiện kiếp này gặp được ta độ cho được ngộ đạo. Do

đây biết rằng một đời niệm Phật chưa được quả báo tức thì, nhưng đời sau sẽ được vãng sanh.

Do những dẫn chứng trên, biết được một lần xưng niệm danh hiệu Phật tuy chưa được gặp Phật cũng giúp cho chúng ta diệt tội ngộ đạo, huống là nguyện lực của đức Phật A-Di-Đà vượt quá mười phương, công đức chuyên chú niệm danh hiệu Phật ấy tội chướng tiêu diệt không thể nghĩ bàn được. Nên kinh nói : “Nhứt xưng Nam Mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo”, (một lần xưng Nam Mô Phật đều đã thành Phật đạo), đúng theo lời này để minh chứng vậy.

Cho nên biết rằng nếu thường xưng danh hiệu đức Phật A-Di-Đà, niệm niệm không nghỉ công đức thật khó so lường, người tán tâm tuy nghiệp chướng có nặng làm cho thối chuyển nhưng ứng nghiệm vãng sanh quyết ở tương lai. Lại miệng niệm Phật là thuộc về công, tâm niệm Phật là sáng cho đức, công lao là chỉ cho ta không mỗi một, đức sáng ngời thì thấy Phật hiện tiền, hai nghĩa không đồng nhưng sự hơn kém đã thấy rõ, miệng niệm còn vậy huống là tâm niệm kết quả như thế nào ?

Cho nên, tôi nay nhơn lời hỏi y kinh thuật lại để cho những bạn đồng hành quyết chí, nguyện theo nghĩa này mà tu tập, cần trọng đừng nên nghi.

23. Lược thuật chư Tổ vãng sanh

Một pháp môn quảng đại gồm đủ các cơ, dễ tiến tu mà có kết quả cao không pháp nào sánh bằng. Ban sơ giảng tại núi Linh-Thứu cho các bậc thượng căn qui hướng sau lưu truyền đến Đông-độ một cách huy hoàng, tam thừa đồng chứng. Một pháp môn ích lợi không cùng tận từ xưa nay, có thể nói đó là pháp môn tối thượng vi diệu bất khả tư nghì quảng đại vậy.

Ban đầu vào đời nhà Tấn tại Đông-Đô đại sư Huệ-Viễn xướng lập Bạch-Liên Xã tại Lô-Sơn qui tụ rất đông trong ấy có một trăm hai mươi ba vị được tôn là Hiền, tổ sư ba phen thấy Thánh tướng như nguyện vãng sanh. Danh sĩ Lưu-di-Dân làm bài văn lập thế, cũng được thấy Phật lấy tay sờ đầu phủ y lên thân, cùng với các vị đồng một chí hướng như Khuyết-Công-Tắc v.v... khi mạng chung đều như sở nguyện. Những truyền ký này đều có ghi lại người người biết rõ.

Lại vào triều đại Tấn tại Hàn-Lâm ông Trương-Kháng chỉ tụng chú Đại Bi mười vạn biến; vào đời nhà Tống tại Giang-Lãng ngài Thích Đàm-Giám bình sanh, nếu có làm chút lành gì đều hồi hướng cầu về Tịnh-Độ, đời nhà Tề về phương Nam tại Đương-Đô ngài Huệ-Tấn phát nguyện trì tụng Pháp-Hoa để làm nhơn cầu về Tịnh-Độ, hai vị này đều được sanh về Cực-Lạc, có thể bảo hạnh nguyện không luống dối vậy. Ông Trương-Kháng nói ta thấy cõi Tây-phương Tịnh-Độ chỉ ở bên phía Tây mái nhà này giây lát yên lặng mà vãng sanh. Ngài Đàm-Giám trong định thấy đức A-Di-Đà rưới nước lên đầu và nói rằng: Ta rưới pháp thủy gội rửa trần cấu cho tâm ngươi thanh tịnh, khiến cả thân khẩu được hoàn toàn trong sạch và lấy hoa sen trong bình báu trao cho. Khi xuất định, ngài tỏ lời cáo biệt cùng đại chúng trong tự viện viên tịch. Ngài Huệ-Tấn tụng kinh đến nỗi bị bệnh, mới phát nguyện ấn tống một trăm bộ kinh Pháp-Hoa, khi ấn tống xong liền hết bệnh lại nghe tiếng tán thán giữa không trung liền được vãng sanh. Hạnh nguyện ba vị trên thật khó diễn tả hết được.

Đời hậu Ngụy Ngài Đàm-Loan ở Bích-Cốc đốt bỏ sách tu tiên theo Phật môn, tu pháp chơn trường sanh mười sáu phép quán cõi Tịnh-Độ, khi lâm chung dạy hàng đệ tử cao tiếng niệm Phật, ngài dạy về hướng Tây đập đầu cúi lạy mà viên tịch, giữa không trung vang lên tiếng nhạc vọng xa dần về hướng Tây.

Đời nhà Tùy, Thích Đạo-Dũ tạo tượng đức A-Di-Đà bằng gỗ chiên đàn cao ba tấc mọc hàng để tượng trên đầu mỗi khi trì niệm để cầu vãng sanh, sau khi chết được sống lại siêng tu, trong khi tĩnh định thần thức cảm thọa ứng thấy đức Phật bảo rằng khi sao mai mọc ta sẽ đến rước. Khi công quả mãn, ngài thành tâm lễ Phật sám hối thật lâu và ngõ lời từ biệt, chư Tăng thấy Phật đến rước, quang minh chiếu rọi tịnh thất.

Đời Đường, Hòa thượng Thích Thiện-Đạo, pháp sư Hoài-Ngọc ở Thai-Châu, pháp sư Phương-Quả ở Phương Quả, Thích Tự-Giác ở Chơn-Châu, Thích Thiếu-Khương ở Mục-Châu, Thích Duy-Ngan ở Tinh Châu v.v...các ngài không xa rời đại thừa, phát đại thệ nguyện tu tập pháp môn này thọa ứng linh nghiệm cảm động đến thiên nhơn, mây pháp trùm khắp hàm linh, mưa pháp đượm nhuần tất cả, đức hạnh vẹn toàn không thể nói hết được !

Lại vào khoảng các đời Trần, Tùy, ngài Trí-Khải quốc sư sơ tổ tông Thiên Thai, lịch đại truyền thừa chư tổ: Pháp-Trí, Từ Vân v.v... Ban sơ là ngài Vĩnh-Minh Trí-Giác Thiên sư, tại Trường Lô ngài Từ-Giác Thiên sư là những bậc thánh sư, hạnh vượt cả nhơn thiên, đức lan khắp ba cõi, mặt nhứt quét sạch tối tăm, bậc đạo sư phá tan khổ xứ, đều đem pháp môn tam muội này để lợi mình cùng người là những bậc kiệt thế giáo hóa mọi người, khi công hạnh hóa độ mãn đều sanh về thượng phẩm cả vậy.

Lại nữa, tại Trường An đời Đường Nhi-sư Thích Tịnh-Chơn tụng kinh Kim-Cang mười vạn biến, vào khoảng tháng năm khi sắp lâm chung mười lần thấy đức Phật, hai phen mộng thấy đến cõi Cực- Lạc. Đời Đường Phòng-Chứ nhơn khuyến một người niệm Phật cảm động đến cõi u minh. Tại Trường-An vị Lý-trí-Diêu lập năm hội niệm Phật thấy thần tăng từ không trung đến tiếp dẫn sanh về Tịnh-Độ. Ở Thượng Đẳng, Diêu-Bà đứng niệm Phật mà thác hóa. Ở Tinh- Châu vợ của Ôn Tịnh Văn tu hành được như nguyện. Lại hai ông Trương-Chung-Quyết giết gà vịt để bán và Trương Thiện Hòa chuyên là đồ tể mổ trâu bò vì nghiệp sát nên tướng địa ngục hiển hiện, liền niệm Phật được mười niệm cũng được vãng sanh. Đời Thạch-Tấn Thích Trí-Thông tại Phụng Tường, đời Tống Thích Khả-Cửu tại Minh-Châu nhơn đọc sách của ngài Trí-Húc đại sư, nhứt tâm tu tập, trong định dạo cảnh Tây phương Tịnh độ thấy tên mình trên tòa sen, khi xuất định được kết quả như sở nguyện. Đời Tống, các ông Kim-Thái-Công, Hoàng-Đả-Thiết, Ngô-Quỳnh-Sơ từng tạo ác nghiệp sau biết cải hối tinh tấn tu tập, khi vãng sanh thấy có thọa ứng. Kinh Vương phu nhơn, Quán Âm Huyền quân, Bằng thị phu nhơn tuy thuộc hàng nữ lưu lại nổi tiếng đức hạnh. Cho nên biết rằng pháp môn này rất thù thắng hễ có tâm nguyện đều có thể tu hành. Do đó, pháp môn này phổ cập đến tất cả hạng người, bất luận là trai gái, già trẻ, ngu muội hay trí huệ, dị lưu cực ác, tối nghịch hay cả hàng xiển đề cũng tu được. Loài Trĩ nghe pháp âm còn sanh về thiện đạo, con người thường niệm Phật há không về Tây phương sao ? Chỉ sợ là không tu, chứ đừng lo rằng Phật không tiếp dẫn. Nay y vào truyền ký thuật lại để thấy rõ, ngõ hầu các vị đồng tu thấy

các bậc hiền đức hành trì mà suy, và cảnh tỉnh trong sự tu tập hằng ngày. Những thoại ứng từ trước đến nay, khắp bốn biển tám hướng, mà tai mắt chưa từng thấy nghe hoặc nhận thức còn hạn hẹp, lại phần nhiều thường bị quên mất nên không thể trần thuật hết được !

22. Hồi hướng, khuyên cầu vãng sanh

Xét về nguyên ủy sanh tà kiến là do vị thầy hướng dẫn bất chánh. Tuy bởi túc nghiệp đưa đẩy há tránh khỏi kiến hoặc ở tự tâm hay sao? Hoặc nghiệp đã không rời tâm thì quả báo chắc chắn khó tránh khỏi khổ ba đường, huống là một khi đã nhiễm vào tâm thức rồi thì muôn đời khó trở lại. Do đó mới soạn luận Bảo Vương Tam Muội Niệm Phật Trục Chi này.

Ý chính là đem tâm hệ lụy thống khổ cõi Ta Bà này mà tưởng niệm cảnh tiêu điều y chánh ở cõi Cực-Lạc. Bấy giờ tịnh uế xen lẫn, chúng sanh Phật cùng hiển hiện, vô lượng nghĩa tụ trong tâm, pháp hỷ tràn đầy, đến khi không còn ngã, thì sự lý vô ngại, thân độ viên dung, bấy giờ không một lời để diễn đạt nữa, thế là đã sanh ở Tịnh Độ rồi vậy. Với công đức vô lượng vô biên như vậy tôi nay nguyện đem công đức ấy và tất cả thiện căn quán tập tận cùng vị lai phát tâm cầu sanh Tịnh Độ.

Lý của pháp tánh ấy chuyển biến vô cùng đến khắp các cõi, các nhơn các quả các hạnh các nguyện đều hồi hướng đến khắp chúng sanh, tất cả được viên thành đồng sanh về Tịnh Độ.

Lại nguyện nương vào niệm lực này khiến khắp mười phương cõi và tất cả chúng sanh ở thế giới Ta Bà đều như ý nguyện của tôi, hoặc đồng hoặc biệt y chánh sắc tâm như thời trụ vào hào quang sáng ngời của vị giáo chủ vô lượng quang minh tại Lạc bang, đều ở cõi nước Cực Lạc, biến hiện tự tại du hí thần thông, vĩnh viễn không còn một trở ngại nào nữa, an trụ như đức Phật, nguyện tôi mới viên mãn.

Lại nữa ngày nay một lòng đem vô lượng thiện căn hoặc lớn hoặc nhỏ của tôi đã tu tập cho ba nghiệp từ vô thủy đến cùng tận đời vị lai xin hết lòng hồi hướng đến tất cả chúng sanh được sanh về cõi Cực Lạc.

Ngưỡng cầu thần lực chư Phật và nguyện lực đức Phật A-Di-Đà và công đức lực hai vị Đại sĩ gia bị nguyện pháp môn này làm cho thiện căn này đến khắp sáu căn và các chi thể của đệ tử khiến cho lục căn cảnh trí của đệ tử được tự tại, khắp cả hư không giới đều thành sắc thân để tuyên thuyết pháp môn này. Xin đem căn thân này vì tất cả chúng sanh cùng tận đời vị lai cúng dường kính lễ thừa sự đức Thế Tôn không sanh lòng mỏi mệt. Xin đem năm vóc sát đất, quỳ thẳng chấp tay hết lòng khuyên thỉnh, thưa rằng:

Thế giới Cực-Lạc rất thanh tịnh,
Vi diệu trang nghiêm hơn thế gian.
Nguyện lực Di-Đà đồng hư không,
Tướng tốt quang minh cũng như vậy,
Niệm niệm không lìa bỏ chúng sanh,
Khắp độ chúng sanh về Lạc cảnh.
Chúng con đã nhiều kiếp sanh tử,

Hằng bị trầm luân không siêu thoát.
Đức Phật ruỗi tay đã từ lâu,
Thương thay ! Ân cần khuyên nhủ nhiều,
Quang minh chiếu đến hoa sen nở
Chính là lúc sanh về Cực Lạc.
Thân thật vô thường, thời qua mau,
Các khổ bức bách gấp xa lìa,
Mau mau niệm Phật lo tu tập,
Mãn báo thân này về Cực Lạc.

Nguyện cho tập pháp môn này thường tại thế gian như Pháp thân Phật, làm bạn không
thình để lợi lạc tất cả đồng sanh về cõi An Dưỡng.

Nguyện Thiên Long Bát Bộ thường hộ trì pháp môn này đừng cho hủy diệt như Pháp
tánh, lưu truyền vĩnh viễn cùng Phật đạo thường trụ.

Phụ Lục 1: Niệm Phật phá vọng

Niệm Phật tam muội do đấng đại hùng chỉ cõi Ta bà này đầy thống khổ sanh, lão, bệnh,
tử và các nghiệp quả nên dạy chúng ta phương pháp niệm Phật A-Di-Đà cầu sanh về thế giới
Cực-Lạc. Vì thân và quốc độ của đức Phật ấy thanh tịnh không gì so sánh được, trang
nghiêm đệ nhất, y chánh cực diệu nên mới có danh xưng như vậy. Chúng hội của đức Phật
ấy đầy đại tâm bồ-tát. Người nghe lời Phật dạy được sanh về đó không chỉ có vạn ức mà từ
khi pháp môn này loan truyền trong thiên hạ, từ Đông độ qua Tây quốc, từ trước đến nay, y
theo giáo pháp được vãng sanh rất nhiều, không thể dùng hằng sa vi trần mà so sánh số
lượng được.

Ngày nay cách Phật đã xa, người đời lại hồ đồ không biết Tây phương Cực Lạc thật có
một cảnh giới, mới nói sai rằng các pháp tại tâm liền vọng nhận trong tâm, do sáu trần duyên
ảnh quấy nhiễu tâm thức, mới bảo Cực Lạc tại tâm không cần cầu sanh đâu cả, thật điên đảo
lắm lắm !

Sáu trần này duyên ảnh là thuộc tiền trần vốn không tự thể, tiền trần nếu không có thì
tâm này cũng diệt, như vậy cõi kia làm sao có trong tâm này được ?

Lại nói tâm vốn ở trong ngực. Tâm nhỏ xíu trong ngực làm sao chứa được cả cõi Phật
rộng lớn kia được ? Dù nói ngộ đạo thì Phật độ tại tâm. Chỉ có thể gọi kiến tánh ngộ đạo đâu
có thể bảo Tịnh Độ tại tâm. Nếu ai nói như thế là tà kiến. Cả đến thiên ma, ác tặc, ngoại đạo
cũng không có hạng tối hạ liệt kiến chấp ấy, đáng thương lắm thay !

Nay muốn ngộ tâm bản nhiên chơn thật ấy, trước hết phải thường quán sát tâm nhận
thức sáu trần duyên ảnh tại ngực người, cái ngực ấy trên thân thể người, thân thể người tại
thế giới này, thế giới này cho đến tất cả tịnh uế sát hải đều ở trong hư không, hư không giới
này không ngăn mé, không ở ngoài, mười giới y chánh tất cả ở trong đó, rộng lớn khó lường,
hư không này thật lớn, nhưng thiên nhiên ngã ấy chẳng động đến bản tâm chơn thật, nó
không lớn mà rất lớn, lại có thể bao trùm cả hư không tối đại ấy. Hư không kia ở nơi chân

tâm ta như đám mây nhỏ hiện giữa bầu trời trong, vậy thì cõi Ta bà, Cực Lạc tất cả tịnh uestát hải mà không ở trong bản nhiên tâm ta ư? Nhưng đức Phật nói các pháp tại tâm thật không phải chỉ cho cái tâm vọng tưởng duyên ảnh trong ngực người. Tâm chơn thật này xa lìa tri giác, siêu xuất kiến văn, dứt sạch tướng sanh diệt tăng giảm, không có xưa nay, tánh vốn chơn như, đầy đủ vi diệu, là căn bản mười giới mê ngộ, bất khả đắc mà suy lường sự rộng lớn ấy.

Tất cả thân độ đều ở nơi người nay đại giác không động đến chơn tâm, cùng Phật đồng chứng thì rõ biết cõi Cực Lạc, Ta bà tuy là cảnh thật cũng toàn từ tâm, toàn nơi tâm, nơi ý tưởng ta. Ngày nay đối với điều bỏ Đông lấy Tây, chán uestra tịnh, ghét Ta bà cầu Cực Lạc cho đến ghét sanh tử thích Phật quả, hết lòng tận ý trước tướng mong cầu đều không lìa ngã tâm vậy. Cầu mong như vậy không xa rời tâm thì tướng hảo A-Di-Đà ở cõi Cực Lạc liền hiển hiện nơi tự tâm, khi hiển hiện nơi tự tâm thời Phật hiện ra. Bấy giờ tâm ta là tâm đức Phật kia, đức Phật kia tức là nơi tâm ta, một thể không hai ấy mới thật “Duy tâm Tịnh Độ, bản tánh Di-Đà”. Không thể cho phương Tây không có cõi nước không có Phật, không cần phải cầu sanh, chỉ tại duyên ảnh sanh diệt nơi người mới cho là bản tánh duy tâm vậy.

Lại nói cầu đức Phật kia tức cầu ở tự tâm, cầu tự tâm cần phải cầu nơi đức Phật kia, ý nghĩa rõ lắm rồi. Ngày nay tại sao có những hạng báng Pháp kinh Tăng, bỏ đạo theo nho, phiếm luận thiên lý, không tìm hiểu chân lý tức cảnh tức tâm, trái với pháp bất nhị mà phân chia nội, ngoại rồi biện luận về cảnh về tâm. Lại dạy người bỏ ngoại hướng nội, bỏ cảnh hướng tâm nên sanh ra nhiều sự phân biệt về thương ghét, sai lạc lý thú.

Hạng nói về cảnh thì cho Cực-Lạc thuộc phần ngoại nên bắt tất cầu sanh; còn hạng hướng về tâm thì cho sáu trần duyên ảnh là hư giả vọng tưởng, cho Cực Lạc tại nội, nhưn cho tâm không có hình thể mới nói tất cả không có nhưn quả, thiện ác, tu chứng, rồi từ đó phóng túng lẫn lộn thể duyên, dạy người không cần phải lễ Phật, dâng cúng hương hoa, tụng kinh, bái sám, làm các thiện hạnh là trước tướng.

Các hạng người như trên làm cho kẻ khác giữ chắc tâm, trợ trợ như đá hoại loạn thiên pháp, hoặc khiến người như là buông xả tất cả rồi cho các nghiệp sát sanh, trộm cắp, dâm dục là không họa không phương hại đến đạo nghiệp. Nhưn tà kiến này phải đọa lạc vào vòng sanh tử, thẳng đến tận cùng địa ngục a-tỳ chịu khổ báo, tội nặng hơn những hạng làm đồ tể, nấu rượu, đến bao giờ cảm thấy hối lỗi thì địa ngục kia cũng theo đó mà diệt mới được ra khỏi.

Lại như vườn nhà sơn hà đại địa các cảnh sở y ở ngoài thân, là thật có không thể nói không, đều là cảnh vật ở ngoài tâm, rồi đả phá nhị biên, không thể thành một phiến để tâm cảnh nhưt như được, chỉ xem trọng việc ăn mặc thân khẩu mà thôi. Đối với thiên đường địa ngục và Cực Lạc các cõi tuy đã từng nghe danh nhưng không thấy mới bảo là không có, trở lại cho những người hưởng cảnh vui thú khoái lạc là thiên đường, còn hạng người chịu cảnh khổ sở là địa ngục, chứ không biết cái chơn tâm không huyền kia có đủ cả thiên đường địa ngục các sát hải, lại đem chỉ dạy người ta chẳng cần phải cầu sanh, thật quá quá ngu vậy!

Than ôi ! Đã không biết chơn tâm bất sanh bất diệt hàm chứa cả thái hư, vọng nhận cái vật nhỏ trong thân là tâm, nhận giấc làm con, không cầu nơi Phật, hiểu biết cạn kiệt lắm vậy!

Kinh nói: Ví như biển cả lặng trong hàm chứa vạn vật, chỉ nhận bọt nước làm thể rồi cho đó là toàn thể biển cả, Như Lai nói thật đáng thương, chính là hạng người này. Tâm ta cùng tâm Phật đồng một thể, nên oai đức quang minh nguyện lực đức A-Di-Đà ở trong tâm ta, bằng vào sự ngu si của tâm ta mà làm các Phật sự nên không lúc nào mà không được dắt dẫn, bấy giờ tâm ta ở trong đại tâm nguyện lực đức A-Di-Đà tu các thiện hạnh niệm Phật cầu sanh thì không một thiện hạnh nào mà không gồm đủ Phật đức, như vậy rõ biết Phật đức kia giúp ta thành tựu tam muội.

Nên biết rằng nguyện lực đức A-Di-Đà do ở sự phát tâm lúc ban đầu để cuối cùng đạt đến chỗ cứu cánh. Như vậy không một pháp nào mà chẳng trực thuộc vào tâm ta, vậy tâm ta tức là tâm Phật. Tâm ta từ vô thủy đến nay tốt đến vị lai tu tất cả tam muội thì không một pháp nào mà chẳng nhiếp về Phật hải thành bản lai Phật.

Phật tâm tức ngã tâm, như vậy y chánh sắc tâm, như quả, tịnh uế cùng ở nơi một tâm, mà thật không trở ngại, tất cả an trụ ở vị trí của tâm. Ở nơi một tâm, tuy tịnh uế không đồng nhưng điều mong cầu cũng không ra ngoài chơn tâm. Do phần vị mỗi thứ, tuy ở nơi tâm mà bỏ phần xấu ác giữ phần thanh cao, bỏ điều xấu giữ điều tốt lành ắt có sự cảm ứng đạo giao thấy được bản tánh Di-Đà, liễu ngộ như tâm tức tịnh uế tự phân. Ngộ được lý duy tâm Tịnh-Độ, cứ vậy mà tu tập, ví như một giọt nước rơi vào biển cả liền đồng một vị, mới biết biển cả tự như vậy, há lại có một hạnh hư vọng mà chẳng có công đức hay sao?

Như vậy thời biết quang minh oai đức nguyện lực đức A-Di-Đà thường ở tại thế gian giáo hóa không dừng nghỉ, muốn nhiếp thủ những chúng sanh lần tránh mê vọng hướng là người nhớ nghĩ đến Phật mà lại không được vãng sanh sao ?

Quốc độ kia đã thù thắng, người cầu sanh phải hết lòng phát khởi thắng hạnh nguyện, hoặc chỉ xưng danh hiệu, chuyên trì một câu chơn ngôn, và chỉ lễ lạy tuần nhiều, cho đến thiêu hương cúng hoa, sáu thời sám hối, phé bỏ thể duyên, như tâm chuyên chú quán tưởng hình dung Phật và tướng bạch hào, tâm không lười nãn, mạng chung quyết định được vãng sanh. Lại hằng hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không sát sanh, tu mười thiện nghiệp, thọ trì tam quy y, giữ tròn các giới, không phạm oai nghi, tin sâu như quả, không hủy báng đại thừa, khuyến tấn tu hành, tu các điều như trên cũng được sanh về Cực Lạc.

Nếu được sanh về Cực-Lạc, không những chỉ được sanh về lại hằng thấu rõ những sự nỗ lực tu tập niệm niệm cầu được sanh từ trước chính là lý vô niệm vô cầu vô sanh.

Nghĩa như thế nào ? Tức là tinh tế tu tập là không tu cũng chẳng phải bảo là chẳng tu là không tu. Nếu quả thật bảo bỏ hẳn thiện ác không vương vít không trở ngại là không tu thì đâu khác gì đoạn kiến của ngoại đạo, chẳng phải ngu si ư ! Há không nghe bậc cổ đức nói sắc tướng lại là vô tướng, do thâm tu mới là vô tu, lấy đó so sánh pháp pháp là như vậy, có thể không thăm xét sao !

Nay nên nghĩ mạng người vô thường, dứt hơi thở là sang đời khác, lại nữa thế sự tuần hoàn như vòng xích không dứt, nếu đời việc không vừa lòng phải nhọc tâm khổ trí đâm hờn trách sự đời, cho đến nếu đắc chí vừa lòng, xong rồi cũng chẳng được gì. Một khi quyết dứt thì nên dứt đoạn khởi hạnh lập nguyện tận lực vượt lên đúng với tâm niệm sanh về Cực-Lạc.

Nên tôi nay chấp tay cúi đầu xin khuyên các vị Phật tử nên phải nhứt tâm tinh tấn tu tập.

(Hồng Võ ngày 23 tháng chín năm Ất Hợi. Cẩn bút)

Phụ Lục 2: Kệ Tứ liệu giản

(Do Liên Tông Lục Tổ Diên Thọ Đại sư soạn)

Có Thiên không Tịnh-độ
Mười người, chín lạc lộ
Ám cảnh khi hiện ra
Chớp mắt đi theo nó

Không Thiên, có Tịnh-độ
Muôn tu, muôn thoát khổ
Vãng sanh thấy Di-Đà
Lo gì chẳng khai ngộ ?

Có Thiên, có Tịnh-độ
Nhu thêm sừng mãnh hổ.
Hiện đời làm thầy người
Về sau thành Phật, Tổ.

Không Thiên, không Tịnh-độ
Giường sắt, cột đồng lửa !
Muôn kiếp lại ngàn đời
Chẳng có nơi nương tựa.

Phụ lục 3: Văn khuyên phát tâm Bồ-đề

(Thật Hiền Đại sư soạn)

Từng nghe: Cửa yếu vào đạo, phát tâm làm đầu. Việc gấp tu hành, lập nguyện ở trước. Nguyện lập, tất chúng sanh có thể độ. Tâm phát, thì Phật đạo mới kham thành. Nếu không phát tâm rộng lớn. Lập nguyện vững bền, thì trái kiếp số như vi trần, vẫn còn trong vòng sanh tử. Dù có tu hành siêng khổ, chỉ luống công khó nhọc mà thôi !

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Nếu quên mất tâm bồ-đề mà tu các pháp lành đó là nghiệp ma”. Quên mất còn như thế, huống là chưa phát ư ? Cho nên, muốn học Như-Lai thừa, trước phát bồ-đề nguyện, điều này vẫn không thể lẩn lữa vậy.

Nhưng sự sai biệt của tâm nguyện, tướng trạng có rất nhiều. Nay xin vì đại chúng, mà ước lược tỏ bày. Phát tâm gồm tám tướng: là tà, chánh, chân, ngụy, đại, tiểu, thiên, viên. Tám tướng ấy như thế nào ?

1. Trong đời có người tu chỉ một bề hành theo sự tướng, không xoay vào tham cứu chân tâm. Hoặc theo việc bên ngoài, ưa thích hư danh, mong cầu lợi dưỡng. Hoặc đắm mê huyễn cảnh, tham dục lạc hiện tại, cầu phước báo đời sau. Phát tâm như thế gọi là Tà.
2. Bậc không cầu lợi dưỡng, cũng chẳng thích hư danh, vui hiện thế không màng, phước vị lai chẳng tưởng. Chỉ vì sống chết, mong cầu đạo Bồ-đề. Phát tâm như thế gọi là Chánh.
3. Niệm niệm trên cầu Phật đạo, tâm tâm dưới độ chúng sanh. Nghe thành Phật lâu xa chẳng khiếp lui, thấy chúng sanh khó độ không chán mỏi. Như leo cao muôn dặm, quyết trèo tận đỉnh. Như lên tháp báu chín cấp, đến ngọn chót cùng. Phát tâm như thế gọi là Chân.
4. Có tội không sám hối, có lỗi chẳng biết trừ. Trong trước mà ngoài thanh, trước siêng nhưng sau trễ. Tuy có lòng tốt, song xen lẫn với lợi danh. Dù tu pháp lành, bị tội nghiệp làm ô nhiễm. Phát tâm như thế gọi là Ngụy.
5. Chúng sanh độ hết, bản nguyện mới cùng, Phật đạo tròn nên, thể nguyện mới mãn. Phát tâm như thế gọi là Đại.
6. Xem ba cõi như tù ngục, nhìn sống chết tợ oan gia. Chỉ mong tự độ, không muốn độ người. Phát tâm như thế gọi là Tiểu.
7. Thấy ngoài tâm có chúng sanh mình phải độ. Hiểu ngoài tâm có Phật đạo rồi nguyện thành. Công tu tập chẳng sạch quên, sự kiến giải không tiêu mất. Phát tâm như thế gọi là Thiên (lệch).
8. Biết chúng sanh có tánh minh, nên nguyện độ thoát. Rõ Phật đạo là tánh minh, nên nguyện viên thành. Lìa ngoài nguồn tâm thể, không thấy có pháp chi. Rồi dùng tâm rộng như hư không, phát nguyện lớn như hư không, tu hạnh rộng như hư không. Kết cuộc chứng quả vô-chứng đắc như hư không, cũng chẳng thấy có tướng Không. Phát tâm như thế gọi là Viên.

Tám cách phát tâm trên đã biết rành rẽ. Nên tự xét kỹ, xem mình phát tâm thuộc về cách nào ? Nếu thấy Tà, Ngụy, Tiểu, Thiên phải lập tức sửa đổi. Như thuộc Chánh, Chân, Viên, Đại nên bền chắc thêm lên. Như thế mới gọi là chân chánh phát tâm Bồ-đề.

Bồ-đề tâm này là vua trong các pháp lành, phải có nhân duyên mới phát khởi được.

Nhân duyên ấy đại lược có mười thứ:

1. Vì nghĩ đến ơn Phật: Đức Thích-Tôn khi mới phát tâm, vì độ chúng ta, tu Bồ-tát đạo, trải vô lượng kiếp chịu đủ sự khổ. Lúc ta tạo nghiệp, đức Phật xót thương, phương tiện giáo hóa mà ta ngu si không chịu tin theo. Ta đọa ác đạo, Phật lại càng thương, muốn thay chịu khổ. Nhưng ta nghiệp nặng không thể cứu vớt. Ta sanh làm người, Phật dùng phương tiện, khiến gieo căn lành, nhiều kiếp theo dõi, lòng không tạm bỏ. Phật mới ứng thế, ta còn trầm luân, nay được thân người, Phật đã diệt độ. Tội chi mà không thấy kim thân ? May gì mà được gặp Thánh tượng?

Rồi tự suy nghĩ: Nếu đời trước chẳng trồng căn lành thì làm sao được nghe Phật Pháp ? Không nghe chánh pháp, đâu biết mình thường thọ Phật ân ? Ân đức này, bề thăm khôn cùng, non cao khó sánh ! Nếu không phát tâm bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát, giữ vững chánh pháp, cứu độ chúng sanh. Thì dù nát thịt tan xương cũng không đền đáp được ! Đây là nhân duyên thứ nhất.

2. Vì nhớ ơn cha mẹ: Than ôi ! Cha mẹ sanh ta ra khó nhọc. Mười tháng mang thai nặng nhọc, ba năm bú sữa mớm cơm. Khi được nên người, chỉ mong ta nối dõi tông đường, tự thừa tiên tổ. Ngờ đâu ta đã xuất gia, lạm xưng Thích tử, không dâng cơm nước, chẳng đỡ chân tay. Cha mẹ còn, ta không thể nuôi dưỡng thân già. Cha mẹ mất, ta chưa thể dất dìu thần thức. Chừng hồi tưởng lại thì, nước trời đã cách biệt từ dung, mồ biếc chỉ hắt hiu thu thảo. Như thế, với đời là sự tổn lớn, với đạo lại không ích chi, hai đường đã lỗi, khó tránh tội khiên !

Nghĩ như thế rồi, làm sao chuộc lại ? Chỉ có trăm kiếp nghìn đời, tu Bồ-tát hạnh, mười phương ba cõi độ khắp chúng sanh. Được như vậy, chẳng những cha mẹ một đời, mà cha mẹ nhiều đời đều nhờ độ thoát. Chẳng những cha mẹ một người, mà cha mẹ nhiều người, cũng được siêu thăng. Đây là nhân duyên thứ hai.

3. Vì tưởng ơn Sư trưởng: Cha mẹ tuy sanh dục sắc thân, nhưng nếu không có thầy thế gian, thì ta chẳng hiểu biết nghĩa nhân. Không có thầy xuất thế, tất ta chẳng am tường Phật Pháp. Không biết lễ nghĩa, liêm sỉ, nào khác chi loài cầm thú ? Không tường nhân quả Phật Pháp, đâu khác gì hàng ngu mê ? Nay ta biết chút ít lễ nghĩa, hiểu đôi phần Phật Pháp là nhờ đâu ? Huống nữa, thân giới phẩm đã nhuận phần đức hạnh, áo ca-sa thêm rạng vẻ phước điền, thực ra đều do ân sư trưởng mà được.

Đã biết như thế, nếu ta cầu tiểu quả thì chỉ có thể lợi riêng cho mình. Nay phải phát đại tâm, mới mong độ các loài hàm thức. Như vậy, thầy thế gian mới dự hưởng phần lợi ích, mà xuất thế cũng thỏa mãn vui lòng. Đây là nhân duyên thứ ba.

4. Vì nghĩ ân thí chủ: Kẻ xuất gia hôm nay, đồ mặc thức ăn đều nhờ tín thí, thuốc men giường chiếu cũng của đàn na. Người nhọc sức cày vẫn còn kém thiếu. Ta ngồi không thọ hưởng sao nở an lòng? Kẻ dật may gian khổ chẳng kể đêm hôm. Ta y phục dư thừa, há không mến tiếc ? Người nhà lá vách phen, trọn đời bận rộn. Ta nền cao đền rộng thông thả quanh năm. Đem công sức nhọc để cung cấp cho ta sự an nhàn, lòng nào vui được ? Lấy tài lợi riêng để giúp cho ta được no đủ, lý có hợp không ?

Thế nên tự nghĩ: Phải vận lòng bi trí, tu phước huệ trang nghiêm để đàn tín được phước duyên, chúng sanh nhờ lợi ích. Bằng chẳng vậy thì chút hạt cơm tấc vải đền đáp có phần, thân nô dịch súc sanh, nợ nần phải trả. Đây là nhân duyên thứ tư.

5. Vì biết ơn chúng sanh: Ta cùng chúng sanh từ vô thủy đến nay, kiếp kiếp đời đời thay đổi làm quyến thuộc, kia đây đều có nghĩa với nhau. Nay dù cách đời đổi thân, hôn mê không nhớ biết, song cứ lý suy ra, chẳng thể không đền đáp.

Vậy loại mang lông đội sừng ngày nay, biết đâu là con của nó trong kiếp trước ? Loài bướm ong trùng đé trong hiện tại, biết đâu là thân sinh tiền thế của mình ? Đến như tiếng rên xiết trong thành ngạ quỷ, giọng kêu la dưới cõi âm ty, ta tuy không thấy chẳng nghe, họ vẫn van cầu cứu vớt. Ngoài kinh ra, nơi đâu bày tỏ việc này ? Không Phật nói, chẳng ai hiểu rành điều ấy, cho nên Bồ-tát xem ong kiến là cha mẹ quá khứ, nhìn thú cầm là chư Phật vị lai. Thương nẻo khổ lâu dài, hằng lo cứu vớt. Nhớ nghĩa xưa sâu nặng, thường tưởng báo ân. Đây là nhân duyên thứ năm.

6. Vì tưởng khổ sanh tử : Ta cùng chúng sanh nhiều kiếp đến nay hằng trong vòng sanh tử, chưa từng được thoát ly. Khi ở cõi này, lúc thế giới khác, khi sanh lên thiên cảnh, lúc sống ở nhơn gian, siêu đọa phút giây, xuống lên muôn nẻo. Cửa quý sớm đi rồi chiều lại âm ty, nay thoát bỗng mai vào. Lên non đao rừng kiếm, thân thể đứt rời. Nuốt sắt nóng dầu sôi, ruột gan rã cháy. Khóc than trong lửa, rên xiết trong băng. Muôn lần sống chết nội ngày đêm, giây phút khổ đau bằng thế kỷ. Lúc ấy dù biết tội khổ, nhưng ăn năn sao kịp! Khi ra khỏi tội liền quên mất, vẫn tạo tội như thường. Tâm không hằng lữ khách ruổi rong. Thân chẳng định đường cửa nhà thay đổi. Cát bụi cõi đại thiên không tính nổi số thân luân chuyển. Nước đầy trong bốn biển chẳng nhiều bằng giọt lệ biệt ly. Nếu không lời Phật, việc này ai thấy ai nghe ? Ví chẳng xem kinh, lý ấy đâu hay đâu biết! Thẳng hoặc luyến mê như trước, chỉ y cũ luân hồi. Rồi ra muôn kiếp nghìn sanh, khó hồi một lần trăm lần. Giờ tốt tội qua mà chẳng lại, thân người dễ mất nhưng khó tìm. Âm cảnh mịt mờ, xót nỗi biệt ly dài dặc! Tam đồ ác báo, thương cho thống khổ ai thay ?
7. Vì tôn trọng tánh linh: Tâm tánh của ta cùng Thích-Ca Như Lai không hai không khác. Tại sao đức Thích Tôn đã thành chánh giác sáng suốt tự tại, mà ta vẫn còn phạm phu điên đảo hôn mê? Lại đức Thế Tôn có đủ vô lượng thần thông trí tuệ, công đức trang nghiêm. Còn chúng ta thì đầy vô lượng phiền não nghiệp duyên, lụy trần ràng buộc ?

Tâm tánh tuy vẫn đồng một, vì mê ngộ nên cách vực trời. Ví như hạt bửu châu vô giá vùi dưới bùn nhơ, người xem thường đất đá. Cho nên phải dùng vô lượng pháp lành đối trị phiền não, để tánh đức hiển bày. Như bảo châu được rửa sạch lau khô, treo đề trên tràng cao liền phóng quang rực rỡ. Thế mới không uổng công Phật giáo hóa, chẳng phụ tánh linh mình, xứng đáng bậc trượng phu. Đây là nhân duyên thứ bảy.

8. Vì sám hối nghiệp chương: Kinh nói: “Phạm một giới nhỏ, phải đọa vào địa ngục bằng tuổi thọ Tứ Thiên Vương”. Lỗi nhỏ còn như thế, huống chi tội nặng ư ? Chúng ta mỗi ngày một cử một động thường sai giới luật, lúc ăn lúc uống hằng phạm thi-la (giới). Tính kỹ trong một ngày cũng đã nhiều tội, huống chi trọn đời, cho đến vô lượng kiếp về trước ! Cứ lấy năm giới mà xét thì mười người đã hết chín phạm, ít phát lộ nhiều dấu che. Năm giới còn như thế, huống là giới sa-di, tỳ kheo và Bồ-tát ư ?

Nay ta phải phát lòng thương mình, thương người, lệ rơi theo tiếng, thân khẩu thiết tha, cùng với chúng sanh, cầu xin sám hối ! Chẳng thế thì ngàn đời muôn kiếp các báo khó trừ, làm sao thoát khổ? Đây là nhân duyên thứ tám.

9. Vì cầu sanh Tịnh-độ: Ở cõi này tu tập việc tiến đạo khó khăn, về Cực Lạc hành trì sự thành Phật dễ thuận. Vì dễ thuận nên một đời liền đắc quả. Bởi khó khăn nên nhiều kiếp vẫn chưa thành. Cho nên Thánh trước Hiền sau người người xu hướng. Ngàn kinh muôn luận, chỗ chỗ chỉ quy. Sự tu hành giữa thời mạt pháp thật không chi hơn pháp môn Tịnh độ. Như kinh nói: Ít căn lành khó được vãng sanh, nhiều phước đức mới về cõi Tịnh. Nhiều phước đức không gì bằng chấp trì danh hiệu. Nhiều căn lành chẳng chi hơn phát ý bồ-đề. Tam trì danh hiệu thắng hơn bố thí trăm năm. Một phát đại tâm vượt quá tu hành nhiều kiếp. Bởi niệm Phật vẫn mong thành Phật, đại tâm không phát thì niệm Phật để làm chi ? Còn phát tâm vốn để tu hành, Tịnh độ chẳng cầu dù phát cũng dễ thôi chuyển. Cho nên gieo hạt giống bồ-đề, cày lười cày niệm Phật, đạo quả tự nhiên tăng tiến. Nương chiếc thuyền đại nguyện, vào biển màu Tịnh-độ. Tây phương quyết định sanh về. Đây là nhân duyên thứ chín.
10. Vì hộ trì chánh pháp: Đức Thế Tôn vô lượng kiếp đến nay vì chúng ta mà tu đạo bồ-đề. Ngài đã làm việc khó làm, nhịn điều khó nhịn, công tròn quả mãn, thành đấng Như Lai. Sau khi thành Phật, duyên giáo hóa đã xong liền vào Niết Bàn. Nay chánh pháp đã qua, tượng pháp đã hết, chỉ còn mạt pháp, có kinh giáo mà không kẻ đắc thành. Thời nay tà chánh chẳng phân, thị phi lẫn lộn, tranh đua nhơn ngã, đeo đuổi lợi danh, Tam bảo chẳng còn thật nghĩa, suy tàn tột tệ không nở thốt lời, khi nghĩ đến đây khó cảm giọt lệ !

Ta là Phật tử không báo được ân, trong không ích cho mình, ngoài không ích cho người, sống không ích dương thế, chết không ích đời sau. Suy nghĩ như vậy đau lòng xót dạ, vội phát bồ-đề, nguyện nguyện độ sanh, tâm tâm cầu Phật, thề hết báo thân sanh về Cực Lạc. Những mong sau khi chúng quả trở lại Ta-bà khiến cho Phật nhật rạng soi, pháp môn rộng mở. Tăng hải đẹp thanh nơi cõi trước, nhân dân tu đức ở phương Đông. Kiếp vận nhờ đó mà tiêu trừ, chánh pháp do đây mà bền vững. Đây là nhân duyên thứ mười.

Như trên tám cách đã thông, mười duyên đã biết, phát tâm có chỗ, xu hướng có nơi. Trông mong đại chúng đồng lập đại nguyện, đồng phát đại tâm. Nếu chưa phát thì nay phát, đã phát nên tăng trưởng, đã tăng trưởng khiến tương tục. Chớ thấy khó mà thôi khiếp, chớ thấy dễ mà khinh thường. Chớ dục tốc mà chẳng bền lâu. Chớ biếng trễ mà không tiến ích. Cũng đừng vì tối dốt mà một mặt vô tâm, đừng vì trí cạn mà tự hiềm vô phận. Ví như trồng cây, trồng lâu thì rễ cạn lần sâu. Lại như mài dao, mài bền thì lưỡi lứt lần bén. Đâu nên vì rễ cạn mà bỏ khô không vun tưới, dao lứt mà để luống thành phế hư !

Còn nếu cho tu hành là khổ, tất chưa biết biếng trễ lại càng khổ hơn! Tu hành tuy siêng nhọc nhứt thời, nhưng an vui mãi mãi.

Biếng trễ chỉ tạm nhàn một kiếp, song khổ lụy đời đời. Hướng chi dùng Tịnh Độ làm thuyền bè, đâu lo gì thôi chuyển? Lại được Vô-sanh làm sức nắn, há còn sợ gian nan ? Chớ bảo ý niệm vô thường, nguyện suông vô ích ! Phải biết tâm chân thì sự thật, nguyện rộng tất hạnh sâu. Hư không chẳng rộng lớn bằng nguyện tâm, kim cương không cứng bền bằng nguyện lực.

Đại chúng nếu không chê bỏ lời này thì xin nguyện cùng làm quyến thuộc bồ-đề, bạn lành Tịnh-độ. Nguyện đồng sanh Cực-Lạc, đồng thấy Di-Đà, đồng hóa chúng sanh, đồng thành chánh giác.

(Trích trong tập Mây Diệu Sen Thanh do Hòa-Thượng Thích Thiền Tâm dịch)

Chú thích:

1. Nhị giác: tự giác và giác tha
2. Ba tâm: tâm chí thành, thâm tâm và hồi hướng tâm.
3. Tứ cú: Có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không.
4. Tam hoặc: Kiến tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh hoặc.
5. Tam pháp: định, huệ, xả.
6. Ngũ độ: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn và thiền định, trừ bát nhã (trí tuệ).
7. Như đạo: Như người hướng dẫn đường lối.
8. Ba quán: quán không, quán có và quán trung đạo
- 8a. Thập bát bất cộng pháp: cũng gọi là thập bát bất cụ pháp. Phật có 18 món công đức chẳng chung cùng với hai thừa (Thanh văn và Duyên Giác) nên gọi là bất cộng pháp, và ba thừa không đủ nên gọi là bất cụ. 18 pháp là:
 1. Thân không lỗi. 2. Miệng không lỗi. 3. Ý tưởng không lỗi. 4. Không có tướng khác.
 5. Tâm không phải không định. 6. Chẳng phải không biết chuyện đã bỏ. 7. Sự dục không diệt. 8. Sự tinh tấn không diệt. 9. Ý tưởng không diệt. 10. Trí huệ không diệt. 11. Giải thoát không diệt. 12. Giải thoát tri kiến không diệt. 13. Hết thấy thân nghiệp tùy theo trí huệ mà thật hành. 14. Hết thấy khẩu nghiệp tùy theo trí huệ mà xuất phát. 15. Hết thấy ý nghiệp tùy theo trí huệ mà suy tưởng. 16. Trí tuệ biết đời quá khứ không ngại. 17. Trí huệ biết hết đời vị lai. 18. Trí huệ biết đời hiện tại vô ngại.
9. Ngũ đạo: năm đường là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh ...
10. Chướng, nghiệp: phiền não chướng như tham, sân, si v.v... nghiệp chướng như tội ngũ nghịch, thập ác ... và báo chướng như quả báo ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh ...
11. Ngạn ngữ có câu: bình sanh không lo đào giếng, đến khi khát nước làm sao lo kịp.
12. Nghĩa là giả sử sự tạo nghiệp trong trăm ngàn kiếp trước không mất, một khi nhân chín mùi duyên trọn đủ thì quả báo liền đến nơi.
13. Tiệm giáo thuộc tiểu thừa giáo. Pháp môn dạy lần lần vì chúng sanh căn tánh chậm lụt nên hướng dẫn từ thấp đến cao. Trái với đốn và viên giáo.
14. Ba thứ tịnh nhục: ăn thịt chúng sanh nếu: mắt không thấy giết vì mình, tai không nghe giết vì mình, nghi giết vì mình. Trong kinh Niết Bàn quyển 4 chép: Bồ-tát Ca-Điếp hỏi đức

Phật vì sao không cho tỳ kheo ăn thịt, đức Phật nói: ăn thịt là đoạn mất tâm đại bi, sở dĩ cho ăn ba thứ tịnh nhục là tùy duyên tạm cho đó thôi.

15. Tám thứ gió: danh lợi, thương yêu, nói xấu, khen ngợi, tăng bốc, chê bai, khổ, vui. Tám điều này làm cho ta thôi thất đạo tâm.

16. Tứ dân: bốn hạng người: sĩ, nông, công, thương.

17, 18, 19 : xem ở phần cuối chú thích.

20. Ca-Lợi Vương: vua Ca-Lợi là tiền thân của ngài Kiều Trần Như. Ca-Lợi là tiếng phạn tàu dịch Hung bạo.

21. Nhơn địa là đối với quả địa. Sự phát tâm tu hành, thời gian tu tập là nhơn, chứng Phật quả là quả.

22. Hoa phân đà lợi: hoa sen trắng đang thời kỳ vừa nở.

23. Lục niệm: sáu điều nhớ nghĩ: niệm Phật; niệm Pháp; niệm Tăng (thánh tăng); niệm giới tức giới luật; niệm thí tức xả bỏ; niệm thiên tức suy xét ba cõi trời dục giới thiên, sắc giới thiên và vô sắc giới thiên tự mình không mong muốn sanh về đó.

24. Hạ bối sanh: chỉ cho ba bậc thượng, trung, hạ của hạ phẩm.

Nguyện đem công đức này,

Hướng về khắp tất cả,

Đệ tử và chúng sanh

Đều sanh về Cực-Lạc,

Dịch xong ngày 8 tháng 4 năm 2001

Phật lịch 2545 ngày 15-3-Tân Ty.